

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH TỰ ĐỘNG HOÁ XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
trong Đại học Thái Nguyên

- Thái Nguyên, 2014 -

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO CHUYÊN NGÀNH TỰ ĐỘNG HÓA XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP**
(Theo Quyết định Số: 73/QĐ – ĐHKTCN, ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Hiệu
trưởng Trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phan Quang Thế	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Trần Minh Đức	TS, Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ
3	Trần Xuân Minh	TS, Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ
4	Đỗ Trung Hải	TS, Trưởng khoa Điện	P. Chủ tịch HĐ
5	Phạm Thị Mai Yến	ThS, Trưởng phòng TTKT&ĐBCLGD	UV-Thư ký
6	Phạm Quang Hiếu	ThS, P. Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
7	Đỗ Mạnh Cường	Th.S, Tổ trưởng tổ quản lý điểm	Ủy viên
8	Trần lệ Thu	KS, P.Trưởng phòng HC-TC	Ủy viên
9	Phạm Đức Ngọc	KS, Trưởng phòng CT-HSSV	Ủy viên
10	Nguyễn Quốc Hùng	ThS, Trưởng phòng QT-PV	Ủy viên
11	Nguyễn Duy Hiền	CN, Trưởng phòng KH-TC	Ủy viên
12	Nguyễn Ngọc Kiên	ThS, P.Trưởng khoa Điện, Trưởng BM TĐH	Ủy viên TT
13	Đặng Danh Hoàng	TS, P. Trưởng khoa Điện	Ủy viên
14	Ngô Đức Minh	TS, Trưởng BM Hệ thống điện	Ủy viên
15	Nguyễn Quốc Hiếu	ThS, Trưởng BM Thiết bị điện	Ủy viên
16	Trần Thị Thanh Hải	ThS, P.Trưởng BM Kỹ thuật điện	Ủy viên
17	Dương Quốc Tuấn	ThS, Trợ lý Đào tạo	Thư ký

(Ấn định danh sách: 17 người)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	1
I. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo	1
II. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo	1
10. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường: nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số khoa, ngành, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật	1
11. Cơ cấu tổ chức hành chính của Nhà trường	2
12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt khoa Điện	3
13. Các ngành/chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo).....	4
14. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)	4
III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo	4
16. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo	4
17. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007)	6
18. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)	7
19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu	7
IV. Người học (chỉ tính số lượng người học chương trình đào tạo này)	8

20. Tổng số sinh viên đăng ký dự thi tuyển vào chương trình đào tạo, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)	8
21. Thống kê, phân loại số lượng sinh viên theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy	8
22. Số sinh viên quốc tế theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây	9
23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá/tổng số sinh viên có nhu cầu	9
24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học	10
25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp đại học trong 5 năm gần đây	10
26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy	10
V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	15
28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được nghiệm thu trong 5 năm gần đây	15
29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo trong 4 năm gần đây	15
30. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây	16
31. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được xuất bản trong 5 năm gần đây	16
32. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết sách trong 5 năm gần đây	16
33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây	17
34. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây	17
35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện	18

chương trình đào tạo báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây	
36. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây	18
37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp	19
38. Nghiên cứu khoa học của học sinh/sinh viên	19
VI. Cơ sở vật chất, thư viện và tài chính	19
VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng	20
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ	22
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	22
II. TỔNG QUAN CHUNG	23
III. TỰ ĐÁNH GIÁ	32
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	32
Tiêu chí 1.1:	33
Tiêu chí 1.2:	36
Tiêu chí 1.3:	38
Tiêu chí 1.4:	39
Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo	49
Tiêu chí 2.1:	42
Tiêu chí 2.2:	43
Tiêu chí 2.3:	44
Tiêu chí 2.4:	46
Tiêu chí 2.5:	47
Tiêu chí 2.6:	49
Tiêu chuẩn 3: Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo	51
Tiêu chí 3.1:	51
Tiêu chí 3.2:	54

Tiêu chí 3.3:	56
Tiêu chuẩn 4: Kiểm tra đánh giá	58
Tiêu chí 4.1:	59
Tiêu chí 4.2:	61
Tiêu chí 4.3:	63
Tiêu chí 4.4:	65
Tiêu chí 4.5:	66
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hoá	70
Tiêu chí 5.1:	70
Tiêu chí 5.2:	73
Tiêu chí 5.3:	75
Tiêu chí 5.4:	77
Tiêu chí 5.5:	79
Tiêu chuẩn 6: Người học	81
Tiêu chí 6.1:	82
Tiêu chí 6.2:	83
Tiêu chí 6.3:	85
Tiêu chí 6.4:	87
Tiêu chí 6.5:	90
Tiêu chí 6.6:	92
Tiêu chuẩn 7: Trang bị cơ sở vật chất	95
Tiêu chí 7.1:	95
Tiêu chí 7.2:	97
Tiêu chí 7.3:	99
Tiêu chí 7.4:	100
Tiêu chí 7.5:	102
Tiêu chuẩn 8: Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy/học tập	104
Tiêu chí 8.1:	104

Tiêu chí 8.2:	106
IV. Kết luận	108

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Chú thích
1	ĐVHT	Đơn vị học trình
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	VLVH	Vừa làm vừa học
4	NCKH	Nghiên cứu khoa học
5	CBVC	Cán bộ viên chức
6	SV	Sinh viên
7	HSSV	Học sinh sinh viên
8	TNTN	Thanh niên tình nguyện
9	BCH	Ban chấp hành
10	phòng CT-HSSV	Phòng Công tác - Học sinh sinh viên
11	GVCN-CVHT	Giáo viên chủ nhiệm - Cố vấn học tập
12	ĐHKTCN- KT&ĐBCLGD	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp-Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục
13	BCN	Ban chủ nhiệm
14	ĐH	Đại học
15	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
16	ĐHTN	Đại học Thái Nguyên
17	QĐ-ĐHTN	Quyết định - Đại học Thái Nguyên
18	TTKT&ĐBCLGD	Thanh tra Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục
19	Phòng TTKT&ĐBCL	Phòng Thanh tra khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục
20	PGS	Phó Giáo sư
21	TS	Tiến sĩ
22	ThS	Thạc sĩ
23	THĐ	Tự động hoá
24	Đại học KTCN	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH TỰ ĐỘNG HÓA XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP**

Mã/tên trường: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Tên chương trình: Tự động hóa xí nghiệp Công nghiệp

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Thang điểm					Điểm trung bình của tiêu chuẩn
	0	1	2	3	4	
Tiêu chuẩn 1						3
Tiêu chí 1.1				3		
Tiêu chí 1.2				3		
Tiêu chí 1.3				3		
Tiêu chí 1.4				3		
Tiêu chuẩn 2						2,825
Tiêu chí 2.1				3		
Tiêu chí 2.2				3		
Tiêu chí 2.3				3		
Tiêu chí 2.4				3		
Tiêu chí 2.5			2			
Tiêu chí 2.6				3		
Tiêu chuẩn 3						3,33
Tiêu chí 3.1					4	
Tiêu chí 3.2				3		
Tiêu chí 3.3				3		
Tiêu chuẩn 4						3
Tiêu chí 4.1				3		
Tiêu chí 4.2				3		
Tiêu chí 4.3					4	
Tiêu chí 4.4			2			
Tiêu chí 4.5				3		
Tiêu chuẩn 5						3,4
Tiêu chí 5.1					4	
Tiêu chí 5.2					4	
Tiêu chí 5.3				3		

Tiêu chí 5.4				3		
Tiêu chí 5.5				3		
Tiêu chuẩn 6						3,5
Tiêu chí 6.1				3		
Tiêu chí 6.2					4	
Tiêu chí 6.3				3		
Tiêu chí 6.4					4	
Tiêu chí 6.5				3		
Tiêu chí 6.6					4	
Tiêu chuẩn 7						
Tiêu chí 7.1				3		
Tiêu chí 7.2				3		
Tiêu chí 7.3				3		
Tiêu chí 7.4				3		
Tiêu chí 7.5			2			
Tiêu chuẩn 8						3
Tiêu chí 8.1				3		
Tiêu chí 8.2				3		
Điểm trung bình chung của chương trình						24,855/8 =3.1

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 9/2014

I. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt và tiếng Anh): Tự động hóa xí nghiệp Công nghiệp (Automation of the industrial enterprise).
2. Tên viết tắt (tiếng Việt và tiếng Anh): Tự động hóa (Automation)
3. Tên trước đây: Điện khí hóa xí nghiệp công nghiệp
4. Cơ sở đào tạo: Trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên
5. Địa chỉ: Đường 3-2, phường Tích Lương – Thành phố Thái Nguyên- Tỉnh Thái Nguyên
6. Số điện thoại liên hệ: 02083.847.165
E-mail: khoadien@tnut.edu.vn Website: <http://www.efa.tnut.edu.vn>
7. Năm thành lập cơ sở đào tạo: 1964
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 1972
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Năm 1977

II. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

10. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.

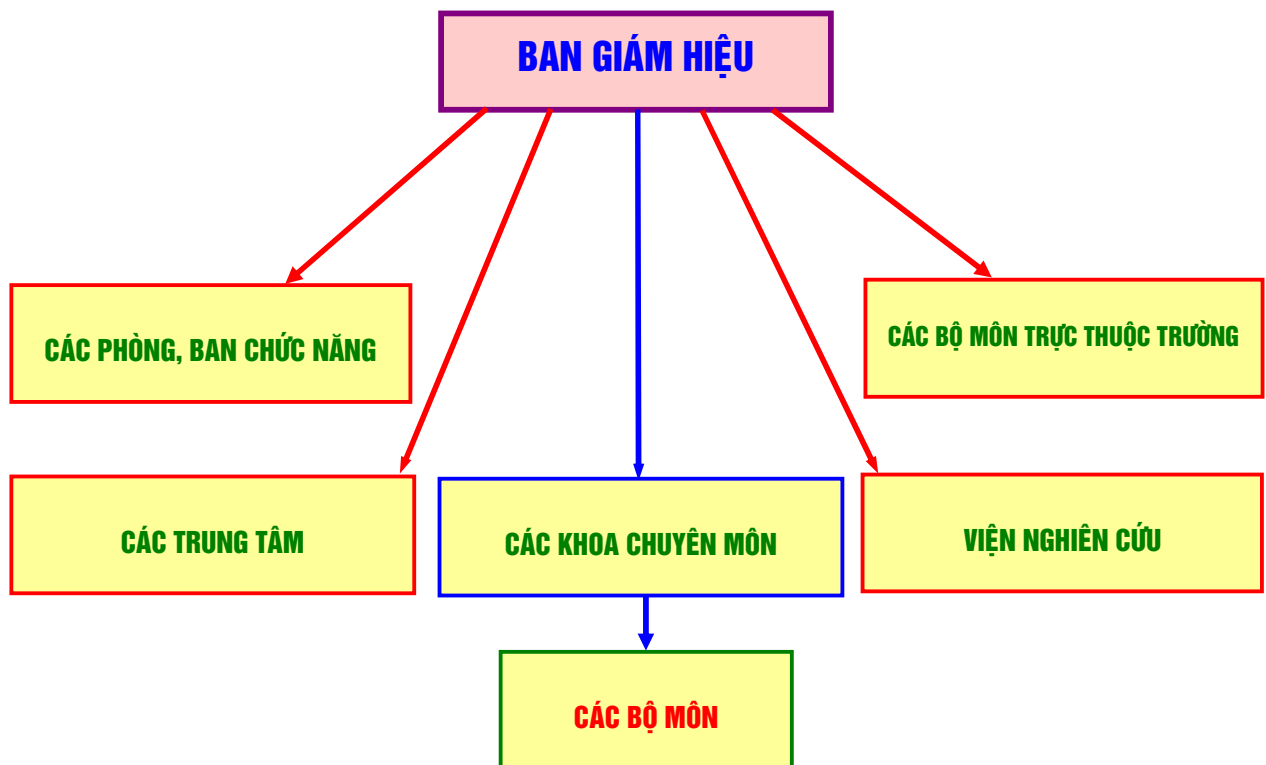
Khoa Điện được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1972. Ngay sau khi được thành lập, đúng vào thời kỳ giặc Mỹ đánh phá ác liệt nhằm phá hoại công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, trong đó có khu Gang thép Thái Nguyên. Ngày 02/11/1972 thầy và trò khoa Điện chuyển từ nơi sơ tán Xã Phục Linh, Huyện Đại từ về nơi sơ tán mới xã Long Thành - Huyện Phổ Yên - Bắc Thái. Sau khi Hiệp định Pari về việc lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết. Ngày 27/03/1973 thầy và trò khoa Điện rời xã Long Thành - Phổ Yên - Bắc Thái trở về trường công tác và học tập. Giai đoạn đầu khi đất nước thống nhất, cả nước còn nhiều khó khăn, những năm (1980 đến 1984) Nhà nước phải vận dụng chính sách tạm nghỉ “tự túc”: cán bộ, giáo viên, sinh viên tạm nghỉ làm việc, giảng dạy và học tập một đến hai tháng để tự túc lương thực. Trong thời

gian này Khoa Điện bằng chính nội lực của mình, các giảng viên khoa Điện đã thâm nhập thực tế ngoài xã hội, chia sẻ kiến thức cho phục vụ sản xuất, ký kết các hợp đồng kinh tế với các nhà máy, các cơ sở sản xuất bên ngoài,... mang về lợi nhuận kinh tế và uy tín cho nhà trường, đồng thời cải thiện nâng cao đời sống cho tập thể, cá nhân người tham gia. Đó chính là phôi thai cho sự ra đời Công ty TNHH Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Niềm tự hào của Nhà trường.

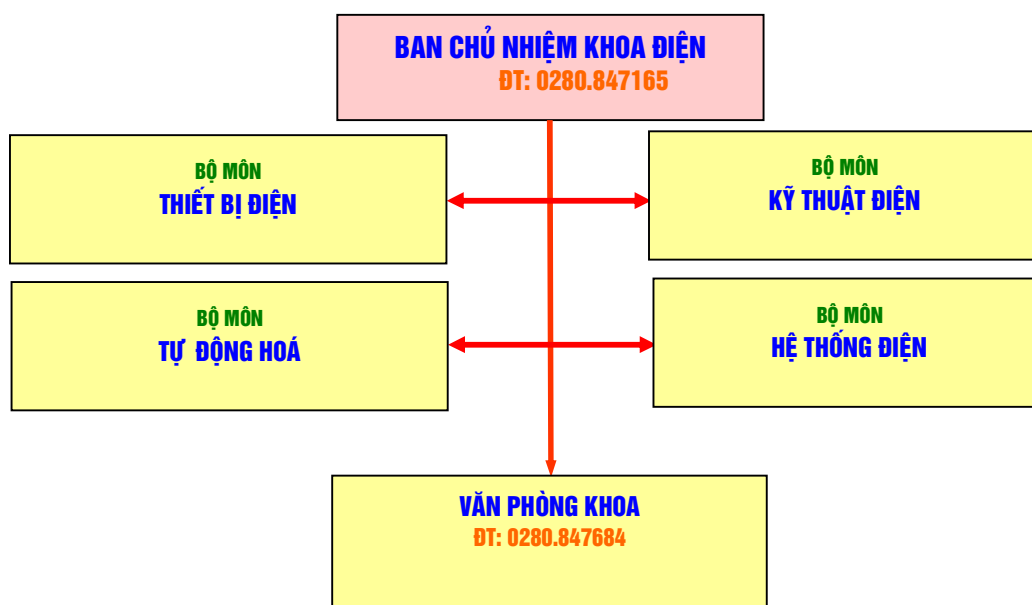
Năm 2005 khi nhà trường chuyển hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ Khoa Điện đã thực hiện chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ với chương trình 180 tín chỉ và đến năm 2009 là 155 tín chỉ cho đến 2012 các chuyên ngành như Tự động hóa, Hệ thống điện, Kỹ thuật điện, thiết bị điện và cho đến năm 2013 Nhà trường đã yêu cầu Khoa rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo thành 152 tín chỉ với mục tiêu đáp ứng nhu cầu xã hội.

11. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở đào tạo và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.

- Cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp:



- Cơ cấu tổ chức của Khoa Điện:



12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt Khoa điện

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
1. Ban Chủ nhiệm khoa			
Chủ nhiệm khoa	Đỗ Trung Hải	1974	TS, Trưởng Khoa
Phó chủ nhiệm khoa	Nguyễn Ngọc Kiên	1962	ThS, Phó Trưởng Khoa
Phó chủ nhiệm khoa	Đặng Danh Hoàng	1977	TS, Phó Trưởng Khoa
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội			
Chi bộ	Nguyễn Ngọc Kiên	1962	ThS, Bí thư
Đoàn thanh niên	Đặng Ngọc Trung	1983	ThS, Bí thư
Công đoàn	Nguyễn T.Thu Hường	1968	ThS, Chủ tịch
3. Các bộ môn			
Tự động hoá	Nguyễn Ngọc Kiên	1962	ThS, Trưởng bộ môn
Hệ thống điện	Ngô Đức Minh	1960	TS, Trưởng bộ môn
Kỹ thuật điện	Lê Thị Thu Hà	1977	TS, Trưởng bộ môn
Thiết bị điện	Nguyễn Quốc Hiệu	1966	ThS, Trưởng bộ môn

13. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo:

Số lượng ngành đào tạo: **03** (Kỹ thuật điện-điện tử; Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật điện (Chương trình tiên tiến)).

Chuyên ngành Đào tạo: **05** (Hệ thống điện; Thiết bị điện; Kỹ thuật điện; Tự động hóa XNCN; Kỹ thuật điều khiển).

14. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác: không

15. Tổng số các ngành đào tạo: 03

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

16. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	39	12	51
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	10	12	22
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1	4		4

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			
	Tổng số	52	24	77

Thống kê, phân loại giảng viên (*Chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây*)

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0					
2	Phó Giáo sư	4	1			3	
3	Tiến sĩ KH	0					
4	Tiến sĩ	15	10	1	3	1	
5	Thạc sĩ	38	31	4	3		
6	Đại học	13	3	9	1		
7	Cao đẳng	0					
8	Trình độ khác	0					
	Tổng số	70	45	14	7	4	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 66 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 10,75%

17. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007)

Số liệu bảng 17 được lấy từ bảng 16 nhân với hệ số quy đổi.

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	3,0	0						0
2	Phó Giáo sư	2,5	1						7
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0						0
4	Tiến sĩ	2,0	14	10	1	3			22
5	Thạc sĩ	1,3	38	31	4	3			45,5
6	Đại học	1,0	13	3	9	1			15
7	Cao đẳng	0,5	0						0
8	Trình độ khác	0,2	0						0
	Tổng		66	45	14	7	0		89,5

Cách tính: Cột 10 = cột 3. (cột 5 + cột 6 + 0,3.cột 7 + 0,2.cột 8 + 0,2.cột 9)

18. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
			Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ								
2	Phó Giáo sư	1	1					1	
3	Tiến sĩ khoa học	0							
4	Tiến sĩ	14	13	1		8	1	5	
5	Thạc sĩ	38	26	12	13	21	1	3	
6	Đại học	13	8	5	11	2			
7	Cao đẳng	0							
8	Trình độ khác	0							
	Tổng	66	48	18	24	31	2	9	

18.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 30-40 tuổi

18.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 22,73%

18.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 57,58%

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		
2	Thường sử dụng (60-80% thời gian của công việc)	75	70

3	Đôi khi sử dụng (40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
6	Tổng		

IV. Người học (chỉ tính số lượng người học chương trình đào tạo này)

20. Tổng số sinh viên đăng ký dự thi tuyển vào chương trình đào tạo, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2008-2009	573	13,5/30	14,5	0
2009-2010	738	13,5/30	14	7
2010-2011	637	13/30	13	3
2011-2012	451	13/30	13	8
2012-2013	471	13/30	12,78	0

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang theo học chương trình đào tạo này (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007): 2.296 người

21. Thống kê, phân loại số lượng sinh viên theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Hệ chính quy	1884	2210	2439	2403	2291
Hệ không chính quy	1892	1606	1086	808	787

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi): 1.796 người

Tổng số sinh viên quy đổi (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007) : 2.290 người

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 26,5 SV/1GV

22. Số sinh viên quốc tế theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2008- 2009	2009- 2010	2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013
Số lượng	0	7	3	8	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0	0,06	0,025	0,068	0

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá/tổng số sinh viên có nhu cầu:

Các tiêu chí	2008- 2009	2009- 2010	2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	23418	23418	23418	23418	19080
2. Sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	1884	2210	2439	2403	2291
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá (người)	230	367	401	670	701
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	11,7	11,7	11,7	11,7	6,3

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	Năm học				
	2008- 2009	2009- 2010	2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013
Số lượng	9	13	13	13	14
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0,076	0,11	0,11	0,11	0,12

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp đại học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2008- 2009	2009- 2010	2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013
Hệ chính quy	257	323	463	496	343
Hệ không chính quy	327	1029	260	158	209

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2008- 2009	2009- 2010	2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013
26.1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	257	323	463	496	343
26.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	53	54	52	56	58
26.3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: A. Đơn vị thực hiện chương trình					

đào tạo không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
26.3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	231 >90%	295 >90%	417 >90%	448 >90%	310 >90%
26.3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	26 <10%	28 <10%	46 <10%	48 <10%	33 <10%
26.3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
26.4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
26.4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	195 >75% 245	242 >75% 310	348 >75% 440	372 >75% 474	257 >75% 325

	>95%	>95%	>95%	>95%	>95%
26.4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	51 >20%	63 >20%	90 >20%	95 >20%	65 >20%
26.4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	2-4 triệu	2-4 triệu	2-4 triệu	3-5 triệu	3-5 triệu
26.5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
26.5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	218 >85%	275 >85%	395 >85%	422 >85%	292 >85%
26.5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	25 <10%	32 <10%	45 <10%	48 <10%	38 <10%
26.5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	14 5%	16 5%	23 5%	26 5%	13 5%

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
27.1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	584	1352	723	654	552

27.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	50	100	99	100	100
27.3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: A. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
27.3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	231 >90%	295 >90%	417 >90%	448 >90%	310 >90%
27.3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	26 <10%	28 <10%	46 <10%	48 <10%	33 <10%
27.3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
27.4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5					

B. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
27.4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	195 >75%	242 >75%	348 >75%	372 >75%	257 >75%
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	245 >95%	310 >95%	440 >95%	474 >95%	325 >95%
27.4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	51 >20%	63 >20%	90 >20%	95 >20%	65 >20%
27.4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	2-4 triệu	2-4 triệu	2-4 triệu	3-5 triệu	3-5 triệu
27.5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
27.5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	218 >85%	275 >85%	395 >85%	422 >85%	292 >85%
27.5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	25 <10%	32 <10%	45 <10%	48 <10%	38 <10%
27.5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào	14	16	23	26	13

tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	5%	5%	5%	5%	5%
--	----	----	----	----	----

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0					0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	5	4	3	0	0	12,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	5	10	9	11	19
4	Tổng		7	9	13	9	11	31

Cách tính: $Cột\ 9 = cột\ 3 \cdot (cột\ 4 + cột\ 5 + cột\ 6 + cột\ 7 + cột\ 8)$

Tổng số đề tài quy đổi: 31

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,4

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo trong 4 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (%)	Tỷ số Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2010	78	100	1.01
2	2011	30.5	100	0.39

3	2012	89.5	100	1.16
4	2013	203	100	2.63

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	33	26	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	2	2	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	35	28	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

31. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	2	0	1	0	0	4,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		2	1	1	0	1	4,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 4.5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.06

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	3	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	4	0	0

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2009	2010	2011	2012	2013	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5				1		1.5
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	14	22	16	8	6	66
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		14	22	16	9	6	67.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 67,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,88

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ giảng dạy có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	31	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	3	0

Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	34	0

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2009	2010	2011	2012	2013	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	4		4	2	0	10
2	Hội thảo trong nước	0,5		2	12	2	8	12
3	Hội thảo cấp trường	0,25				10	24	8.5
4	Tổng		4	2	16	24	32	30.5

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 30,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,4

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	14	11	11
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 9 báo cáo	0	0	0
Trên 9 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	14	11	11

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Không có

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	62	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	62	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	1	1	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (tính bằng m²): 50ha

40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 18,933 m² Nơi học: 15,52 m² Nơi vui chơi giải trí:

12,782 m²

41. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 7211 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 1,5 m²

42. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo này được sử dụng tại Trung tâm TT – TV: 46

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: không

43. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 221 cái

- Dùng cho sinh viên học tập: 302 cái

Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên/sinh viên chính quy: 0,03

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 66

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 10,75

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (%): 22,73%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (%): 57,58%

2. Người học (sinh viên):

Tổng số sinh viên chính quy (người): 11227 người

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 11810,5 người

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 132

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 89,9%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): >90%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): <90%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

- Sau 6 tháng TN: >75%

- Sau 12 tháng TN: >95%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): >20%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm: từ 2-5 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): >85%

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): <10%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,4

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 5,2

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,06

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,88

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,4

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,003

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 1,5 m²

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 1,9 m²

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảm bảo chất lượng trong giáo dục đào tạo là hoạt động quan trọng giúp Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp nói chung và Khoa Điện nói riêng khẳng định chất lượng đào tạo với cơ quan quản lý Nhà nước, Bộ GD&ĐT, người học và xã hội. Hoạt động đảm bảo chất lượng giúp cho Nhà trường khẳng định vị thế trong lĩnh vực giáo dục, đồng thời giúp Nhà trường tồn tại và phát triển trong giai đoạn hội nhập thế giới. Trong đảm bảo chất lượng thì hoạt động đánh giá chương trình đào tạo là một hoạt động quan trọng và thường xuyên của các trường đại học. Đánh giá chương trình là một phần không thể thiếu trong quá trình kiểm định cơ sở đào tạo đại học, đây là hoạt động giúp Nhà trường đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đáp ứng chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng các yêu cầu và nhu cầu của xã hội.

Đánh giá chương trình là những hoạt động có tính hệ thống, nằm trong một tiến trình, các hoạt động nhằm kiểm tra toàn bộ các khía cạnh của chương trình: đầu vào, hoạt động thực hiện chương trình, triển khai chương trình, kết quả đầu ra, đánh giá kết quả đầu ra.

Khoa Điện – Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã chủ động triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo, hoạt động này là cơ sở để Khoa Điện, Nhà trường cải tiến chất lượng, đổi mới phương pháp tiếp cận trong giáo dục đại học, đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, đồng thời thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao, đồng thời hiện thực hóa sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường, của chương trình đào tạo.

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo là kết quả của quá trình đánh giá liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian và sự tham gia của tất cả các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các Nhóm chuyên trách, Ban chỉ đạo góp phần lớn công sức nhằm thể hiện tính

khách quan, trung thực và công khai. Kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo dựa trên cơ sở thực tế với hệ thống minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, bao quát đầy đủ các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn của Đại học Thái Nguyên. Thông qua hoạt động tự đánh giá, Khoa Điện phát hiện những điểm còn tồn tại trong quá trình đào tạo, quản lý, đưa ra hệ thống các biện pháp và kế hoạch cải tiến chất lượng khắc phục điểm tồn tại, phát huy điểm mạnh...từ đó xây dựng văn hóa chất lượng trong giáo dục đại học của Nhà trường nói chung và Khoa Điện nói riêng.

II. TỔNG QUAN CHUNG

MỞ ĐẦU

Khoa Điện là đơn vị trực thuộc Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên. Khoa Điện là đơn vị đầu tiên trong Nhà trường tham gia đánh giá chương trình đào tạo (chương trình Tự động hoá xí nghiệp Công nghiệp gọi tắt là Tự động hoá), đây là cơ hội để Khoa Điện xem xét lại quá trình đào tạo, tìm ra căn cứ và cơ sở để cải tiến hoàn thiện chương trình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu, nhu cầu xã hội trong giai đoạn hội nhập thế giới và quốc tế hiện nay.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Khoa Điện đã bám sát vào sứ mạng của Nhà trường để xây dựng chương trình đào tạo nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tự động hoá. Trên cơ sở đó, Khoa Điện xác định nhiệm vụ chính như sau: “Đào tạo Kỹ sư Tự động hoá có phẩm chất chính trị, đạo đức, và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kỹ thuật điện - tự động hoá; có năng lực tổ chức, thực sự yêu nghề, có trình độ ngoại ngữ tốt, có kiến thức khoa học xã hội nhân văn, khoa học cơ bản, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững vàng, có khả năng tiếp thu các kiến thức mới, biết phương pháp nắm bắt và giải quyết các vấn đề mới nảy sinh trong thực tế sản xuất, trong các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu và các trường đại học”.

Chất lượng giáo dục đại học luôn là vấn đề được Khoa Điện quan tâm hàng đầu nhất là trong bối cảnh xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hoá -

hiện đại hoá. Đáp ứng với xu hướng hội nhập, Nhà trường và Khoa Điện đã thực hiện hình thức đào tạo theo tín chỉ với phương châm lấy người học làm trung tâm, tạo mọi điều kiện cho người học phát huy tinh thần “tự học, tự nghiên cứu”, quá trình đào tạo chuyển dịch với phương thức đào tạo theo nhu cầu xã hội phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Mục tiêu chương trình đào tạo Tự động hoá được xác định phù hợp với sứ mạng của Nhà trường, yêu cầu của xã hội và thường xuyên được rà soát, đổi mới đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chương trình đào tạo có chuẩn mực về kiến thức và kỹ năng rõ ràng, phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Chương trình đào tạo đã gần đáp ứng được nhu cầu xã hội. Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành là >75%.

2. Những tồn tại

Mục tiêu chương trình đào tạo Tự động hoá chưa thực sự được đông đảo nhà tuyển dụng biết đến. Nội dung đào tạo cho người học trong chương trình Tự động hoá còn chưa được chú trọng nhiều vào thực hành. Nhà trường chưa có quy trình cụ thể về đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Chưa có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình Tự động hoá đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013 – 2014, Khoa Điện phối hợp chặt chẽ cùng các phòng ban chức năng, các khoa khác để thông tin mạnh mẽ về chương trình đào tạo, mục tiêu chương trình đào tạo Tự động hoá tới rộng rãi các nhà tuyển dụng và xã hội; bổ sung những nội dung đào tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua hoạt động giảng dạy lý thuyết kết hợp chặt chẽ với thực hành các môn học trong

chương trình đào tạo; xây dựng, ban hành quy trình về hoạt động đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Khoa Điện kết hợp với Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình Tự động hoá.

Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quy định và phân biệt rõ các khối kiến thức để đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức. Được sắp xếp các học phần logic, cân đối hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp với tổng thể chương trình, thể hiện tính liên thông ngang, dọc tốt. Các môn học được sắp xếp đúng vào các khối kiến thức. Các môn học có yêu cầu tiên quyết, đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống, logic và sự bổ sung cho nhau. Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành và nhu cầu xã hội với số lượng sinh viên lựa chọn chương trình tự động hoá có tỷ lệ cao nhất so với các chương trình khác trong Khoa. Đảm bảo liên thông dọc và liên thông ngang giữa các trình độ và phương thức tổ chức đào tạo. Người học được lựa chọn môn học trong danh mục môn học của từng học kỳ và được lựa chọn các môn học để cải thiện kết quả học tập.

2. Những tồn tại

Số lượng học phần tự chọn chuyên sâu theo từng lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể của chương trình chưa thực sự đáp ứng với nhu cầu xã hội. Đề cương của chương trình Tự động hoá chưa thể hiện rõ các kỹ năng thực hành cần trang bị cho người học. Khoa chưa lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo. Nhà trường và Khoa chưa khảo sát mức độ phù hợp nội dung chương trình với nhu cầu xã hội. Chưa có nhiều lựa chọn về phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa học phần.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2013- 2014, tăng cường các học phần tự chọn chuyên sâu phù hợp với nhu cầu xã hội cụ thể trong chương trình đào tạo. Rà soát, xây dựng đề cương chi tiết môn học, giáo án cần bổ sung, thể hiện thêm kỹ năng thực hành, cụ thể hóa hơn kỹ năng thực hành trong từng giáo án, đề cương chi tiết ở đầy đủ các hệ chính quy, VLVH, liên thông, văn bằng 2. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo. Trong giai đoạn 2013-2015, Khoa Điện rà soát và điều chỉnh đề cương môn học chi tiết, trong đó đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy được tính linh hoạt trong nhận thức chuyên môn, nghiệp vụ.

Trong năm học 2014 – 2015, Khoa Điện tiến hành khảo sát nhu cầu xã hội với người học tốt nghiệp chương trình tự động hoá để điều chỉnh phù hợp với nhu cầu học tập của xã hội.

Trong giai đoạn 2013-2016, Khoa Điện phối hợp cùng với các phòng chức năng tiến hành rà soát, đối chiếu, so sánh, bổ sung đề cương môn học bậc đại học và bậc ThS.

Tiêu chuẩn 3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Điện đã thực sự coi trọng và tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên về phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm. Định hướng, tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập và NCKH tới sinh viên dưới nhiều hình thức phong phú. Định kỳ, Nhà trường và Khoa tiến hành sơ kết học kỳ để đánh giá tình hình giảng dạy và học tập; đối thoại với sinh viên để nắm bắt tình hình học tập, giải đáp những thắc mắc, khó khăn của sinh viên. Chương trình đào tạo Tự động hoá đã tạo ra nhiều cơ hội học tập và giao lưu cho người học từ đó phát huy khả năng của bản thân như: tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thực hành, khả năng thuyết trình và chủ

động trong học tập. Khoa và Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động, giao lưu tạo cơ hội cho người học tham gia và phát huy khả năng cá nhân của người học.

2. Những tồn tại

Vai trò cố vấn học tập chưa thực sự phát huy hiệu quả về chiến lược học tập đối với từng sinh viên. Người học ở hệ đào tạo vừa làm vừa học, văn bằng 2 chưa tham gia vào các câu lạc bộ và các hoạt động giao lưu của Khoa và Nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013-2014 các bộ môn hoàn thiện đề cương chi tiết môn học. Tổ chức hội nghị công tác cố vấn học tập cho các giảng viên. Vào đầu mỗi học kỳ Khoa, các Câu lạc bộ sẽ xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động và giao lưu đến các lớp trong đó có cả các lớp vừa làm vừa học, văn bằng 2.

Tiêu chuẩn 4. Kiểm tra đánh giá

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và được thực hiện thường xuyên phù hợp với từng học phần. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông tin đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau: website, niên giám, thông tin trực tiếp từ giảng viên môn học, giáo viên chủ nhiệm. Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên thuộc chương trình Tự động hoá đảm bảo công khai, chính xác. Khoa đã triển khai nghiêm túc và đúng tiến độ hoạt động đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các môn học. Kết quả học tập của người học được quản lý song song bằng cả hai hệ thống là sổ sách và phần mềm Edusoft chuyên dụng quản lý đào tạo, đảm bảo tính khoa học, chính xác, an toàn, thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

2. Những tồn tại

Một số ngân hàng câu hỏi và đề thi chưa có đáp án chi tiết, nhất là đối với các đề thi cho hình thức liên thông, vừa làm vừa học. Chưa có quy định cụ thể về cách đánh giá điểm thường xuyên, do đó chưa có sự thống nhất chung về tiêu chí đánh giá điểm với tất cả các học phần. Tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện và chưa định kỳ đánh giá. Kết quả học tập một số môn học thuộc hệ đào tạo phi chính quy chương trình Tự động hoá còn chậm trễ trong việc công bố điểm (nhất là đối với hệ vừa làm vừa học).

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013 – 2014, Nhà trường ban hành quy định chung về các tiêu chí đánh giá điểm thường xuyên đối với tất cả các học phần. Ban hành quy định hướng dẫn chi tiết việc thực hiện đánh giá. Quy định các bộ môn phân công chấm thi cụ thể cho giảng viên trong bộ môn và giảng viên đó có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Nhà trường. Thời gian nộp điểm môn học cho Phòng đào tạo trong vòng 7 ngày tính từ ngày thi. Việc chấm điểm, vào điểm phải chính xác, nếu vi phạm sẽ đánh giá vào công tác thi đua của giáo viên và bộ môn quản lý.

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

1. Những điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên, nhân viên thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Độ tuổi khá trẻ nên tiếp thu nhanh những kiến thức mới và thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến ở bậc đại học và thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Nhà trường đã xây dựng được tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên với tiêu chí cụ thể, minh bạch, công khai, được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế. Việc nâng bậc lương, bổ nhiệm chức vụ cho cán bộ, giảng viên được thực hiện công bằng, dân chủ. Tạo môi trường cho đội ngũ CBVC phát huy phẩm chất cá nhân, năng lực quản lý và trình độ chuyên môn. Hàng năm đều tổ

chức đánh giá đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên dựa trên các tiêu chí đã xây dựng và phổ biến một cách công bằng, minh bạch và khách quan.

2. Những tồn tại

Giảng viên có trình độ TS chiếm tỉ lệ thấp (chiếm khoảng 20%). Số lượng giảng viên và chuyên viên tham gia đánh giá, khảo sát trước và sau khi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa nhiều. Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên. Chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực trong toàn trường. Hệ thống quy trình đánh giá cán bộ thiếu tính gắn kết (thống nhất) giữa các tiêu chí thi đua với các tiêu chí đánh giá khác.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2013- 2014, Khoa Điện lập kế hoạch và giao chỉ tiêu cụ thể cho từng bộ môn, từng giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn. Tổ chức đánh giá hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên, chuyên viên trong phục vụ giảng dạy. Tiến hành lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên, phối hợp với các cuộc điều tra về hoạt động đào tạo của Nhà trường bằng cách bổ sung tiêu chí này vào bảng câu hỏi.

Tiêu chuẩn 6. Người học

1. Những điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều chính sách thu hút người học tham gia, có những chiến lược quảng bá về ngành, chuyên ngành đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học. Việc cung cấp thông tin cho người học đã được Khoa Điện hết sức quan tâm bằng nhiều hình thức cụ thể, đa dạng và đầy đủ đảm bảo cho người học yên tâm học tập thông qua việc hiểu rõ nội dung chương trình mà mình đang theo học. Nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được Khoa quan tâm và tạo điều kiện cho người học yên tâm trong học tập. Nhà trường, Khoa đã quan tâm

đúng mức các hoạt động trên nên việc tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của SV có chuyển biến rõ rệt. Tình hình trật tự, an ninh trong Khoa cũng như trong Nhà Trường nhìn chung tốt.

2. Những tồn tại

Nhà trường chưa đánh giá hiệu quả của các hoạt động thu hút người học và chưa có các tài liệu để hướng dẫn người học về các chính sách thu hút người học vào quá trình đào tạo. Chưa tiến hành việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của cố vấn học tập trong việc cung cấp thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra. Chưa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo. Chưa tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Chưa có giải pháp hiệu quả, thu hút, lôi cuốn được SV tham gia. Bên cạnh đó còn chưa tổ chức được các hoạt động mang tính đặc thù dành riêng cho SV chương trình Tự động hoá. Khoa chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học, có văn bản hướng dẫn cụ thể về những chính sách khen thưởng cho sinh viên, tạo động lực cho người học tham gia vào chương trình đào tạo. Trong năm học 2013-2014 và những năm tiếp theo Khoa Điện sẽ tổ chức các buổi tư vấn và tiến hành khảo sát lấy ý kiến người về vai trò của cố vấn học tập với việc đáp ứng nhu cầu thông tin tới người học. Tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo. Tiến hành tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về môi trường học tập chương trình Tự động hoá. Nhà trường tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này mỗi năm 1 lần.

Tiêu chuẩn 7. Trang thiết bị, cơ sở vật chất

1. Những điểm mạnh

Trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo đầy đủ, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Hệ thống phòng học được trang bị công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại, đạt tiêu chuẩn. Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử. Nhà trường ứng dụng những phần mềm, thiết bị mới trong đào tạo và quản lý. Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị có khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng, có tiếp thu ý kiến phản hồi thường xuyên của cán bộ, giảng viên và sinh viên để sửa chữa trang thiết bị.

2. Những tồn tại

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ thư viện. Diện tích dành cho nghiên cứu khoa học và sinh hoạt chuyên môn của các giảng viên chưa đạt yêu cầu. Công tác đảm bảo an ninh cho mạng máy tính thực hiện chưa tốt. Việc hướng dẫn sử dụng trang thiết bị còn chưa đầy đủ và còn thiếu các trang thiết bị ở các phòng học.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ hàng năm khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ của thư viện. Trong năm học 2013-2014, xây dựng cơ chế và giải pháp đảm bảo an ninh cho hệ thống mạng máy tính. Bổ sung hướng dẫn sử dụng lên các thiết bị ở giảng đường như máy chiếu, âm ly loa đài... Năm học 2013 – 2014 thực hiện bố trí phòng làm việc cho từng giảng viên của các khoa chuyên môn, các bộ môn.

Tiêu chuẩn 8. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy/học tập

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các nhà đào tạo và các tổ chức xã hội khác.

2. Những tồn tại

Chương trình đào tạo Tự động hoá chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện. Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm, do đó các góp ý từ phía họ là không nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ điều tra, thu thập ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên với quy mô mẫu đủ lớn, áp dụng lấy ý kiến riêng cho chương trình đào tạo Tự động hoá. Tổ lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội, dự kiến tổ chức lần tiếp theo vào năm 2014. Các ý kiến từ phía sinh viên, cựu sinh viên sẽ được mở rộng do tăng số lượng điều tra.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Mục tiêu chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và yêu cầu của xã hội, được công bố rộng rãi tới các bên liên quan trong và ngoài Trường. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng đảm bảo các chuẩn mực về đạo đức, kiến thức, kỹ năng cần đạt được khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo xác định phù hợp với sứ mạng của nhà trường và yêu cầu của xã hội.

Từ khóa: mục tiêu của chương trình đào tạo, xác định, phù hợp, sứ mạng, yêu cầu xã hội.

1. Mô tả

Năm 2009 Nhà trường đã công bố: Sứ mạng của trường Đại học KTCN là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và trên đại học với chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp điện nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt ở vùng núi và trung du Bắc bộ [H1.01.01.01].

Mục tiêu của chương trình đào tạo kỹ sư điện chuyên ngành Tự động hoá được xác định trên cơ sở sứ mạng của Nhà trường: “Đào tạo kỹ sư điện - ngành tự động hoá có phẩm chất chính trị, đạo đức, và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kỹ thuật điện - tự động hoá; có năng lực tổ chức, thực sự yêu nghề, có trình độ ngoại ngữ tốt, có kiến thức khoa học xã hội nhân văn, khoa học cơ bản, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững vàng, có khả năng tiếp thu các kiến thức mới, biết phương pháp nắm bắt và giải quyết các vấn đề mới nảy sinh.

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc chuyên môn sau:

* Kỹ sư vận hành và bảo trì (Serviceman): bảo đảm vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống điện - tự động.

* Kỹ sư điện công nghiệp (Electrotechnical Engineer): bảo đảm cung cấp điện, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống cung cấp điện và thiết bị điện cho nhà máy, khu dân cư,...

* Nhân viên kinh doanh (Sales Manager) các giải pháp và thiết bị Tự động tại các hãng kinh doanh trong lĩnh vực tự động.

* Chuyên gia hệ thống (System Designer/ Specialist) phân tích nhu cầu tự động hoá của các công ty, nhà máy, phân tích và thiết kế cơ sở hệ thống tự động.

* Chỉ huy các dự án Tự động hoá (Project Manager), thiết kế hệ thống tự động và tham gia thi công các dự án đó.

* Kỹ sư thiết kế (Designer) các thiết bị tự động đặc thù.

* Kỹ sư lập trình ứng dụng (Programmer), lập các chương trình điều khiển cho hệ vi xử lý, PLC, CNC, các bộ điều khiển lập trình.

* Tư vấn (Consultant) cung cấp các tư vấn, giải pháp trong lĩnh vực tự động, tham gia các chương trình huấn luyện nhân viên và giáo dục đào tạo.

* Kỹ sư trong lĩnh vực truyền tải điện <35kV.

* Các viện nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực Tự động hoá.

* Giáo viên các trường chuyên nghiệp, trường nghề (trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, đại học chuyên nghiệp) [H1.01.01.01], [H1.01.01.12].

Mục tiêu của chương trình đào tạo chuyên ngành tự động hoá được xây dựng phù hợp với sứ mạng của nhà trường và yêu cầu của xã hội thể hiện:

Mục tiêu của chương trình đào tạo tự động hoá hoàn toàn phù hợp với sứ mạng của nhà trường, góp phần quan trọng trong việc cụ thể hóa sứ mạng của nhà trường đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực đại học và trên đại học chất lượng cao nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

Mục tiêu của chương trình đào tạo chuyên ngành tự động hoá được xây dựng bắt đầu từ việc tiến hành nghiên cứu, khảo sát nhu cầu của xã hội và các bên liên quan. Chương trình đào tạo được xây dựng căn cứ vào các Văn bản quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo, Đại học Thái Nguyên và các văn bản quy định cụ thể của Trường Đại học KTCN. Khoa Điện trực tiếp xây dựng chương trình đào tạo (trong đó có mục tiêu đào tạo) thông qua tổ chuyên trách xây dựng chương trình đào tạo và Hội đồng khoa học khoa. Chương trình đào tạo được

Hiệu trưởng Nhà trường chính thức ban hành sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng khoa học nhà trường [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Chương trình đào tạo được ban hành kèm theo đề cương chi tiết cho từng ngành học, từng môn học để sinh viên chủ động trong việc lựa chọn kế hoạch học tập cho phù hợp để đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp cũng như đúng quy chế đào tạo tín chỉ [H1.01.01.07], [H1.01.01.09], [H1.01.03.12].

Mục tiêu chương trình đào tạo tự động hoá được phổ biến tới giảng viên thông qua các cuộc họp Bộ môn và Khoa, được công bố trên website, được phổ biến tới sinh viên trong khoa thông qua các buổi sinh hoạt lớp và học tập chính trị đầu khóa [H1.01.01.12].

Khoa và Nhà trường thực hiện việc rà soát và đổi mới chương trình đào tạo tự động hoá (đã rà soát đối với K40 đến K49), thông qua đó thì mục tiêu chương trình đào tạo cũng được xem xét lại và có thể được đổi mới để đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội. Sự đổi mới mục tiêu chương trình đào tạo luôn đảm bảo định hướng đã được chỉ ra trong sứ mạng của nhà trường, đảm bảo đúng quy chế đào tạo tín chỉ [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.03.12], [H1.01.01.18], [H1.01.01.19].

2. Những điểm mạnh

Sứ mạng của nhà trường và mục tiêu chương trình đào tạo tự động hoá đã được xác định rõ ràng và công bố rộng rãi trong nhà trường cũng như ngoài xã hội.

3. Những tồn tại

Mục tiêu chương trình đào tạo chuyên ngành tự động hoá còn chưa đáp ứng được tốt nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013 -2014, Khoa tổ chức việc rà soát, nghiên cứu để xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo kỹ sư điện chuyên ngành tự động hoá đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của chương trình đào tạo xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được.

Từ khóa: mục tiêu, xác định, chuẩn mực, cần đạt được

1. Mô tả

Chương trình đào tạo tự động hoá có mục tiêu rõ ràng, cụ thể: đào tạo ra các kỹ sư có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kỹ thuật điện, có năng lực chuyên môn về lĩnh vực được đào tạo và có khả năng lập kế hoạch tổ chức, định hướng, và kiểm soát chức năng và quá trình sản xuất của các doanh nghiệp [H1.01.02.01].

Để đạt được các mục tiêu chung này, người học ở chương trình đào tạo tự động hoá được thực hiện theo các chuẩn sau:

Về kiến thức: Kiến thức cơ bản của khoa học xã hội- nhân văn và khoa học tự nhiên nhằm phục vụ ngành đào tạo; Kiến thức kỹ thuật chung; Các kiến thức về chuyên môn chính là cung cấp điện và các hệ thống điện – điện tử thông dụng trong công nghiệp, thiết kế, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cung cấp điện xí nghiệp từ mạng quốc gia và các trạm phát điện cỡ nhỏ, thiết kế, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống tiêu thụ năng lượng điện như hệ thống truyền động điện, các thiết bị điện tử, điện tử công suất, hệ thống chiếu sáng, các hệ thống điện – nhiệt, điện ly, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị điện, điện tử và máy điện thông dụng trong công nghiệp....

Về kỹ năng: Có thể nhận định tình huống, xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch sản xuất, ra quyết định để giải quyết; Hình thành khả năng tư duy độc lập ; Khám phá và giải quyết các vấn đề phát sinh; Thành thạo kỹ năng giao tiếp, đàm phán bằng tiếng Việt và tiếng Anh và quan hệ công chúng trong sản xuất kinh doanh; Có khả năng tổ chức, điều hành hoạt động, cuốn hút các thành viên làm việc theo nhóm ; Thành thạo kỹ năng sử dụng máy tính, vận dụng tốt một số phần mềm trong kỹ thuật...

Mục tiêu chung của chương trình tự động hoá là cơ sở để xây dựng chuẩn đầu ra của ngành để đo lường, đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu xã hội. Từ mục tiêu chung của chương trình tự động hoá là cơ sở để xây dựng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể trong đề cương từng môn học về kiến thức, thái độ, kỹ năng mà người học cần tiếp thu [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.01.09].

Mục tiêu chung của chương trình học và mục tiêu riêng của mỗi môn học trong chương trình tự động hoá đã được cán bộ quản lý trong các hội nghị về xây dựng chương trình đào tạo nhận xét, thảo luận, đánh giá.[H1.01.02.01], [H1.01.02.02].

Các chuẩn về kiến thức, thái độ, kỹ năng mà người tốt nghiệp cần thu được và được công bố rộng rãi cho các giảng viên và sinh viên. Trước khi bắt đầu mỗi khóa học, các giảng viên của chương trình tự động hoá giới thiệu cho sinh viên về các chuẩn này, dùng các chuẩn này để đối chiếu trong quá trình học.

Mặc dù, mục tiêu chung của chương trình đào tạo tự động hoá rất chú trọng đến kỹ năng cho người học như thành thạo sử dụng máy tính để thiết kế mô phỏng hệ thống điều khiển và tiếng Anh. Tuy nhiên, những kỹ năng mềm còn chưa được đưa nhiều vào chương trình đào tạo.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo có chuẩn mực về kiến thức và kỹ năng rõ ràng và phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

3. Những tồn tại

Kỹ năng thực hành cho người học trong chương trình đào tạo tự động hoá còn chưa được đưa nhiều vào chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013 – 2014, bổ sung những nội dung đào tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua hoạt động giảng dạy một số môn học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 1.3:

Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá, điều chỉnh và bổ sung

Từ khóa: chương trình đào tạo, định kỳ đánh giá, điều chỉnh, bổ sung

1. Mô tả

Chương trình tự động hoá được đưa vào giảng dạy năm 1972 từ khi thành lập Khoa. Năm 2010, Nhà trường công bố khung chương trình tự động hoá, người học phải tích lũy 155 tín chỉ trong đó khối kiến thức đại cương ấn định là 47 ĐVHT, khối kiến thức cơ sở ngành 72 và khối kiến thức chuyên ngành 36. Chương trình tự động hoá theo hệ thống tín chỉ đưa vào giảng dạy cho đến 2013 [H1.01.03.10].

Năm 2013, Nhà trường tiến hành rà soát và điều chỉnh lại khối lượng kiến thức giữa các phần để phù hợp với nhu cầu xã hội. Điều đó khẳng định sinh viên ngày càng làm chủ kế hoạch học tập và làm chủ kiến thức của mình, đúng như tinh thần của hình thức đào tạo theo tín chỉ. [H1.01.03.01], [H1.01.03.06]

Việc đánh giá chương trình đào tạo thông qua các tiêu chí kiểm định chất lượng và khảo sát các cựu sinh viên để làm cơ sở tiếp tục rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo [H1.01.03.02], [H1.01.03.11].

Như vậy, chương trình đào tạo tự động hoá được đánh giá, điều chỉnh, bổ sung từ cấp Bộ môn, Hội đồng Khoa học của Khoa và sau đó được Hội đồng khoa học nhà trường xét duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy trình đánh giá chương trình đào tạo mới.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo Tự động hoá được đánh giá, điều chỉnh bổ sung định kỳ.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa có quy trình cụ thể về đánh giá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2013 – 2014, Nhà trường xây dựng, ban hành quy trình về hoạt động đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu và nhu cầu của thị trường lao động, xã hội

Từ khoá: chuẩn đầu ra, đáp ứng, thị trường lao động/ xã hội

1. Mô tả

Năm 2010, Nhà trường lần đầu tiên công bố chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo Dục. Năm 2013, Nhà trường tiến hành rà soát lại cho phù hợp hơn. Đến nay chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Tự động hoá của Khoa Điện đã xác định yêu cầu cụ thể đối với 3 nhóm yếu tố về: [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03].

- Kiến thức: Sử dụng các kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết các vấn đề tự động hoá trong công nghiệp.
- Kỹ năng: Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp; khả năng đảm nhiệm các công việc thiết kế, lắp đặt, vận hành, hiệu chỉnh, sửa chữa, kiểm tra, bảo trì, quản lý các hệ thống điện tự động trong công nghiệp.
- Phẩm chất đạo đức: có trách nhiệm công dân; ý thức tổ chức kỷ luật, tự tin, linh hoạt, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, hiểu biết vai trò của ngành tự động hoá trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, Nhà trường đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo Tự động hoá. Năm 2010, chuẩn đầu ra cho ngành Tự động hoá được xây dựng theo quy trình như sau:

- Họp, hội thảo: Khoa tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai. Đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia, đề xuất các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức tương ứng với ngành đào tạo để có danh mục chuẩn đầu ra của ngành, hướng tới sản phẩm đào tạo cụ thể theo định hướng nghề nghiệp [H1.01.04.08].
- Lấy ý kiến: Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin từ các đối tượng bao gồm: giảng viên, chuyên gia đào tạo, cán bộ và lãnh đạo phòng nhân sự, trưởng các bộ phận của đơn vị sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp, cựu sinh viên tốt nghiệp [H1.01.04.05]

Trên cơ sở chuẩn đầu ra đã được công bố, Khoa tiến hành rà soát, xây dựng lại chương trình đào tạo Tự động hoá. Chương trình đào tạo Tự động hoá có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03].

Năm 2013, Nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến từ phía người học đã tốt nghiệp bằng hình thức điều tra chọn mẫu, kết quả điều tra cho thấy sinh viên sau khi ra trường đều đáp ứng các kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn đã được đào tạo [H1.01.04.05].

Chuẩn đầu ra chương trình Tự động hoá đã đáp ứng được nhu cầu xã hội, tuy nhiên các hoạt động đánh giá, điều chỉnh mục đích, mục tiêu của chương trình đào tạo còn chưa chủ động, chưa có kế hoạch cụ thể.

2. Những điểm mạnh

- Chuẩn đầu ra cụ thể, chi tiết, xây dựng đúng quy trình.
- Phù hợp với chương trình đào tạo, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội.

3. Những tồn tại

Chưa có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh để chuẩn đầu ra chương trình Tự động hoá đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013 – 2014, Khoa Điện kết hợp với Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình Tự động hoá.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Kết luận

Chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với sứ mạng của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu của xã hội, được công bố rộng rãi tới các bên liên quan trong và ngoài trường. Mục tiêu chương trình đào tạo được xác định với các chuẩn mực về đạo đức, kiến thức, kỹ năng mà người học cần đạt được khi tốt nghiệp. Đồng thời chương trình đào tạo sẽ được rà soát, điều chỉnh bổ sung trong thời gian tới với sự tham gia của các bên liên quan nhằm đổi mới, cải tiến chương trình đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu xã hội.

TIÊU CHUẨN 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các quy định, sứ mạng của Nhà trường, đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể chương trình đào tạo. Các học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo tính lôgic, hợp lý, cân đối phù hợp với tổng thể đáp ứng nhu cầu người học. Chương trình đào tạo đảm bảo hợp lý giữa các trình độ và phương thức đào tạo, tạo điều kiện cho người học lựa chọn hình thức đào tạo, tiến độ học tập, đảm bảo tính mềm dẻo trong đào tạo.

Tiêu chí 2.1: Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Từ khóa: xây dựng chuẩn đầu ra, phù hợp, quy định.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa của trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được xây dựng từ những năm đầu khi thành lập Trường.

Căn cứ Quyết định số 18/ĐHKTCN-TT&ĐBCLGD ngày 19/3/2012 của Hiệu trưởng Nhà trường về việc cử 70 cán bộ tập huấn chuẩn đầu ra tại Trung tâm học liệu – Đại học Thái Nguyên. Đến 10/4/2012 Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo nhằm rà soát lại chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa và các chương trình đào tạo khác đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra mà Nhà trường vừa mới ban hành [H2.02.01.01].

Chương trình chuyên ngành Tự động hóa XNCN được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo này có sự tham gia của các thành viên hội đồng khoa học khoa, các giảng viên và các chuyên gia đào tạo. Quá trình xây dựng được tuân thủ theo quy trình như sau: Hội đồng Khoa học khoa Điện, căn cứ chương trình khung của Bộ GD&ĐT, đồng thời trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các chuyên gia đào tạo, nhu cầu học tập của xã hội, chuẩn đầu ra đã được ban hành để tiến hành xây dựng khung chương trình và đề cương các học phần. Khung chương trình đào tạo được thông qua Hội đồng Khoa học Khoa, sau đó được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thẩm định, đóng góp ý kiến, chỉnh sửa và hoàn thiện và trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.05].

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được rà soát với sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành trong lĩnh vực Tự động hóa, các nhà tuyển dụng, chuyên gia đào tạo, cựu sinh viên và giảng viên.

3. Những tồn tại

Số lượng học phần các học phần chuyên môn chuyên sâu chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2013- 2014, tăng số lượng các học phần chuyên môn giảm số lượng các học phần cơ bản và cơ sở cho cân đối với chương trình đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Chương trình đào tạo đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng cần thiết khác.

Từ khóa: cân đối, các khối kiến thức, kỹ năng

1. Mô tả

Chương trình được thiết kế đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức, được sắp xếp một cách có hệ thống: Khối kiến thức học những năm đại cương 47/155 tín chỉ chiếm tỷ lệ 30,3%, khối kiến thức học khi đã phân chuyên ngành 109/155 tín chỉ chiếm tỷ lệ 69,7% [H2.02.02.01].

Chương trình được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT ban hành. Chương trình chuyên ngành Tự động hóa có đầy đủ đề cương chi tiết các môn học, đảm bảo công tác giảng dạy của các giảng viên trong mỗi môn học được thống nhất. Cụ thể: Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN chính quy được thiết kế cho 5 năm học với tổng số tín chỉ toàn khóa là 155 tín chỉ. Khối kiến thức đại cương 47/155 tín chỉ chiếm 30,3%, khối kiến thức cơ sở của khối ngành 72/155 tín chỉ chiếm 46,5%, Khối kiến thức chuyên ngành 29/155 tín chỉ chiếm tỷ lệ 18,7%, thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp 7/155 tín chỉ chiếm 4,5%, không bao gồm tín chỉ GDTC và GDQP [H2.02.02.02]. Mỗi khối kiến thức của chương trình đều được rà soát, thiết kế các học phần bắt buộc và tự chọn đã làm tăng sự phong phú đa dạng về môn học trong chương trình, giúp sinh viên có điều kiện mở rộng kiến thức, trong đó các khối kiến thức cũng được điều chỉnh phân công sắp xếp hợp lý, cân

đối giữa các khối kiến thức. Các môn học đều có yêu cầu tiên quyết theo thứ tự trước sau đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống của các môn học, tính linh hoạt còn được thể hiện qua sự lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Chương trình đã thể hiện cấu trúc hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức, cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học, đồng thời đảm bảo các chuẩn đầu ra về kỹ năng của chuyên ngành, kỹ năng ngoại ngữ-tin học.

2. Những điểm mạnh

Chương trình chuyên ngành Tự động hóa XNCN được sắp xếp các học phần logic, cân đối hợp lý giữa các khối kiến thức, tỷ lệ phần trăm giữa các khối phù hợp với tổng thể chương trình.

3. Những tồn tại

Chương trình chuyên ngành Tự động hóa XNCN chưa thể hiện, lồng ghép nhiều các kỹ năng mềm để phục vụ tốt hơn cho người học sau khi tốt nghiệp ra trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2013-2014. Khoa Điện sẽ rà soát, xây dựng đề cương chi tiết môn học, giáo án nên cần bổ sung, thể hiện thêm kỹ năng thực hành, cụ thể hóa hơn kỹ năng thực hành trong từng giáo án, đề cương chi tiết.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Các môn học có sự logic bổ sung cho nhau

Từ khóa: các môn học, logic, bổ sung

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Các khối kiến thức được sắp xếp một cách có hệ thống, cấu trúc hợp lý,

cân đối đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học. Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN được thiết kế đảm bảo phù hợp về thời lượng, số tín chỉ, nội dung giảng dạy. Các môn học được tổ hợp có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng, vừa ở mức độ cơ bản, vừa ở mức nâng cao [H2.02.02.02]. Các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung như: mô tả tóm tắt nội dung môn học, môn học tiên quyết, môn học song hành, môn học học trước, ... đảm bảo tính logic và thống nhất trong chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu trong công tác giảng dạy [H2.02.03.03]. Các môn học có nội dung kế thừa để phát triển các kiến thức học được từ bậc học trước và các môn đã học trong chương trình đào tạo. Tỷ lệ giữa lý thuyết, thực hành và tự học phân bổ hợp lý theo mục tiêu của môn học. Hàng năm Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến của người học đánh giá các môn học trong chương trình đào tạo của Khoa Điện trước khi sinh viên tốt nghiệp.

2. Những điểm mạnh

Các môn học đều có đề cương chi tiết, có yêu cầu tiên quyết theo thứ tự trước đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống, logic và sự bổ sung cho nhau.

3. Những tồn tại

Khoa chưa lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2013 – 2014, Khoa tổ chức lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành và nhu cầu xã hội.

Từ khóa: nội dung, phù hợp, mục tiêu, nhu cầu xã hội.

1. Mô tả

Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Tự động hóa XNCN là đào tạo kỹ sư Tự động hóa có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực Tự động hóa. Chương trình này là cơ sở cho quá trình tự học và phát triển toàn diện của người học; tạo cho họ khả năng áp dụng, tổ chức triển khai các kiến thức chuyên môn vào sản xuất công nghiệp cũng như các ứng dụng khác

Sinh viên sau khi tốt nghiệp làm các công việc kỹ thuật hoặc quản lý, điều hành sản xuất trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp hoặc trong các lĩnh vực kỹ thuật khác; các cơ sở đào tạo và nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực Điện – Tự động hóa. Đây là những yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học. Đây cũng chính là tiêu chuẩn xã hội sử dụng để đánh giá kết quả đào tạo của nhà trường trên cơ sở kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng mà sinh viên tích lũy được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN. [H2.02.04.02].

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN được xây dựng trên cơ sở khung chương trình của bộ GD&ĐT ban hành, có đề cương chi tiết, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách có hệ thống, có sự liên thông giữa các trình độ, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng nhiệm vụ của Nhà trường đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Trong chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa tất cả các môn học đều có đề cương chi tiết trong đó quy định rõ tên học phần, thời lượng, phân bổ thời gian (tỉ lệ phần lý thuyết, thực hành), điều kiện tiên quyết, mục tiêu, mô tả vắn tắt nội dung học phần, nhiệm vụ của sinh viên, tài liệu học tập tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, nội dung

chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy được xây dựng và phê duyệt theo kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường [H2.02.04.01].

2. Những điểm mạnh

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực thị trường lao động.

3. Những tồn tại

Nhà trường và Khoa chưa khảo sát được nhu cầu xã hội với người học tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên, hai năm một lần Khoa Điện tiến hành khảo sát nhu cầu xã hội với người học tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN để điều chỉnh phù hợp với nhu cầu học tập của xã hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo.

Từ khóa: thiết kế, liên thông, hợp lý, trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN được thiết kế các chương trình giáo dục liên thông dọc và liên thông ngang. Đối với những cá nhân đã tốt nghiệp cao đẳng ngành Tự động hóa thì không phải học kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở và kiến thức cơ sở của ngành chính, học kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 65 tín chỉ. Đối với những cá nhân đã tốt nghiệp cao đẳng các ngành khác Tự động hóa nhưng thuộc khối ngành Điện thì phải học 3 môn học chuyển đổi là Cơ sở lý thuyết trường điện từ, Hệ thống cung cấp điện và Trang bị điện cho các máy công nghiệp, sau đó học kiến thức giáo

dục chuyên nghiệp với 66 tín chỉ. Bên cạnh đó, cá nhân đang học chương trình một tại trường được đăng ký học cùng lúc chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa. Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN đã được thiết kế liên thông ngang và liên thông dọc một cách hợp lý và khoa học. [H2.02.05.09], [H2.02.05.13].

Các môn học trong chương trình đào tạo liên thông chuyên ngành Tự động hóa được thiết kế theo nguyên tắc mềm dẻo, phát triển theo hướng kế thừa và tích hợp theo nguyên tắc bù đủ những khối lượng kiến thức còn thiếu và kiến thức cập nhật mới phù hợp với thực tế xã hội, để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở trình độ Cao đẳng. Dựa trên sự kế thừa kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của khối ngành, người học tiếp tục học thêm 65 tín chỉ trong chương trình đào tạo liên thông Tự động hóa bao gồm kiến thức chung của ngành chính và kiến thức chuyên sâu của ngành chính. Các môn học giúp sinh viên có được và nâng cao các kiến thức chuyên môn về Tự động hóa, có tinh thần trách nhiệm và tính kỷ luật.

Chương trình đào tạo đảm bảo liên thông hợp lý giữa các phương thức tổ chức đào tạo. Đối với chuyên ngành Tự động hóa, chương trình đào tạo được thực hiện theo phương thức đào tạo học chế tín chỉ.

2. Những điểm mạnh

Đảm bảo liên thông dọc và liên thông ngang giữa các trình độ và phương thức tổ chức đào tạo.

3. Những tồn tại

Chưa tiến hành rà soát, bổ sung các học phần mới trong chương trình đào tạo liên thông dọc và liên thông ngang.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2013-2014, Khoa tiến hành rà soát, bổ sung các học phần mới trong chương trình đào tạo liên thông dọc và liên thông ngang.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 2

Tiêu chí 2.6: Chương trình đào tạo mềm dẻo nhằm giúp người học có khả năng lựa chọn môn học, tiến độ học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá và thời gian học tập phù hợp.

Từ khóa: chương trình đào tạo mềm dẻo, lựa chọn môn học, phù hợp

1. Mô tả

Trong chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Tự động hóa XNCN, người học phải học khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của khối ngành, và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các môn học thay thế Đồ án tốt nghiệp gồm: Tự động hóa quá trình sản xuất, Điều khiển ghép nối máy tính, Truyền động điện thông minh, Hệ thống điều khiển phân tán, Hệ thống SCADA. Sinh viên được lựa chọn các môn học trong danh mục môn học của từng học kỳ và đăng ký trên phần mềm Edusoft.

Về tiến độ học tập, sinh viên được lựa chọn tối thiểu 13 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ trong một học kỳ. Sau mỗi học kỳ, nhà trường thành lập Hội đồng đánh giá kết quả học tập của sinh viên và có các hình thức nhắc nhở, cảnh cáo để sinh viên quan tâm, chú trọng học tập và tốt nghiệp theo đúng tiến độ.

Đối với phương pháp kiểm tra và đánh giá, công tác tổ chức thi và đánh giá việc học của sinh viên một cách chặt chẽ, nghiêm túc và khách quan. Phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần đa dạng, phù hợp với mục tiêu của học phần, khuyến khích người học chủ động trong học tập và phản ánh đúng năng lực của người học, bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đánh giá thường xuyên gồm kiểm diện, minh chứng tham gia semina, làm việc nhóm, trắc nghiệm, bài tập. Đánh giá định kỳ bao gồm kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ. Đối với sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp được phép lựa chọn các học phần học thay thế như trên. Ngoài ra, trong chương trình học, sinh viên không chỉ được tiếp cận tài liệu từ tiếng Việt mà còn có tài liệu và bài tập từ Tiếng Anh. Những tài liệu và bài tập này được các thầy cô giảng dạy trực tiếp biên soạn lại và giao cho sinh viên. [H2.02.06.04]

Đối với khả năng lựa chọn thời gian học tập, người học theo hình thức học chế tín chỉ được lựa chọn thời gian học ban ngày, tập trung liên tục tại trường, sau khi kết thúc khoá học, nếu đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp của hệ chính quy, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy. Đối với sinh viên hệ phi chính quy theo hình thức học chế tín chỉ, thời gian học được sắp xếp phù hợp với nhu cầu và đặc thù của người học.

2. Những điểm mạnh

- Sinh viên được lựa chọn môn học trong danh mục môn học của từng học kỳ.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học, giúp người học chủ động và tích cực trong học tập.

3. Những tồn tại

Chưa có nhiều lựa chọn về phương pháp kiểm tra, đánh giá định kỳ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong giai đoạn 2013-2015, Khoa Điện rà soát đề cương môn học chi tiết, trong đó đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa học phần.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Kết luận

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức. Các học phần được sắp xếp đảm bảo tính logic, cân đối hợp lý giữa các khối kiến thức phù hợp với tổng thể chương trình đào tạo. Đảm bảo tính linh mềm dẻo trong quá trình đào tạo, hợp lý giữa các trình độ và phương thức đào tạo.

TIÊU CHUẨN 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm. Người học luôn được định hướng, tư vấn, hướng dẫn về phương pháp học tập thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Đồng thời, người học có nhiều cơ hội học tập và phát huy tối đa các khả năng của bản thân.

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm.

Từ khóa: Áp dụng, phương pháp, người học làm trung tâm

1. Mô tả

Phương pháp giảng dạy là một trong những yêu cầu quan trọng đối với giảng viên, ngoài kỹ năng sư phạm, phương pháp trình bày thu hút sự chú ý của người học, giảng viên cần đem đến cho người học nội dung cốt lõi, những vấn đề cần tập trung thảo luận, tự đọc [H3.03.01.03]. Phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm đã được nhà trường phổ biến, chỉ đạo [H3.03.02.01]; các khoa, bộ môn đã xây dựng chiến lược giảng dạy và học tập cho riêng mình [H3.03.02.02]. Nhà trường đã tập trung nguồn lực trang bị cho toàn bộ các phòng học những trang thiết bị thiết yếu phục vụ cho công tác giảng dạy – học tập.

Nhà trường đã quán triệt đến tất cả các giảng viên trong đó đặc biệt quan tâm đến đội ngũ giảng viên trẻ dưới 10 năm công tác phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu giảng dạy gồm: đề cương, bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo, câu hỏi hoặc gợi ý thảo luận của môn học. Đối với từng môn học, các bộ môn chú trọng tới công tác xây dựng đề cương với sự thống nhất của các giảng viên cùng dạy môn học. Dựa trên hướng dẫn tập huấn của Nhà trường về việc xây dựng đề cương, trưởng bộ môn kết hợp với các giảng viên có thâm niên giảng dạy và giáo viên giảng dạy môn học đã đưa ra đề cương chi tiết, phân định rõ thứ tự nội

dung, thời lượng cũng như tài liệu tham khảo môn học [H3.03.01.01]. Đề cương chi tiết được phổ biến, giới thiệu đến người học trong buổi học đầu tiên của môn học, được đính kèm theo các giáo trình nội bộ của môn học cung cấp cho người học.

Nhận thức sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, các giờ thảo luận có giảng viên hướng dẫn đã được đưa vào thời khóa biểu của môn học [H3.03.03.07]. Áp dụng bằng nhiều hình thức khác nhau, giảng viên nêu câu hỏi gợi mở, đưa nội dung bài tập áp dụng, tăng cường trao đổi hai chiều giữa sinh viên với giảng viên; thuyết trình nội dung thảo luận theo các chủ đề đã được giao cho các nhóm thảo luận...thực hiện kiểm tra định kỳ môn học.

Để nâng cao chất lượng công tác dạy và học tập, Phòng Thanh tra khảo thí đã thực hiện quy trình lấy ý kiến người học đối với giảng viên giảng dạy, mỗi giảng viên được lấy ý kiến ít nhất một lần trong năm học. Kết quả tổng hợp đánh giá từ người học, những nhận xét chủ quan điển hình của người học đã được Phòng Thanh tra khảo thí và đảm bảo chất lượng thông báo trực tiếp tới từng giảng viên [H3.03.01.10]. Bên cạnh đó, từng bộ môn triển khai công việc dự giờ trực tiếp cho từng giảng viên, phòng làm việc của bộ môn có trang bị bảng để giáo viên có thể giảng thử trước bộ môn những vấn đề về chuyên môn, hoặc phương pháp thuyết giảng một nội dung cần được thay đổi, rút kinh nghiệm.

Năm 2014, Nhà trường thực hiện việc phân loại đánh giá giảng viên theo các tiêu chí cụ thể về trình độ tiếng Anh, tin học IC3, [H3.03.01.11]

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức đánh giá việc soạn bài giảng của từng giáo viên; tăng cường việc biên soạn giáo trình, bài giảng môn học phục vụ giảng dạy và học tập của người học, đảm bảo mỗi môn học phải có ít nhất một giáo trình hoặc tài liệu tham khảo cung cấp cho người học; tăng cường việc đánh giá thường xuyên trên lớp, mỗi tín chỉ phải có ít nhất 2 bài kiểm tra 15 phút hoặc bài tập tương đương.

3. Những tồn tại

Công việc xây dựng đề cương, chương trình môn học còn nặng tính kế thừa, chưa có những đột phá, đổi mới, chưa mạnh dạn thay đổi về nội dung hoặc những yêu cầu cấp thiết của ngành đào tạo. Việc nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo còn chưa lôi cuốn người học tham gia. Việc hướng dẫn thảo luận, đánh giá thường xuyên kết quả học tập còn chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013-2014, thực hiện Quyết định ban hành hành động của Ngành giáo dục, triển khai Chương trình hành động của Chính phủ, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về việc đổi mới căn bản, toàn diện, giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế của Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo (Theo QĐ số: 2653/QĐ-BGĐT). Nhà trường đã chỉ đạo mạnh dạn thay đổi đề cương, chương trình đào tạo, cập nhật từng bước các nội dung bài giảng, bài tập từ các tài liệu nước ngoài, đặc biệt khuyến khích xây dựng bài giảng từ các tài liệu tiếng Anh của các Trường đại học tiên tiến trên thế giới [H3.03.01.12]. Thay đổi kế hoạch giảng dạy và học tập theo hướng tăng cường sự tự chủ của người học, tăng thời gian tự học tự nghiên cứu; tăng cường việc kiểm tra đánh giá thường xuyên đối với người học. Cùng với việc yêu cầu mỗi giáo viên phải có 5 tài liệu phục vụ giảng dạy [H3.03.01.14], có lịch tiếp sinh viên trực tiếp tại văn phòng, Nhà trường còn triển khai việc đánh giá xếp loại giảng viên. Nhà trường cũng xây dựng hệ thống E-Learning tương tác giữa giáo viên với người học của lớp giảng dạy thông qua mạng máy tính, đồng thời cũng triển khai đánh giá việc sử dụng hệ thống E-Learning [H3.03.01.06].

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4

Tiêu chí 3.2: Người học được tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập

Từ khóa: Tư vấn, hướng dẫn, chiến lược học tập

1. Mô tả

Với đa số sinh viên của Nhà trường nói chung, sinh viên ngành Tự động hóa nói riêng, vẫn quen với hình thức học tập theo niên chế, chưa thích ứng phương pháp học tập theo học chế tín chỉ. Để giúp sinh viên tránh được sự hụt hẫng, lo lắng và phát huy tính tự chủ trong học tập và bố trí thời gian học tập có hiệu quả... sinh viên được tư vấn, hướng dẫn ngay từ khi mới nhập học vào trường và thông qua bộ phận tư vấn, sổ tay giảng viên, cố vấn học tập. Cuốn sổ tay sinh viên gồm các phần: giới thiệu chung về Trường ĐH KTCN; các quy chế và quy định trong công tác học sinh – sinh viên; giới thiệu về quy chế đào tạo, các ngành đào tạo, tổ chức đào tạo, học vượt, học song song hai chuyên ngành, kiểm tra và thi học phần, xét công nhận tốt nghiệp, xử lý vi phạm và điều khoản thi hành; thiết kế chương trình đào tạo bậc đại học theo học chế tín chỉ với kế hoạch học tập, thí nghiệm, thực tập cho từng ngành học, chương trình cũng thể hiện chi tiết từng môn học, mỗi môn học có số lượng tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ nào, năm thứ bao nhiêu, nguyên tắc học phần học trước, học phần song hành... được thể hiện trong các đề cương môn học; Bên cạnh đó cuốn sổ tay còn có định dạng những mẫu đơn tiêu chuẩn giúp người học thuận tiện cho việc giao tiếp với các bộ phận chức năng trong nhà trường khi cần. Cuốn sổ tay cũng là công cụ cần thiết cho hệ thống cố vấn học tập làm tốt chức năng của mình trong việc giúp đỡ cho người học [H3.03.02.05].

Ban CN Khoa đã tổ chức họp thảo luận: làm thế nào để giúp sinh viên thích ứng với hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ, làm thế nào để sinh viên vừa phát huy học tập lý thuyết, vừa tham gia NCKH [H3.03.03.07].

Thực hiện sứ mạng của Nhà trường, giảng viên vừa có nhiệm vụ giảng dạy, vừa phải nghiên cứu khoa học. Nhiều giảng viên trẻ đã tích cực chủ động hướng dẫn, giúp đỡ và động viên sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, nhiều nhóm sinh viên ngành Tự động hóa tham dự cuộc thi sáng tạo Robocon đã được thành

lập, tuy chưa đạt được giải cao song đã góp phần thay đổi không khí hoạt động khoa học của sinh viên trong nhà trường.

Để nâng cao hiệu quả chiến lược học tập, BCN Khoa cử một Phó chủ nhiệm khoa phụ trách quản lý học sinh sinh viên, một trợ lý quản lý sinh viên cùng các giáo viên chủ nhiệm các lớp theo khóa học đồng thời kiêm công tác cố vấn học tập. Hàng tháng các giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập đã chấp hành công tác sinh hoạt lớp theo định kỳ một tháng một lần, có sự giám sát của đại diện Phòng TTKT&ĐBCLGD. Tuy nhiên, việc tư vấn học tập cho sinh viên vẫn chưa đạt được hiệu quả mong muốn [H3.03.02.07].

2. Những điểm mạnh

Sinh viên ngành Tự động hóa bước đầu được tư vấn, hướng dẫn về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, được sự trợ giúp của đội ngũ giảng viên trẻ có nhiệt huyết say mê nghiên cứu khoa học.

3. Những tồn tại

Còn nhiều sinh viên chưa thực sự chủ động trong công tác học tập. Vai trò cố vấn học tập chưa thực sự phát huy hiệu quả. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013-2014, Nhà trường đã phát động trong toàn thể các bộ môn, đội ngũ giảng viên: mỗi thầy cô có một sản phẩm khoa học [H3.03.02.10], ngành Tự động hóa đã tích cực tham gia và bước đầu đã có những sản phẩm thiết thực tham gia triển lãm ngày hội Open day 2014. Bắt đầu từ học kỳ II năm học 2013 – 2014 Nhà trường đã có những quyết định về việc đổi mới trong tổ chức đào tạo [H3.03.02.12], quy định rõ nhiệm vụ của giảng viên, bộ môn chuyên môn, cùng với những yêu cầu đối với sinh viên. Nhà trường cũng quy định trách nhiệm của giảng viên trong việc đưa nhiệm vụ về nhà, chữa bài tập mẫu, cập nhật điểm kiểm tra thường xuyên cho sinh viên trên E-learning [H3.03.02.13].

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo tạo ra các cơ hội học tập và giao lưu giúp người học có thể tham gia, phát huy tối đa các khả năng của bản thân

Từ khóa: Cơ hội, học tập, giao lưu, tham gia, phát huy, khả năng

1. Mô tả

Chương trình đào tạo của chuyên ngành TĐH quy định rõ các môn học lý thuyết, thực hành, thực tập; mỗi môn học cũng quy định rõ số tiết lý thuyết, thảo luận, số tiết tự học, tự nghiên cứu; các phần thí nghiệm – thực hành thực hiện trong các học kỳ cũng được định rõ trong các đề cương thí nghiệm cho từng ngành học với số tín chỉ quy định. Chương trình đào tạo cũng dành thời lượng cần thiết cho sinh viên thực tập tại xưởng của Nhà trường và cơ sở sản xuất bên ngoài. Kết quả đã tạo ra cho sinh viên tính chủ động, sắp xếp thời gian tự học, tự nghiên cứu, thực hành, thực tập và tham gia các hoạt động tập thể trong Nhà trường [H3.03.03.01], [H3.03.03.02].

Chương trình đào tạo của chuyên ngành TĐH tạo ra cơ hội cho người học tiếp cận lý thuyết gắn liền với thực tiễn. Phòng thực hành – thí nghiệm được trang bị, bổ sung thêm nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với thực tế phát triển và yêu cầu của sản xuất bên ngoài. Hệ thống nhà xưởng thực tập cũng được xây dựng mới, được bổ sung trang thiết bị đáp ứng nhu cầu thiết yếu của công tác thực tập cho sinh viên. Quá trình giảng dạy các giảng viên đã chủ động lồng ghép nội dung lý thuyết gắn với những ứng dụng thực tế giúp người học có nhận thức tích cực hơn về môn học và từ đó chủ động phát huy các khả năng của bản thân trong việc tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề đặt ra.

Để sinh viên có thêm các kiến thức thực tế, trong chương trình đào tạo đã xây dựng nội dung thực tập - thực tế tại các nhà máy, doanh nghiệp bên ngoài, từ đó góp phần nâng cao được nhận thức của người học, tạo điều kiện thúc đẩy ham muốn học tập và đề ra chiến lược học tập phù hợp cho riêng mình [H3.03.03.06].

Chương trình đào tạo của chuyên ngành TĐH cũng được xây dựng mở, có sự liên kết chặt chẽ giữa các môn học, thể hiện mối liên hệ tương hỗ giữa các học phần, cũng định rõ môn học bắt buộc, môn học tự chọn, điều đó đã giúp sinh viên dễ dàng lên kế hoạch học tập toàn khóa và lựa chọn môn học cho từng học kỳ, học vượt, học 2 chuyên ngành song song. Tóm lại sinh viên có được cái nhìn tổng quát về khung chương trình đào tạo mà mình đang theo học, đảm bảo tốt qui trình học tập theo hệ tín chỉ, trong đó người học được toàn quyền quyết định môn học, thời gian học và thời điểm kết thúc chương trình học, tốt nghiệp ra trường [H3.03.01.01].

Trong những năm từ 2008 đến 2013, Khoa điện cùng Nhà trường đã tổ chức các buổi tiếp xúc giữa nhà trường, sinh viên với nhà tuyển dụng, xin ý kiến tham góp của các cựu sinh viên làm việc trong các nhà máy, cơ sở sản xuất về chương trình đào tạo, xu thế phát triển của ngành học. Qua đó xây dựng được chương trình đào tạo phù hợp nhất cho người học cũng như đáp ứng nhu cầu của xã hội [H3.03.03.05].

Khoa điện cũng đã tổ chức lấy ý kiến tham góp của giảng viên về tình hình học tập, thảo luận trên lớp, đánh giá về hoạt động tự học, tự nghiên cứu của người học, về công tác thực hành – thực tập. Sau mỗi kỳ học đều có tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất những ý kiến thiết thực cho Nhà trường trong việc thay đổi chương trình, phương pháp đào tạo, cách đánh giá tạo cơ hội học tập chủ động và phát huy tối đa khả năng của bản thân người học [H3.03.03.07].

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo ngành TĐH đã tạo ra cho sinh viên cơ hội học tập, chủ động nắm bắt kiến thức, phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu, chủ động giao lưu nắm bắt cơ hội và phát huy năng lực sáng tạo của người học.

3. Những tồn tại

Chương trình đào tạo còn chưa thực sự phối hợp kịp thời giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành – thí nghiệm, hệ thống thí nghiệm của ngành học còn chưa được khai thác với hiệu quả cao nhất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2013-2014, Nhà trường tiến hành điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, đưa hệ thống học tập E-Learning vào hoạt động [H3.03.03.09], mở phòng máy tính cho sinh viên sử dụng miễn phí [H3.03.03.15], kiểm tra thực trạng việc chuẩn bị giáo trình, giáo án, sách giao bài tập của giảng viên [H3.03.03.10] và khảo sát về mức độ đáp ứng của người học với khối lượng bài tập về nhà, mỗi thầy cô phải có lịch tiếp sinh viên tại phòng làm việc trong kế hoạch tuần [H3.03.03.14].

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Kết luận

Chương trình đào tạo áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp với các đối tượng người học với phương châm lấy người học làm trung tâm. Người học thường xuyên được tư vấn, định hướng về phương pháp học tập thông qua đội ngũ cố vấn học tập và các kênh thông tin khác. Chương trình phần nào đã tạo ra nhiều cơ hội học tập, giúp người học thể hiện khả năng bản thân trong quá trình học tập tại Nhà trường và Khoa.

TIÊU CHUẨN 4: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Mở đầu

Công tác kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa với nhiều hình thức khác nhau đảm bảo tính khách quan, nghiêm túc, công bằng phù hợp với từng loại hình đào tạo và bậc đào tạo. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố

công khai, rộng rãi tới người học thông qua nhiều kênh và hình thức khác nhau. Đồng thời, kết quả đánh giá được quy định cụ thể qua hệ thống văn bản của Nhà trường, đảm bảo chính xác và tin cậy.

Tiêu chí 4.1. Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo.

Từ khóa: Áp dụng, hình thức đánh giá, đa dạng, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng, phù hợp với hình thức đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường đã có quy định chung về thực hiện quy trình tổ chức đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Căn cứ quy định này, quy trình đánh giá bao gồm điểm kiểm tra và điểm đánh giá thi kết thúc học phần [H4.04.01.05].

Theo quy trình này, điểm kiểm tra bao gồm các thành phần điểm có trọng số tùy thuộc vào từng đề cương chi tiết học phần: kiểm tra giữa kỳ với quy định 1 tín chỉ có 1 bài kiểm tra giữa kỳ thường thực hiện vào tuần thứ 8 của học kỳ, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập lớn và điểm chuyên cần (yêu cầu người học phải tham gia tối thiểu 80% thời gian của môn học). Điểm kiểm tra được tính 20% đến 50% trong tổng số điểm đánh giá của học phần tùy thuộc vào đề cương chi tiết của từng học phần [H4.04.01.01]. Quy trình tính điểm kiểm tra cũng đã có sự rà soát, điều chỉnh theo một số quy định mới ban hành. Trong đó, kể đến là phân giao bài tập, nhiệm vụ về nhà cho sinh viên và được giảng viên giảng dạy chấm thành 1điểm/1tín chỉ [H4.04.01.05].

Cách thức đánh giá thi kết thúc học phần thuộc các học phần của chương trình đào tạo Tự động hoá cũng được đa dạng hóa. Tùy vào đặc thù và mục tiêu của học phần mà mỗi học phần được tổ chức thi theo hình thức tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan thực hiện trên giấy hoặc thực hiện trên máy tính nên

việc đánh giá đã phản ánh được khách quan năng lực thực tế của người học [H4.04.05.14].

Đến nay, 100% số môn học thuộc chương trình đào tạo Tự động hoá đã có ngân hàng câu hỏi thi, trong đó, một số môn có ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm trên máy tính. Bộ ngân hàng câu hỏi thi có kèm theo đáp án cụ thể và được xây dựng chi tiết đến 0,5 điểm và được cập nhật, chỉnh sửa liên tục từng trong từng học kỳ, từng năm học theo mẫu số 471/CV-ĐT [H4.04.04.15].

Tất cả các học phần được tổ chức dùng chung đề thi chính quy bốc thăm từ bộ ngân hàng câu hỏi thi tại phòng TTKT&ĐBCLGD, thi chung, chấm chung. Công tác coi thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất cho các khóa. Mỗi kỳ thi đều có sự giám sát của cán bộ Phòng TTKT&ĐBCLGD, Hội đồng thi khoa Điện và Bộ môn Tự động hoá [H4.04.01.03].

Công tác chấm thi đối với học phần thi viết được thực hiện tập trung tại phòng chấm thi của khoa Điện. Trưởng bộ môn phân công giảng viên chấm bài kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần. Tất cả các bài thi kết thúc học phần được cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, có 02 giáo viên chấm và ký trên bảng điểm và có xác nhận của trưởng bộ môn [H4.04.05.02].

Chấm thi trắc nghiệm trên máy tính và bài thi thực hành trên máy tính được thực hiện theo phần mềm và được công bố sau khi sinh viên hoàn thành bài thi [H4.04.05.02].

Trong quá trình học, sinh viên đến trung tâm thí nghiệm để làm quen với các thiết bị thực tế, thực hiện các bài thí nghiệm cơ sở và chuyên môn nghiệm lại tính đúng đắn của các học phần lý thuyết (Cơ sở lý thuyết mạch điện 1, 2, máy điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật đo lường, điều khiển logic và PLC, phân tích hệ thống, điều khiển quá trình ...). Sinh viên đến trung tâm thực nghiệm để thực tập cơ sở khối ngành Cơ - điện - điện tử và thực tập kỹ thuật nhóm ngành điện trong thời gian khoảng 8 tuần vào năm thứ 3, 4. Sinh viên thực tập tốt

nghiệp tại các nhà máy, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên trong thời gian là 12 tuần vào năm thứ 5. Trong quá trình thí nghiệm, thực hành, thực tập sinh viên phải viết báo cáo để đánh giá mức độ tích lũy của sinh viên về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực giải quyết vấn đề.

Tuy nhiên, việc đánh giá mức độ tích lũy về năng lực thực hành và năng lực giải quyết vấn đề chưa được tiến hành ở một số môn học thuộc chương trình đào tạo.

2. Những điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá của nhà trường được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc đảm bảo tính khoa học, chính xác và công bằng. Kết cấu của đề thi phù hợp, phủ kín được nội dung của môn học.

3. Những tồn tại

Một số ngân hàng câu hỏi và đề thi chưa có đáp án chi tiết đến 0,25đ, nhất là đối với các đề thi cho hình thức không chính quy.

Một số môn học chưa đánh giá được mức độ tích lũy về năng lực thực hành của người học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiến hành rà soát, chỉnh sửa các đáp án chi tiết chưa theo đúng yêu cầu của Phòng TTKT&ĐBCL.

Liên tục cập nhật ngân hàng câu hỏi thi và đáp án chi tiết các học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố rộng rãi đến người học

Từ khóa: tiêu chí đánh giá, kết quả học tập, công bố rộng rãi

1. Mô tả

Sinh viên được thông báo về kế hoạch và chương trình đào tạo ngay từ khi nhập học, trong tuần lễ chính trị đầu khóa, trong buổi gặp mặt BCN Khoa. Danh sách các môn học, kế hoạch đào tạo, khung chương trình, cách tính điểm trung bình, cách quy đổi điểm chữ, điểm số theo thang điểm 4 của đào tạo tín chỉ được trình bày đầy đủ trong Niên giám trường đại học và sổ tay sinh viên được phát cho sinh viên từ năm thứ nhất [H4.04.02.02].

Các môn học được tính điểm trung bình có trọng số với các thành phần: điểm thảo luận, bài tập, điểm bài tập lớn, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ. Trong buổi học đầu tiên của môn học, giảng viên thông báo đầy đủ các tiêu chí đánh giá về các thành phần điểm thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ và các phương pháp đánh giá cụ thể (thi viết, trắc nghiệm trên giấy, trắc nghiệm khách quan trên máy tính, vấn đáp). Toàn bộ đề cương môn học, lịch trình học tập chi tiết được thông báo cụ thể tới sinh viên trong buổi học này. Tuy nhiên, đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhu cầu tiếp cận các thông tin về môn học, giảng viên, yêu cầu kiểm tra đánh giá của môn học đó đối với sinh viên trước thời điểm đăng ký học là rất cấp thiết, website của trường công bố đề cương chi tiết bao gồm cả hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, thành phần điểm đánh giá kết quả người học của từng học phần trong chương trình đào tạo chưa thực sự đáp ứng được.

Đối với các sinh viên năm thứ 2, thứ 3, thứ 4 điều kiện để được xét phân ngành, thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp là phải tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu. Sinh viên có thể nắm bắt thông tin này qua sổ tay sinh viên, niên giám hoặc qua thông tin trực tuyến trên website của trường và khoa điện để xem xét đăng ký ngành học, đăng ký thực tập tốt nghiệp [H4.04.02.08].

Để được xét tốt nghiệp, sinh viên cũng phải tích lũy đủ số tín chỉ, chăm đủ điểm rèn luyện các kỳ như trong quy định đã có trong sổ tay người học [H4.04.03.03].

Quy định về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Tự động hoá được đôn đốc nhắc nhở sinh viên hàng kỳ, hàng năm tại các buổi tổng kết, các buổi sinh hoạt lớp.

2. Những điểm mạnh

Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông tin đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau: website, sổ tay sinh viên, niên giám, thông tin trực tiếp từ giảng viên môn học, giảng viên chủ nhiệm, cán bộ văn phòng khoa, ban chủ nhiệm khoa.

3. Những tồn tại

Sinh viên vẫn chưa có thêm kênh hữu ích để tiếp cận các thông tin cần thiết liên quan đến học phần trước thời điểm đăng ký các học phần của học kỳ như: thông tin về giảng viên, đề cương chi tiết, cách đánh giá, các yêu cầu cụ thể đối với môn học, lịch trình học tập chi tiết.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần triển khai hoạt động cung cấp các thông tin liên quan đến học phần bao gồm: thông tin giảng viên, lịch trình học tập, đề cương chi tiết học phần, tiêu chí kiểm tra đánh giá... lên website của khoa Điện và website của trường để sinh viên dễ dàng tiếp cận được với học phần từ trước khi bước vào học kỳ mới.

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.3: Các quy định và thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá được công bố công khai tới người học

Từ khóa: quy định, thủ tục khiếu nại, kết quả đánh giá, công bố công khai.

1. Mô tả

Hoạt động khiếu nại kết quả đánh giá người học được thể hiện qua công tác phúc khảo bài thi kết thúc học phần của Nhà trường. Công tác Phúc khảo

được thực hiện theo điều 11 trong quy định về công tác thi hệ chính quy [H4.04.05.07].

Năm 2007, Nhà trường đã ban hành quy định về công tác thi tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp kèm theo quyết định số 299 và đã được chỉnh sửa, bổ sung lại trong Quy định công tác thi hệ chính quy kèm theo quyết định số 50 năm 2013, trong đó quy định về công tác phúc khảo bài thi kết thúc học phần như sau: Điểm kiểm tra thường xuyên: sinh viên kiến nghị trực tiếp với giảng dạy ngay sau khi điểm được công bố trên lớp. Điểm thi kết thúc học phần: nếu thấy kết quả chấm thi không thoả mãn, sinh viên nộp đơn và lệ phí chấm phúc khảo học phần cho khoa chậm nhất là 03 ngày sau ngày công bố điểm, không nhận đơn quá thời gian quy định trên. Khoa kiểm tra và trả lời kiến nghị về điểm cho sinh viên chậm nhất là 03 ngày sau, thông báo bộ môn tổ chức chấm phúc khảo để trả lời kết quả cho sinh viên Đơn phúc khảo điểm thi trắc nghiệm trên máy tính chuyển phòng TTKT&ĐBCLGD giải quyết [H4.04.05.07].

Sau khi có kết quả chấm phúc khảo bài thi, điểm phúc khảo tổng hợp tại văn phòng khoa và gửi về Phòng Đào tạo, Bộ môn, thông báo tới từng sinh viên phúc khảo qua website khoa Điện hoặc xem trực tiếp tại văn phòng khoa Điện [H4.04.05.02].

Đối với trường hợp nhập nhằm điểm kiểm tra thành phần sinh viên làm đơn khiếu nại trực tiếp với giảng viên giảng dạy học phần, các giảng viên trong bộ môn tập hợp tất cả đơn, sau đó làm đề nghị chuyển khoa và phòng Đào tạo sửa điểm cho sinh viên. Kết quả điểm tổng hợp của sinh viên sau khi sửa lại được cập nhật lại hệ thống Edusoft của trường, phiếu điểm lưu tại văn phòng khoa Điện, văn phòng bộ môn và phòng Đào tạo [H4.04.05.14].

Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên đảm bảo công khai, chính xác. Tuy nhiên Nhà trường chưa có quy định về công tác phúc khảo điểm báo cáo thực tập, đồ án tốt nghiệp.

2. Những điểm mạnh

Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên hệ đại học chính quy đảm bảo công khai, chính xác.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa có quy định về công tác phúc khảo điểm báo cáo thực tập, đồ án tốt nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2013 - 2014, Nhà trường ban hành bổ sung quy định về công tác phúc khảo điểm báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá đạt mức: Đạt mức 4

Tiêu chí 4.4: Độ tin cậy và tính giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá được định kỳ thẩm định

Từ khóa: độ tin cậy, tính giá trị, phương pháp kiểm tra, định kỳ thẩm định.

1. Mô tả

Theo quy định về công tác thi hệ chính quy, các bộ môn của khoa Điện đã tiến hành xây dựng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần của các học phần. Trong các học kỳ cũng liên tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng câu hỏi, tổ chức đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các môn học thuộc chuyên ngành Tự động hoá [H4.04.04.18].

Việc kiểm tra đánh giá trên cơ sở Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Đại học Thái Nguyên. Quy trình đánh giá được tiến hành trên cơ sở chủ trương của Trường, Ban chủ nhiệm Khoa Điện triển khai đơn đốc các Bộ môn tiến hành bổ sung ngân hàng câu hỏi thường xuyên, tổ chức đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các học phần. Quá trình đánh giá tại các Bộ môn có sự tham gia của tất cả giảng viên tham gia giảng dạy học phần, các câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi được đánh giá theo mức độ khó, dễ, câu hỏi hiểu, nhớ... Qua hoạt động đánh giá đã giúp cho quá

trình xây dựng bài giảng, bộ ngân hàng câu hỏi thi tốt hơn, sát với chương trình hơn đồng thời giúp cho việc xây dựng câu hỏi thi của từng môn học có sự phân loại chất lượng sinh viên. Tuy nhiên, tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được đánh giá nguyên nhân là do thời gian đầu tư cho hoạt động này chưa tương xứng mặt khác đội ngũ giảng viên chưa được trang bị đầy đủ về phương pháp để đo lường tính giá trị.

2. Những điểm mạnh

Khoa Điện đã triển khai nghiêm túc và đúng tiến độ hoạt động đánh giá ngân hàng câu hỏi, liên tục cập nhật ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các học phần

3. Những tồn tại

Tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện và các hoạt động chưa được tiến hành theo định kỳ thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2014, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch và trang bị cho đội ngũ cán bộ giảng viên về phương pháp kiểm tra đánh giá đối với mỗi học phần thuộc chuyên ngành Tự động hoá

Trong năm 2013 - 2014, Nhà trường và Khoa định kỳ tiến hành đánh giá ngân hàng câu hỏi, xây dựng bảng trọng số cho đề thi và hoạt động đánh giá năng lực của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tự động hoá

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập được công bố kịp thời, chính xác đến người học và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý tin cậy.

Từ khóa: kết quả học tập, công bố, kịp thời, chính xác, lưu trữ, pháp lý.

1. Mô tả

Thực hiện Quy định về công tác thi tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp kèm theo quyết định số 50 và quản lý kết quả học tập của sinh viên đại

học hệ chính quy, Nhà trường có quy định giảng viên phải công bố công khai trước lớp các thành phần điểm thảo luận, bài tập, bài tập lớn, chuyên cần trong tiết học cuối cùng, điểm kiểm tra giữa kỳ sau khi kiểm tra 2 tuần; điểm thi kết thúc học phần phải hoàn thành trong vòng 07 ngày sau khi thi kết thúc học phần; điểm thi vấn đáp chậm nhất là vào cuối buổi thi. Chậm nhất 1 tuần sau khi thi kết thúc học phần bộ môn và khoa phải tổng hợp điểm của học phần và chuyển vào phần mềm quản lý kết quả học tập của trường Edusoft [H4.04.05.04].

Kết quả học tập của mỗi kỳ của sinh viên chuyên ngành Tự động hoá được phòng Đào tạo và khoa thông báo cụ thể đến từng lớp bằng bảng điểm thông qua giáo viên chủ nhiệm hoặc gửi thư về cho gia đình sinh viên. Mặt khác, văn phòng khoa và phòng Đào tạo công khai điểm kiểm tra, thi kết thúc học phần, điểm tổng hợp của học phần trên website và lưu trữ dưới dạng bản in tại văn phòng khoa, bộ môn, phòng Đào tạo, túi bài thi để thuận tiện cho sinh viên trong việc xem và đối chiếu điểm [H4.04.05.02].

Nhà trường đã thực hiện thống nhất mẫu ghi kết quả học tập của từng học phần: điểm kiểm tra (bao gồm các thành phần điểm đã tính trọng số: điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thảo luận, bài tập, chuyên cần, bài tập lớn), điểm thi kết thúc học phần; điểm học phần thực tập tốt nghiệp, điểm học phần đồ án tốt nghiệp [H4.04.05.14].

Bảng điểm kiểm tra (bao gồm các thành phần điểm đã tính trọng số: điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thảo luận, bài tập, chuyên cần, bài tập lớn), giảng viên chấm và trưởng bộ môn xác nhận và được lưu trữ ở Khoa. Bảng điểm phách có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi, trưởng bộ môn xác nhận được lưu tại Khoa, túi bài thi. Bảng tổng hợp điểm học phần được lập thành 3 bản có chữ ký của cán bộ nhập điểm, cán bộ ghép điểm, ban chủ nhiệm khoa xác nhận được lưu ở phòng Đào tạo, khoa Điện, trong túi bài thi và văn phòng bộ môn. Bài thi kết thúc học phần (hình thức thi viết) được lưu trữ 02 năm.

Kết quả học tập được lưu trữ trên máy tính chủ, các ổ cứng một cách an toàn, cho phép lưu trữ trong nhiều năm. Phần mềm Edusoft không bị giới hạn về

thời gian sử dụng (ví dụ với số lượng 10000 sinh viên có thể lưu trữ vào ổ đĩa cứng dung lượng 200GB trong thời gian là 30 năm) [H4.04.05.03].

Hệ thống quản lý kết quả học tập của trường là chính xác và đáng tin cậy. Phần mềm được sử dụng để quản lý là Edusoft đã trải nghiệm tốt qua 15 năm vận hành với hơn 50 đơn vị sử dụng mà hầu hết là các trường Đại học và Cao đẳng lớn trên cả nước. Edusoft sử dụng bảo mật mức vật lý theo file của tiêu chuẩn bảo mật hệ điều hành sử dụng (Windows Server, Netware, Unix ...). Mọi user không được khai thác file dữ liệu vượt quá sự cho phép (trong mọi điều kiện) của người quản trị hệ điều hành. Edusoft còn có bảo mật mức logic. Mọi user không được sử dụng vượt quá các chức năng cho phép (trong giao diện chương trình) được phân công bởi người quản trị hệ thống [H4.04.05.04].

Mạng được và có hệ thống chống vi rút thường xuyên, đảm bảo tính chính xác và tin cậy. Mỗi sinh viên có một tài khoản riêng để truy cập [H4.04.05.04].

Phần mềm quản lý điểm có độ tương thích cao với các phần mềm khác, tiện lợi cho việc tổng hợp báo cáo. Edusoft tích hợp tốt với cơ sở dữ liệu web của nhà trường (Import/ Export). Nhờ vậy, dễ dàng thu thập được kết quả học tập toàn khóa của sinh viên để xét tốt nghiệp và sau khi được hội đồng xét tốt nghiệp thông qua sẽ được Nhà trường lưu trữ vĩnh viễn để phục vụ cho nhu cầu của nhà trường và sinh viên sau này [H4.04.05.16].

Trong quá trình nhập điểm còn có một số sai sót nhỏ khi vào điểm thành phần và chuyển từ excel sang hệ thống quản lý điểm Edusoft do thao tác không chính xác của giảng viên khi nhập điểm hoặc của cán bộ khi ghép điểm vào phần mềm. Tuy nhiên, đã có sự chỉnh sửa kịp thời và Nhà trường cũng có sự đổi chiều kết quả học tập giữa các bộ phận phụ trách liên quan trước khi xét tốt nghiệp cuối khoá cho sinh viên, đảm bảo tính chính xác trong kết quả bảng điểm và xếp loại tốt nghiệp cuối cùng.

Việc công bố điểm thi đôi khi còn chậm kế hoạch do đặc thù của bộ môn chuyên ngành có nhiều giảng viên kiêm nhiệm hoặc 1 giảng viên giảng dạy nhiều lớp học phần trong một học kỳ nên việc bố trí thời gian còn chưa hợp lý.

Nhà trường chưa lập được hệ thống tra cứu điểm thi bằng tin nhắn để sinh viên dễ dàng, thuận tiện hơn trong việc theo dõi điểm.

2. Những điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được quản lý song song bằng cả hai hệ thống là lưu bảng điểm giấy có đầy đủ chữ ký xác nhận và lưu trên phần mềm Edusoft chuyên dụng quản lý kết quả học tập đảm bảo tính khoa học, chính xác, an toàn, thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

3. Những tồn tại

Chưa lập được hệ thống tra cứu điểm thi bằng tin nhắn do nhà trường còn thiếu nguồn lực để thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2013-2014 Nhà trường lập kế hoạch, bố trí nguồn lực để tạo lập hệ thống tra cứu điểm thi bằng tin nhắn cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận

Hoạt động kiểm tra đánh giá được thực hiện thường xuyên với phương pháp đánh giá được quy định cụ thể trong các văn bản của Nhà trường đảm bảo độ tin cậy và tính giá trị. Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố rộng rãi, công khai đảm bảo tính khách quan, công bằng, minh bạch và thông báo tới người học. Kết quả học tập của người học được quản lý an toàn, khoa học, chính xác, thuận tiện trong quá trình tổng hợp và thuận tiện trong việc đánh giá kết quả cuối năm.

TIÊU CHUẨN 5

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH TỰ ĐỘNG HÓA

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên có vai trò vô cùng quan trọng trong mọi chương trình đào tạo. Vì vậy việc xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và tư cách nhà giáo, có sức khỏe tốt và yêu nghề là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chương trình.

Để có được một đội ngũ như vậy, Ban Chủ nhiệm Khoa Điện thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng giảng viên cần bổ sung cho từng năm (thay thế giảng viên nghỉ hưu hoặc chuyển công tác). Trên cơ sở đó đề nghị nhà trường tuyển đủ số lượng và đảm bảo tiêu chuẩn giảng viên, từ nhiều nguồn khác nhau và tạo điều kiện cho họ được học tập, làm việc theo đúng chuyên môn được đào tạo.

Tiêu chí 5.1: Cơ cấu đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của chương trình đào tạo.

Từ khóa: cơ cấu đội ngũ, đáp ứng, số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

1. Mô tả:

Tính đến tháng 9 năm 2014 đội ngũ cán bộ giảng viên thực hiện các hoạt động đào tạo của chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa (TĐH) có 77 cán bộ cơ hữu trong đó có 52 nam, 24 nữ, với độ tuổi dưới 35 tuổi là 45 người.[H5.05.01.01]

Tất cả cán bộ, giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo của Nhà trường đều có trình độ từ Đại học trở lên: có 04 giảng viên có trình độ Phó Giáo Sư, 15 Tiến sĩ: chiếm 19,4%; 38 giảng viên có trình độ Thạc sĩ: chiếm

49,4%; 13 giảng viên có trình độ Đại học: chiếm 16,9%; trong đó có 04 giảng viên thỉnh giảng (03 giảng viên là Phó giáo sư công tác tại Đại học Thái Nguyên; 01 giảng viên đã nghỉ hưu), các giảng viên đều đảm bảo trình độ chuẩn theo điều 24 điều lệ trường đại học về 5 tiêu chuẩn của giảng viên đại học [H5.05.05.01] .

Cơ cấu giảng viên thực hiện chương trình đào tạo được phân bổ hợp lý, đủ số lượng để giảng dạy các môn học thuộc chương trình. Giảng viên được giao nhiệm vụ căn cứ vào tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn theo quy trình công khai dân chủ, đảm bảo có khả năng hoàn thành tốt công việc được giao. Số lượng giảng viên thực hiện chương trình tương đối ổn định qua các năm học với năng lực ngày càng được nâng cao. Nhà trường có các chính sách và biện pháp ưu tiên nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước thông qua việc xây dựng và thực hiện Đề án đào tạo cán bộ, giảng viên, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ đối với giảng viên. Cụ thể:

* Đối với giảng viên học cao học:

+ Nhà trường hỗ trợ về thời gian: Giảm trừ khối lượng công tác chuyên môn kỳ học ôn và dự thi cao học; giảm trừ 30% ĐMGTC cho học viên cao học. [H5.05.01.02]

+ Hỗ trợ tiền học phí cao học, hỗ trợ làm luận án cao học. Ưu tiên chủ trì đề tài NCKH và tham gia các hoạt động khoa học khác.[H5.05.01.02]

+ Giảng viên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ được xếp vào bậc lương 2,67 kể từ ngày ký quyết định công nhận thạc sĩ.[H5.05.01.02]

* Đối với nghiên cứu sinh:

+ Nhà trường hỗ trợ về thời gian: Giảm trừ khối lượng công tác chuyên môn kỳ học ôn và dự thi nghiên cứu sinh; giảm trừ 70% ĐMGTC cho nghiên cứu sinh.[H5.05.01.02]

+ Hỗ trợ tiền học phí NCS, hỗ trợ làm luận án NCS.[H5.05.01.02]

+ Ưu tiên chủ trì đề tài NCKH và tham gia các hoạt động khoa học khác.

+ Giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ đúng thời hạn sẽ được thưởng 30.000.000 đồng.[H5.05.01.02]

+ Giảng viên được tuyển dụng làm giảng viên hợp đồng của Nhà trường mà chưa là Tiến sĩ thì khi tốt nghiệp Tiến sĩ được xếp lại lương vào bậc 3 kể từ ngày ký quyết định công nhận Tiến sĩ.[H5.05.01.02]

Hiện nay, số giảng viên thực hiện chương trình đào tạo đang đi học nâng cao trình độ khá nhiều cụ thể là: Số giảng viên đang nghiên cứu sinh trong và ngoài nước là 07 giảng viên, đang đi học cao học trong và ngoài nước là 05 giảng viên, nhưng trên 75,7% tổng số giảng viên đang thực hiện Chương trình đào tạo (TĐH) có trình độ trên đại học nên đã đáp ứng đủ yêu cầu chuyên môn, có đủ năng lực NCKH, có kiến thức về tin học và ngoại ngữ để phục vụ cho hoạt động giảng dạy và quản lý.[H5.05.01.03]

* Giảng viên:

Giảng viên được giao nhiệm vụ căn cứ vào tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn theo quy trình công khai dân chủ, đảm bảo có khả năng hoàn thành tốt công việc được giao. Cơ cấu tổ chức của Chương trình đào tạo lấy cán bộ, giảng viên của Khoa Điện nòng cốt, các giảng viên chuyên ngành TĐH là giảng viên cơ hữu của trường được bố trí ở các bộ phận khác và giảng viên thỉnh giảng cùng tham gia vào quá trình đào tạo.

Chương trình đào tạo với nội dung và cơ cấu phù hợp với mô hình quản lý chuyên môn của trường và phù hợp với tình hình thực tế. Trong những năm qua, giảng viên của Chương trình vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, vừa tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn. [H5.05.01.04, H5.05.01.05]

Năm 2014, Nhà trường thực hiện việc phân loại đánh giá giảng viên theo các tiêu chí cụ thể về trình độ tiếng Anh, tin học IC3, [H5.05.01.07]

2. Những điểm mạnh:

Số lượng đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo; được đào tạo chính quy ở các trường trong nước và nước ngoài. Cơ cấu tổ chức của chương trình đã huy động tối đa năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý và giảng viên ngành TĐH trong Trường và trong Đại học Thái Nguyên; trong đó có nhiều giảng viên trẻ, nhiệt tình, có ý chí vượt khó và say mê nghiên cứu khoa học và một số giảng viên có chức danh và học vị cao, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học đã thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến ở bậc đại học [H5.05.02.04].

3. Những tồn tại:

Giảng viên có trình độ Tiến sĩ chiếm tỉ lệ chưa cao (20%). Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều giảng viên có trình độ Đại học (chiếm 18,5%).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng đảm bảo sự kế cận liên tục về tuổi đời và kinh nghiệm nghề nghiệp. Xây dựng và triển khai các nội dung chuyên môn cụ thể trong từng năm học theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Năm học 2013-2014, khoa Điện lập kế hoạch và giao chỉ tiêu cụ thể cho từng bộ môn, từng giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ ở các bậc học cao hơn.

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 4

Tiêu chí 5.2: **Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên được định kỳ bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.**

*Từ khóa: **Đội ngũ, định kỳ, bồi dưỡng, chuyên môn, nghiệp vụ***

1. Mô tả:

Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình (TĐH) được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định về việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ đối với toàn bộ giảng viên có tuổi đời

dưới 35 bắt buộc phải học cao học, dưới 40 tuổi bắt buộc phải làm nghiên cứu sinh và các giảng viên đều phải có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu. [H5.05.02.01]

Các giảng viên chương trình TĐH đều tích cực tham gia các chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ qua các khóa đào tạo do nhà trường và các đơn vị ngoài tổ chức như: Bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh (Văn bằng 2, TOEFL-IPT, học tiếng Anh ở Philippines...); Bồi dưỡng thiết kế bài giảng trong đào tạo theo tín chỉ và đổi mới phương pháp giảng dạy - 2011; Tham gia khóa đào tạo kiến thức về công tác khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục - 2008; Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy đại học - 2010; Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nữ cán bộ - 2010; Bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên, tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm – 2011; Tham gia các hội thảo trong và ngoài nước. [H5.05.02.03].

Các giảng viên của chương trình đào tạo chuyên ngành TĐH được cử đi học Nghiên cứu sinh, Cao học đều sớm hoàn thành chương trình học tập. [H5.05.02.01]

Hầu hết các giảng viên đều hoàn thành nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của năm học, đáp ứng được nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn giảng dạy. [H5.05.02.04]

Đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập cho chương trình (TĐH) đều được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. [H5.05.02.03]

Trong các năm học, Nhà trường đã từng bước tiến hành khảo sát, đánh giá về thái độ làm việc và chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ lãnh đạo và chuyên viên trong phục vụ hoạt động học tập và giảng dạy và đã nhận được những kết quả nhất định làm cơ sở cho các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn [H5.05.02.06]

Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện Chương trình đều có kinh nghiệm trong NCKH. Nhiều giảng viên đã thực hiện được những công trình khoa học có

giá trị, có bài báo được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước. [H5.05.02.04].

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên phần lớn có khả năng sử dụng ngoại ngữ để đọc, dịch tài liệu chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp, đạt được nhiều kết quả trong NCKH.

Giảng viên của Chương trình không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, đội ngũ giảng viên và chuyên viên tham gia chương trình đào tạo thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

3. Những tồn tại:

Số lượng giảng viên và chuyên viên tham gia đánh giá, khảo sát trước và sau khi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2013-2014 Nhà trường tổ chức đánh giá hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên, chuyên viên trong phục vụ giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4

Tiêu chí 5.3. Việc tuyển chọn và nâng bậc cho giảng viên dựa trên các tiêu chuẩn về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và các thành tích khác.

Từ khóa: tuyển chọn, nâng bậc, năng lực giảng dạy, nghiên cứu, các thành tích khác.

1. Mô tả:

Nhà trường có quy trình tuyển dụng được thực hiện rõ ràng, minh bạch theo đúng “Quy định về tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của trường ĐH KTCN” theo quyết định số 216/QĐ-TCCB ngày 10 tháng 03 năm 2003 và quyết định về việc ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng và đào tạo bồi dưỡng CBVC của trường ĐH KTCN số 582/QĐ –ĐHKTCN ngày

24/12/2013 [H5.05.03.01]. Trong quá trình thực hiện, tính đến nay quy định này đã được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và kế hoạch phát triển của nhà trường trong các năm 2010, 2011, 2012 [H5.05.03.01].

Mỗi năm nhà trường tiến hành từ 1 đến 2 đợt tuyển dụng xuất phát từ nhu cầu thực tế của các đơn vị. Tất cả các đợt tuyển dụng đều được thông báo công khai trên Website của nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng như Báo Thái Nguyên, Truyền hình Thái Nguyên, Báo Nhân dân. Quy trình tuyển dụng của Nhà trường về sơ bộ được thực hiện theo 5 bước: Bước 1: Nhận hồ sơ của ứng viên; Bước 2: Sơ tuyển; Bước 3: Ứng viên thử việc; Bước 4: Đánh giá quá trình thử việc; Bước 5: Ký hợp đồng tuyển dụng; Đối với chương trình đào tạo (TĐH), từ năm 2009 đến nay, nhà trường đã tuyển dụng được thêm 14 giảng viên [H5.05.03.02], [H5.05.03.01].

Quy trình bổ nhiệm trưởng phó các bộ môn của Nhà trường được thực hiện minh bạch trên cơ sở thực hiện đúng “Quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức Phó trưởng phòng, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn” để đáp ứng nhu cầu thực tế. Quy trình này được thực hiện sơ bộ thông qua 4 bước: Bước 1: Xác định nhu cầu, chủ trương và giới thiệu nhân sự bổ nhiệm; Bước 2: Tổ chức Hội nghị toàn thể CBVC trong đơn vị lấy thư giới thiệu; Bước 3: Tổ chức Hội nghị liên tịch giữa Ban lãnh đạo và Chi ủy của đơn vị có sự tham gia của cán bộ làm công tác tổ chức của Nhà trường; Bước 4: Tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy phiếu tín nhiệm; Bước 5: Tổ chức hội nghị ban Chi ủy chi bộ: đánh giá, lựa chọn và thông qua nhân sự; Bước 6: Nhà trường ra quyết định bổ nhiệm cuối cùng [H5.05.03.01].

Hàng năm nhà trường đều tổng kết công tác trong năm học [H5.05.03.04]. Việc xét nâng lương định kỳ cho cán bộ giảng viên đều dựa theo thời gian công tác, mức độ hoàn thành công việc và thành tích trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Với những cán bộ giảng viên lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được nâng lương trước thời hạn. [H5.05.03.03]; [H5.05.03.05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng được tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên với tiêu chí cụ thể, minh bạch, công khai, được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế. Việc nâng bậc lương, bổ nhiệm chức vụ cho cán bộ, giảng viên được thực hiện công bằng, dân chủ.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2013-2014, Nhà trường cần tiến hành lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên. Hoạt động này nên được tiến hành hàng năm phối hợp với các cuộc điều tra về hoạt động đào tạo của nhà trường bằng cách bổ sung tiêu chí này vào bảng câu hỏi.

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Việc sắp xếp bố trí nhân lực vào các vị trí phải phù hợp với năng lực quản lý, trình độ chuyên môn và công việc đảm nhận.

Từ khóa: bố trí nhân lực, phù hợp, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, công việc đảm nhận.

1. Mô tả:

Năm 2003, Nhà trường ban hành “Quy định về tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của trường ĐH KTCN”. Trong quá trình thực hiện, tính đến nay quy định này đã được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và kế hoạch phát triển của nhà trường quy trình tuyển chọn tạo nguồn giảng viên. Trong đó nêu rõ tiêu chuẩn tuyển chọn bao gồm: Học lực, tư cách đạo đức, đối tượng ưu tiên và một số chỉ tiêu khác; quy trình tuyển chọn tạo nguồn giảng viên bao gồm các bước và các nhiệm vụ cụ thể của các ứng viên, của Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Tương tự, Quy định tuyển chọn cán bộ hợp

đồng lao động hành chính, phục vụ giảng dạy cũng nêu rõ: điều kiện dự tuyển, đối tượng ưu tiên; quy trình tuyển chọn [H5.05.04.01], [H5.05.04.03].

Quy trình bổ nhiệm cán bộ được thực hiện minh bạch trên cơ sở thực hiện đúng “Quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức Phó trưởng phòng, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn” . Để đáp ứng nhu cầu thực tế, Nhà trường đã tiến hành sửa đổi bổ sung cho phù hợp, trong đó nêu rõ các điều kiện, tiêu chuẩn, các nguyên tắc để bổ nhiệm [H5.05.04.01].

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và đội ngũ cán bộ quản lý của chương trình TĐH được tuyển dụng, bổ nhiệm căn cứ vào tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, theo quy trình công khai, dân chủ đảm bảo có khả năng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao [H5.05.04.02, H5.05.05.03].

Việc bố trí sắp xếp công việc đối với lực lượng cán bộ, viên chức tại các đơn vị chức năng và các khoa chuyên môn hoàn toàn phù hợp với trình độ, năng lực, chuyên môn tạo điều kiện cho lực lượng cán bộ, viên chức phát huy năng lực cá nhân và hoàn thành nhiệm vụ được Nhà trường giao phó. Hàng năm, căn cứ theo nhiệm vụ được giao Nhà trường tiến hành hoạt động khen thưởng đối với lực lượng cán bộ viên chức của các đơn vị, đồng thời đề xuất danh sách khen thưởng cao nhằm tạo động lực cho đội ngũ cán bộ tiếp tục phấn đấu trong hoạt động chuyên môn [H5.05.05.01].

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tiến hành thường xuyên hoạt động lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức đối với việc bố trí sắp xếp nhân lực tại các đơn vị trong toàn trường.

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường tạo môi trường cho đội ngũ CBVC phát huy phẩm chất cá nhân, năng lực quản lý và trình độ chuyên môn.

3. Những tồn tại:

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực trong toàn trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2013-2014, Nhà trường sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực tại các đơn vị trong toàn trường.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Có quy trình đánh giá cán bộ phù hợp trên tinh thần hướng đến sự cải thiện về mọi mặt của cán bộ, giảng viên:

Từ khóa: quy trình đánh giá, cải thiện mọi mặt

1. Mô tả:

Nhà trường thành lập Hội đồng Thi đua Khen thưởng giúp cho công tác thi đua, khen thưởng luôn đảm bảo tính dân chủ, minh bạch và công khai. Hàng năm cán bộ, giảng viên, nhân viên thực hiện đăng kí danh hiệu thi đua trong năm học để làm căn cứ xét thi đua. Cuối năm học, căn cứ vào bộ tiêu chí đánh giá thi đua các cán bộ, giảng viên, nhân viên tự chấm điểm và đề nghị xét công nhận danh hiệu thi đua. Hội đồng thi đua khen thưởng căn cứ vào bản tự chấm điểm tiến hành xét công nhận danh hiệu thi đua cho từng cá nhân, đơn vị. Kết quả bình xét thi đua được gửi tới các đơn vị, cá nhân và đăng tải công khai tải trên Website Nhà trường [H5.05.05.01].

Năm 2011, Nhà trường ban hành tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ cán bộ, viên chức theo thang điểm A – B – C – D. Thông qua bộ tiêu chuẩn đánh giá giúp lãnh đạo Nhà trường quản lý được hiệu quả công việc, lãnh đạo các đơn vị đánh giá được mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân và từng cán bộ viên chức, biết được mức độ đáp ứng đối với yêu cầu và từ đó có biện pháp nâng cao chất lượng công việc cũng như nhiệm vụ được giao phó [H5.05.05.01].

Năm 2012, Nhà trường ban hành quy định trong hoạt động dự giờ đối với đội ngũ giảng viên, đánh giá đồng nghiệp trong quá trình đào tạo của đơn vị. Qua đó, giảng viên biết được điểm mạnh, điểm tồn tại trong quá trình giảng dạy, đồng thời là kênh thông tin giúp cho lãnh đạo khoa chuyên môn điều chỉnh hoạt động giảng dạy của đội ngũ cán bộ trong đơn vị và có những biện pháp nhằm cải thiện chất lượng trong quá trình giáo dục và đào tạo [H5.05.05.02].

Hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, qua đó lãnh đạo Nhà trường nắm được thực trạng hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên để có chính sách phù hợp nhằm khuyến khích giảng viên nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo [H5.05.05.01].

Từ năm học 2011 – 2012, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến người học và cán bộ giảng viên về chất lượng phục vụ tại các đơn vị chức năng. Đây là kênh thông tin hữu ích giúp Nhà trường điều chỉnh hoạt động phục vụ, làm tăng mức độ hài lòng của đội ngũ cán bộ, người học về hoạt động phục vụ, đây là minh chứng cho thấy tính dân chủ trong nhà trường đồng thời phục vụ cho hoạt động tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá trường đại học [H5.05.05.09].

Tháng 5 năm 2013 Nhà trường ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường nhằm đảm bảo quyền giám sát, kiểm tra, đóng góp ý kiến tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục của đất nước và nhiệm vụ đào tạo của trường. [H5.05.05.03].

Tiến hành Hội nghị viên chức các cấp hàng năm để đảm bảo dân chủ, công khai trong các mặt hoạt động của đơn vị, tạo điều kiện cho CBVC tham gia đóng góp xây dựng đơn vị, xây dựng nhà trường [H5.05.05.04].

2. Những điểm mạnh:

Hàng năm đều tổ chức đánh giá đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên dựa trên các tiêu chí đã xây dựng một cách công bằng, minh bạch và khách quan.

3. Những tồn tại:

Hệ thống quy trình đánh giá cán bộ thiếu tính gắn kết (thống nhất) giữa các tiêu chí thi đua với các tiêu chí đánh giá khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2013 – 2014, Nhà trường ban hành hệ thống quy định thống nhất tiêu chí đánh giá trong toàn trường.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Kết luận

Đội ngũ giảng viên, nhân viên và cán bộ thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng tốt yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến. Đội ngũ thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo. Tiêu chí tuyển dụng đội ngũ cụ thể, công khai đảm bảo tính công bằng và dân chủ, tạo môi trường cho đội ngũ cán bộ giảng viên phát huy phẩm chất cá nhân, trình độ chuyên môn và năng lực quản lý.

TIÊU CHUẨN 6 NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Nhà trường có nhiều chính sách thu hút người học và chiến lược quảng bá về chương trình đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học tham gia vào quá trình đào tạo. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập thông qua buổi sinh hoạt đầu khóa, niên giám, website... Hoạt động hỗ trợ và dịch vụ tư vấn, chế độ chính sách xã hội luôn được Nhà trường quan tâm và đảm bảo đúng theo quy định tạo môi trường học tập, sinh hoạt an toàn và lành mạnh, tạo cho người học môi trường giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách.

Tiêu chí 6.1. Có chính sách hợp lý thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo – Chuyên ngành tự động hoá

Từ khóa: chính sách, thu hút, tham gia

1. Mô tả

Người học là trung tâm của chương trình đào tạo, để tạo điều kiện cho người học hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá Nhà trường và Khoa điện đã biên tập các văn bản có liên quan đến HSSV trong tài liệu: “ Các văn bản pháp quy liên quan đến HSSV”[H6.06.01.02], “ Sổ tay Sinh viên” [H6.06.01.03] và niên giám để phổ biến và cấp cho HSSV mỗi người một bộ để sử dụng trong suốt khoá học. Đến thời điểm hiện nay, HSSV thông qua Website của Trường và Khoa là có thể tìm hiểu và tham khảo về các quy định của nhà trường các chương trình đào tạo và hình thức đào tạo.

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin kịp thời của chương trình đào tạo, các yêu cầu về học tập như thi, kiểm tra. Trong tổng kết công tác HSSV hàng năm đều có đánh giá tổng kết các hoạt động thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cho người học và các giải pháp cải tiến hoạt động [H6.06.01.02]. Để quảng bá cho sinh viên biết thêm về ngành và chuyên ngành đào tạo Nhà trường kết hợp với Khoa đã tổ chức hội thảo, đưa thông tin lên websites, quảng cáo trên kênh truyền hình của địa phương và đi dự triển lãm các trường Đại học.

Để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội việc làm sau khi ra trường, trong quá trình thực tế môn học và thực tập tốt nghiệp Nhà trường và Khoa Điện đã kết nối với các doanh nghiệp, sinh viên có thể gặp gỡ trao đổi và hiểu thêm nhu cầu tuyển dụng của xã hội. Chương trình đào tạo của các chuyên ngành cũng được rà soát hàng năm để phù hợp với mục tiêu đào tạo với nhu cầu xã hội, ngoài ra Khoa còn lấy ý kiến các nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo [H6.06.01.08].

Các chương trình đào tạo, chuyên ngành đào tạo, cơ cấu tổ chức và các hoạt động của Khoa Điện được cập nhật thường xuyên và phổ biến chi tiết cho HSSV trong chương trình "Tuần sinh hoạt công dân-HSSV" đầu mỗi khoá học, đầu năm học, trong sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn thể đã giúp cho người học nắm rõ được về Khoa Điện [H6.06.02.03], [H6. 06.02.04].

2. Những điểm mạnh

Khoa đã có nhiều chính sách thu hút người học tham gia, có những chiến lược quảng bá về ngành, chuyên ngành đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

3. Những tồn tại

Khoa Điện chưa thường xuyên lấy ý kiến của người học về chương trình đào tạo, chưa có các tài liệu để hướng dẫn người học về các chính sách thu hút người học vào quá trình đào tạo. Ngoài ra Khoa chưa có những chính sách khen thưởng đột xuất cho những sinh viên xuất sắc để tạo động lực thu hút thêm người học tham gia vào quá trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới Khoa nên lấy ý kiến thường xuyên phản hồi từ người học, có văn bản hướng dẫn cụ thể về những chính sách khen thưởng cho sinh viên, tạo động lực cho người học tham gia vào chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 6.2. Người học được cung cấp đầy đủ các thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập.

Từ khóa: cung cấp, đầy đủ, nội dung, chuẩn đầu ra, kiểm tra đánh giá

1. Mô tả

Hàng năm khoa Điện đã triển khai các biện pháp thực hiện đầy đủ và đúng hạn việc phổ biến, cung cấp thông tin cho người học về chương trình đào tạo,

chuẩn đầu ra và quy định khung chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch công tác hàng năm của nhà trường, kế hoạch của khoa và từng bộ môn thông qua “Tuần sinh hoạt công dân”, các giờ sinh hoạt lớp, thông qua sổ tay sinh viên, vai trò của các Cố vấn học tập và hệ thống website của nhà trường [H6.06.01.03], [H6.06.02.01], [H6.06.02.04].

Các chương trình đào tạo của khoa Điện cung cấp cho người học thuộc ngành Tự động hoá đều có mục tiêu phổ biến về quy chế đào tạo, nội dung chương trình đào tạo cũng như ý nghĩa tầm quan trọng của những nội dung thuộc chuyên ngành Tự động hoá. Qua đó đã định hướng cho người học trong quá trình tự xây dựng cho mình một khối lượng học tập phù hợp [H6.06.01.03], [H6.06.02.01], [H6.06.02.03].

Tất cả các nội dung thông tin trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thuộc chuyên ngành tự động hoá đều hướng tới việc cung cấp, phổ biến cho người học đều đảm bảo đầy đủ các tiêu chí về chất lượng đào tạo, cụ thể như khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức chuyên ngành Tự động hoá với một cấu trúc hợp lý, thiết kế một cách có hệ thống trong từng môn học đảm bảo tính logic phù hợp với chuyên ngành.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả người học thuộc chuyên ngành Tự động hoá được khoa Điện thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua việc biên soạn đề cương, bài giảng của giảng viên và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên thuộc chuyên ngành tự động hoá về nội dung, hình thức và cách thức truyền đạt của giảng viên [H6.06.05.13].

Khi còn đào tạo theo hình thức niên chế việc đánh giá kết quả người học được thực hiện theo quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT (đối với hình thức đào tạo chính quy), quy chế 36/QĐ-BGD&ĐT (đối với hình thức đào tạo không chính quy). Hiện nay khi khoa Điện đã chuyển sang hình thức đào tạo tín chỉ việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT; Quy định Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy

theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-ĐHTN, ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

2. Những điểm mạnh

Phương pháp phổ biến thông tin cho người học đối với chuyên ngành Tự động hoá được quy định chặt chẽ, đảm bảo cho người học luôn kịp thời cập nhật thông tin mới nhất về nội dung chương trình đào tạo.

Việc kiểm tra đánh giá, kiểm soát việc xử lý thông tin được quy định rõ ràng đảm bảo thông tin cung cấp cho người học mang tính thường xuyên, chính xác, kịp thời. Đồng thời tiếp nhận và xử lý những thông tin phản hồi từ người học đảm bảo tính liên tục.

3. Những tồn tại

Kênh thông tin từ cố vấn học tập đến người học nhiều khi còn bị hạn chế do cố vấn học tập còn vừa thực hiện nhiệm vụ giảng dạy vừa giữ vai trò Cố vấn học tập nên thời gian dành cho việc truyền đạt thông tin tới người học và xử lý thông tin phản hồi chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2013-2014 khoa Điện tổ chức các buổi tư vấn về chương trình đào tạo cho người học về mục đích, nội dung, ý nghĩa thực tiễn của chương trình đào tạo ngành Tự động hoá. Xây dựng kênh phổ biến thông tin tới người học một cách hệ thống, xây dựng chương trình hoạt động cụ thể cho đội ngũ Cố vấn học tập thuộc chuyên ngành Tự động hoá giúp sinh viên tiếp nhận thông tin và nắm bắt thông tin kịp thời về nội dung chương trình đào tạo thuộc chuyên ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4

Tiêu chí 6.3. Người học được cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập.

Từ khóa: cung cấp đầy đủ, dịch vụ tư vấn hỗ trợ

1. Mô tả

SV chương trình Tự động hoá được cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập như: SV được phổ biến về mục tiêu đào tạo, các quy chế, quy định về công tác đào tạo; Chương trình đào tạo; Các nội dung, yêu cầu trong đào tạo theo học chế tín chỉ và học tập đáp ứng nhu cầu của xã hội thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa học, đầu năm học[H6.06.02.01]. Ngoài ra mỗi sinh viên còn được cung cấp cuốn sổ tay sinh viên[H6.06.01.03]...Đây là những tài liệu vô cùng quan trọng và hữu ích, cung cấp thông tin chi tiết về chương trình học và yêu cầu kiểm tra đánh giá môn học [H6.06.03.02].

Trong đào tạo theo học chế tín chỉ, cố vấn học tập là người có ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược học tập của sinh viên. Kể từ năm học 2005-2006 cho đến nay, nhà trường đã ra quyết định phân công đội ngũ GVCN - CVHT có nhiệm vụ tư vấn, trợ giúp sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học, để giúp các em ra quyết định chọn chương trình, môn học phù hợp với nhu cầu, khả năng, sở thích, kế hoạch cá nhân ở hiện tại và tương lai. Hệ thống này có vai trò hết sức quan trọng, ảnh hưởng đến sự thành công trong học tập và lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên. Sinh viên còn được cung cấp số điện thoại di động và địa chỉ email để có thể liên lạc với GVCN-CVHT của mình khi có vấn đề liên quan đến việc học tập cần giải đáp.

Để hỗ trợ trong quá trình học tập sinh viên chương trình Tự động hoá còn được mượn tài liệu tại thư viện trường, tại Trung tâm học liệu của ĐHTN, được học thêm tại giảng đường vào giờ tự học, được sự hỗ trợ của cán bộ giảng dạy hướng dẫn ôn thi tại các phòng học ở khu ký túc của trường theo kế hoạch đã được báo trước thông qua đài phát thanh khu ký túc, được hỗ trợ giải đáp mọi thắc mắc bởi trung tâm Tư vấn sinh viên [H6.06.03.04]. Ngoài ra, SV còn được tham gia các hoạt động từ các Câu lạc bộ nhằm hỗ trợ tích cực cho công tác học tập như: tham gia Câu lạc bộ Tiếng Anh, tham gia đội tuyển robocon. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa, hội Sinh viên còn chủ động và tích cực tìm kiếm các

nguồn học bổng từ phía các tổ chức, cá nhân để tài trợ cho SV chương trình Tự động hóa gặp hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập như: học bổng của các công ty bảo hiểm, công ty Samsung, canon.....

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của CVĐT, về công tác hướng dẫn ôn thi tại các phòng tự học khu ký túc xá.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, tạo môi trường cho người học yên tâm và có được niềm say mê trong học tập, NCKH và sáng tạo.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của CVĐT. Công tác hỗ trợ sinh viên hướng dẫn ôn thi tại các phòng học khu ký túc đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2013 - 2014, Nhà trường sẽ tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của CVĐT. Nâng cao công tác hỗ trợ sinh viên tại các phòng làm việc theo kế hoạch, hướng dẫn ôn thi tại các phòng học khu ký túc xá.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 6.4: Người học được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách xã hội

Từ khóa: đảm bảo đầy đủ, chế độ chính sách xã hội

1. Mô tả

Đầu năm học, SV chương trình đào tạo của ngành Tự động hóa được nhà trường được phổ biến đầy đủ và kịp thời các văn bản về các chế độ chính sách như: học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, trợ cấp xã hội; miễn, giảm học phí; vay vốn tín dụng thông qua “Tuần sinh hoạt công dân” đồng thời

được hướng dẫn cách làm thủ tục, hồ sơ để được hưởng các chế độ chính sách xã hội theo quy định hiện hành. Thông qua đó SV chương trình Tự động hóa của trường hiểu rõ được quyền lợi và các chính sách xã hội hỗ trợ sinh viên của nhà nước trong quá trình đào tạo [H6.06.04.02].

Hàng kỳ, quỹ học bổng khuyến khích học tập của trường được trích (5-6)% từ quỹ học phí chính quy của kỳ đó để xét cấp cho các SV có kết quả học tập tốt và rèn luyện tốt. Trong đó quỹ học bổng được trích cho khoa Điện chiếm tỷ lệ theo số lượng sinh viên của khoa (khoảng 25% quỹ). Số sinh viên chương trình Tự động hóa đạt học bổng khuyến khích học tập hàng kỳ chiếm tỉ lệ cao trong tổng số sinh viên đạt học bổng khuyến khích học tập. Nhà trường có hình thức khen thưởng động viên SV chương trình Tự động hóa đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện [H6.06.04.11]. Ngoài ra nhà trường còn xét trợ cấp xã hội và miễn giảm học phí cho các SV chương trình Tự động hóa thuộc các đối tượng chính sách theo đúng quy định của nhà nước. Danh sách SV chương trình Tự động hóa hưởng chế độ chính sách xã hội được lưu giữ tại phòng CT-HSSV, được đăng tải trên website của trường và được gửi về các lớp, các khoa, phòng có liên quan [H6.06.04.03].

Trạm y tế của trường được gồm cơ sở chính và ký túc xá, có 1 bác sĩ và 3 y tá thường trực chăm sóc sức khỏe cho người học. 100% sinh viên chương trình Tự động hóa được khám sức khỏe đầu khóa học và được khám sức khỏe trước khi ra trường theo quy định hiện hành. Ngoài ra, định kỳ hàng năm trạm y tế còn phối hợp với các bệnh viện, trung tâm y tế có uy tín tổ chức khám sức khỏe định kỳ và lập hồ sơ y bạ cho tất cả SV chương trình Tự động hóa của trường nhằm mục đích kiểm tra sức khỏe định kỳ và phát hiện kịp thời các vấn đề sức khỏe để có các phương án điều trị kịp thời. Kết thúc mỗi đợt khám sức khỏe đều có báo cáo kết quả khám và phân loại sức khỏe cho người học để làm cơ sở theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho SV [H6.06.04.06].

Trong những năm qua, nhà trường nói chung và khoa Điện nói riêng luôn chú trọng đến đời sống văn hoá tinh thần của SV chương trình Tự động hóa

thông qua việc phát triển các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và bố trí thời gian hợp lý để SV tham gia. Các hoạt động này được tổ chức định kỳ, ít nhất 1 lần/năm và đã thu hút đông đảo SV tham gia, tạo được không khí vui tươi lành mạnh trong nhà trường. Ngoài ra, SV chương trình Tự động hóa còn được tham gia các hoạt động trong các câu lạc bộ của trường và của Khoa, tham gia các hoạt động ngoại khoá và các hoạt động tình nguyện [H6.06.05.07], [H6.06.05.11], [H6.06.05.01].

Với quy mô sinh viên chương trình Tự động hóa lớn, số lượng SV đông dẫn đến nhu cầu lưu trú của sinh viên tăng. Để đáp ứng nhu cầu lưu trú của sinh viên, năm học 2009-2010, nhà trường đã đưa 6 nhà ký túc xá 5 tầng vào sử dụng với 273 phòng khép kín tương ứng với gần 2800 chỗ ở để đáp ứng nhu cầu ăn ở, sinh hoạt và học tập cho sinh viên. Nhà trường bố trí 2 nhà K3, K4 cho sinh viên của khoa Điện, trong đó sinh viên chương trình Tự động hóa. Mỗi nhà còn dành 5 phòng cho sinh hoạt chung, phòng y tế, phòng trực. Các trang thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ trong KTX đáp ứng được nhu cầu của sinh viên như: phòng khép kín, dịch vụ truy cập Internet, hỗ trợ định mức tiền điện, tiền nước sinh hoạt...

Nhà trường có nhà ăn 2 tầng phục vụ nhu cầu ăn uống cho SV trong KTX. Có đủ cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt văn hoá văn nghệ và thể dục thể thao như hội trường lớn, sân khấu ngoài trời và sân vận động trong khuôn viên trường.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường, khoa đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách xã hội với sinh viên. Sinh viên được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, được chăm sóc sức khỏe thường xuyên và được đảm bảo an toàn trong học tập và sinh hoạt.

3. Những tồn tại

Chưa tổ chức khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên về hoạt động trên. Ký túc xá của trường chưa đáp ứng được hết nhu cầu ở nội trú của sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2013-2014, Nhà trường sẽ có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của hoạt động trên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4

Tiêu chí 6.5: Người học được cung cấp môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh

Từ khóa: cung cấp môi trường học tập, sinh hoạt, an toàn

1. Mô tả:

Khoa Điện tạo điều kiện cho sinh viên chuyên ngành Tự động hóa tham gia vào các câu lạc bộ hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao do khoa tổ chức thường xuyên và miễn phí. Bên cạnh đó, khoa đã phối hợp cùng nhà trường, đoàn thanh niên, hội sinh viên có những hoạt động hỗ tích cực trong công tác học tập, văn hóa văn nghệ như: Tham gia vào câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ Võ thuật, Câu lạc bộ TNTN vận động hiến máu, Câu lạc bộ Gala sinh viên... [H6.06.05.01], [H6.06.05.03].

Hàng năm, Ban chủ nhiệm khoa Điện luôn phối hợp với BCH đoàn trường, BCH Liên chi đoàn khoa Điện tổ chức các giải bóng đá truyền thống của khoa và các chương trình liên hoan tiếng hát sinh viên khoa Điện để hướng tới chào mừng ngày thành lập khoa 30-10. Bên cạnh đó còn phối hợp với BCH đoàn trường tổ chức hội thao, giao lưu văn nghệ vào những dịp như 26/3, 20/11, ngày Openday... và các buổi tổng kết để báo cáo về các hoạt động văn nghệ thuật, thể thực thể thao đã được thực hiện trong quá trình học của toàn trường nói chung và của khoa Điện nói riêng để sinh viên chuyên ngành Tự động hóa thấy được sự quan tâm của khoa dành cho sinh viên. Bên cạnh các hoạt động bề nổi Ban chủ nhiệm khoa Điện còn đôn đốc Liên chi đoàn khoa Điện lên kế hoạch tổ chức các buổi thảo luận học tập các học phần trong từng kỳ học cho

các sinh viên ký túc xá nói riêng và sinh viên trong khoa Điện nói chung vào các buổi tối tại phòng học ở ký túc xá, thành lập đội tự quản sinh viên khoa Điện để cùng phối hợp với Ban chủ nhiệm khoa Điện đôn đốc giờ giấc sinh hoạt của sinh viên ký túc xá, bên cạnh đó giúp Ban chủ nhiệm khoa có thêm một kênh thông tin để nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của sinh viên. [H6.06.05.06], [H6.06.05.11].

Ngoài ra Ban chủ nhiệm khoa còn phối hợp với phòng CTHSSV để xét duyệt một cách công bằng và công khai cho những sinh viên xuất sắc và sinh viên nghèo vượt khó với nhiều hình thức khen thưởng khác nhau, sinh viên được nhận học bổng của các cá nhân và tập thể tài trợ. Bên cạnh những hoạt động trên, khoa cùng với đoàn, hội sinh viên tổ chức định kỳ cho sinh viên sinh hoạt ngoại khóa như thăm quan một số nhà máy, đi tổng kết hè tại Sầm Sơn, Cửa Lò.

Tuy nhiên, khoa chưa có định kỳ tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt để cải tiến đáp ứng nhu cầu và cũng chưa có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao tại khuôn viên trường nên việc tổ chức các hoạt động này còn gặp nhiều khó khăn.

2. Điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy:

Khoa Điện đã có nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được khoa quan tâm và tạo điều kiện cho người học yên tâm và niềm say mê trong học tập.

3. Những tồn tại

Khoa chưa tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động văn hóa nghệ thuật, chưa có đủ điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng (*những vấn đề cần cải tiến, những biện pháp cần thực hiện*):

Trong những năm tiếp theo, khoa Điện sẽ tiến hành tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về môi trường học tập chuyên ngành Tự động hóa nhiều hơn

nữa. Ngoài ra, khoa Điện sẽ phối hợp cùng nhà trường đầu tư cải thiện khuôn viên nhà trường, tạo ra các khu vui chơi, sinh hoạt tốt trong khuôn viên mới của nhà trường.

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 6.6: Các chương trình hỗ trợ người học có hiệu quả trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách

Từ khóa: chương trình hỗ trợ, hiệu quả, giáo dục tư tưởng, hình thành nhân cách.

1. Mô tả

Trong những năm qua, trường đại học Kỹ Thuật Công Nghiệp Thái Nguyên nói chung và khoa Điện nói riêng luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và hình thành nhân cách cho SV, đặc biệt là đối với SV thuộc chương trình Tự động hóa. Nhà trường đã có những quy định về chức trách và nhân sự, về trách nhiệm tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách cho SV, các quy định cho người học về nghĩa vụ tham gia các hoạt động này, do đó đã có rất nhiều các hoạt động được tổ chức và mang lại hiệu quả [H6.06.02.04], [H6.06.06.03].

Nhà trường đã có những tài liệu tuyên truyền hướng dẫn SV về các hành vi đạo đức và các giá trị mong đợi như trong các cuốn sổ tay HSSV [H6.06.03.02], niên giám trường học... Các tài liệu này SV được phát miễn phí vào đầu khóa học. Nhà trường còn có kế hoạch và triển khai sinh hoạt lớp vào đầu mỗi năm học do vậy SV được phổ biến kịp thời các hoạt động cũng như trao đổi các vướng mắc với cố vấn học tập.

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức rất nhiều các hoạt động tích cực như: “*Tuần sinh hoạt công dân*” để giới thiệu về nhà trường, sứ mệnh của nhà trường cũng như phối hợp với các cơ quan chức năng trong tỉnh để phổ biến pháp luật, về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội vào đầu năm học, Triển khai tích cực, hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động tới SV của chương trình đào

tạo như: cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Khoa còn động viên được đông đảo SV tham gia những hoạt động chung của Đoàn trường như: đi thực tế, đi tình nguyện, tham dự hội thi tìm hiểu về phòng chống ma túy, tham gia hội trại phòng chống ma túy, lễ ra quân phòng chống ma túy, tham gia hội thi thanh niên với công tác phòng chống tệ nạn xã hội do Đoàn Khối Dân chính Đảng tổ chức... Cùng với các hoạt động mang tính chất định kỳ như trên, vào dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn như: ngày thành lập Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (26/3), ngày sinh nhật Bác (19/5), chào mừng ngày giải phóng miền Nam (30/4) và ngày Quốc tế lao động (1/5)... tùy điều kiện cụ thể mà Khoa cùng với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các hoạt động theo chương trình kế hoạch của nhà trường như các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao...nhằm mục đích rèn luyện tư tưởng và hình thành nhân cách cho SV. Ngoài ra, Khoa đã tổ chức thành công hội diễn văn nghệ SV, giải bóng đá cho SV [H6.06.05.07], [H6.06.05.11], [H6.06.06.03].

Qua những hoạt động trên SV của Khoa cũng như SV thuộc chương trình Tự động hóa được bồi dưỡng về nhận thức, về tình cảm, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, lối sống lành mạnh, có tinh thần, trách nhiệm với tương lai, gia đình và xã hội. Theo báo cáo tổng kết qua các năm đã cho thấy kết quả rèn luyện của SV trong Khoa xếp loại khá trở lên chiếm tỷ lệ cao (hơn 80%) và nhiều SV được Nhà trường, Khoa khen thưởng vì đã có thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc, Đại bộ phận SV đã có ý thức hơn trong sinh hoạt, học tập và hoạt động cộng đồng, trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, thực hiện tốt các quy định của Nhà trường và chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tỷ lệ SV vi phạm pháp luật rất ít. Cùng với đó khoa Điện còn là một Khoa luôn đi đầu trong các hoạt động Đoàn, Hội, trong các cuộc thi văn nghệ cấp Đoàn trường. Hàng năm, Trung ương Đoàn, Trung ương Hội đã khen thưởng cho các cá nhân, tập thể trong trường có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên, công tác Hội và phong trào SV [H6.06.06.03].

Mặc dù vậy, tình trạng thiếu ý thức kỷ luật vẫn tồn tại ở một số SV, biểu hiện như nghỉ học nhiều, đến lớp không đúng giờ, mất trật tự trong lớp, vi phạm quy chế thi và kiểm tra. Thêm vào đó ngoài những hoạt động chung của Nhà trường thì số lượng các hoạt động mà Khoa tổ chức còn ít, chưa có hoạt động mang tính chất đặc thù dành riêng cho chương trình Tự động hóa. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường, Khoa đã quan tâm đúng mức các hoạt động trên nên việc tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của SV có chuyển biến rõ rệt. Tình hình trật tự, an ninh trong Khoa cũng như của toàn Trường nói chung tốt.

3. Những tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa có giải pháp hiệu quả, thu hút, lôi cuốn được SV tham gia. Bên cạnh đó còn chưa tổ chức được các hoạt động mang tính đặc thù dành riêng cho SV chương trình Tự động hóa. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2013 – 2014 khoa Điện sẽ có các biện pháp để tạo sự hứng thú và lôi cuốn SV tham gia, xây dựng được những hoạt động riêng, mang tính đặc thù bên cạnh những hoạt động chung của nhà trường trong công tác rèn luyện tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách cho SV chương trình Tự động hóa. Nhà trường tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này mỗi năm 1 lần.

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 4

Kết luận

Nhà trường đã thực hiện nhiều chính sách và xây dựng chiến lược thu hút người học tham gia chương trình đào tạo, tạo điều kiện tốt cho người học trong

quá trình học tập. Đa dạng hình thức và biện pháp hỗ trợ học tập và sinh hoạt cho người học tạo môi trường cho người học yên tâm say mê học tập. Chế độ chính sách thực hiện đầy đủ, kịp thời đảm bảo cho người học, bên cạnh đó các hoạt động văn hóa, thể dục – thể thao thường xuyên tổ chức tạo môi trường tốt trong học tập và sinh hoạt, tạo động lực trong tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống.

TIÊU CHUẨN 7

TRANG THIẾT BỊ, CƠ SỞ VẬT CHẤT

Mở đầu

Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo với hệ thống cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn và đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Hệ thống thư viện được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tập và tra cứu. Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên, giảng dạy và nghiên cứu của cán bộ giảng viên, tạo điều kiện khai thác và sử dụng hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất của chương trình đào tạo.

Tiêu chí 7.1: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo ngành Tự động hóa

Từ khóa: đầy đủ, trang thiết bị, thực hiện, chương trình đào tạo

1. Mô tả:

Đến tháng 09 năm 2014 tổng số phòng học của toàn trường là 68, trong đó có 5 phòng học có sức chứa 200 người, 7 phòng học có sức chứa 150 người, 11 phòng học có sức chứa 120 người, 12 phòng học có sức chứa đến 70 người, 29 phòng học có sức chứa 60 người, 4 phòng có sức chứa 50 người. Các phòng học được sử dụng 03 ca/ ngày, tỷ lệ sinh viên/diện tích phòng học ($m^2/01$ sinh viên) là 1.11, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập[H7.07.03.01].

Tổng số 68 phòng học tại các tòa nhà A8, A9, A10, A16 và nhà Thí nghiệm đều được thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85).

Tất cả các phòng học Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị dụng cụ giảng dạy hiện đại phục vụ cho công tác đào tạo như phong, máy chiếu, âm ly, loa đài, bảng từ chống lóa, bàn ghế, đủ tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu sử dụng [H7.07.03.01].

Để phục vụ tốt cho công tác đào tạo luôn gắn liền với thực tiễn của ngành Tự động hóa nhà trường có trang bị các phòng thí nghiệm Điện - Điện tử được đặt tại nhà Thí nghiệm với đầy đủ thiết bị thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm theo phương châm học đi đôi với hành [H7.07.03.04] , Trung tâm thực nghiệm với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt công tác thí nghiệm, thực hành của sinh viên. Các phòng thực hành, thí nghiệm đều có nhật ký ghi chép tần suất, theo dõi chặt chẽ quá trình hoạt động của trang thiết bị để đảm bảo cho công tác dạy và học [H7.07.01.03].

Tuy nhiên một số thiết bị cũng đang trong tình trạng hỏng hóc và vẫn chưa được đầu tư sửa chữa kịp thời [H7.07.01.03].

Để phục vụ quá trình dạy và học ngoại ngữ, nhà trường trang bị 02 phòng lab với máy tính để bàn cho giáo viên, sinh viên và các thiết bị phòng học Multimedia hiện đại đáp ứng tốt việc giảng dạy/học ngoại ngữ [H7.07.03.01], [H7.07.03.04]. Nhà trường đã khai thác hiệu quả công tác dạy/ học, như tổ chức các lớp học để nâng cao trình độ sử dụng ngoại ngữ cho cán bộ, giáo viên và sinh viên trong toàn trường.

Khu ký túc xá kang trang hiện đại với 420 phòng đã đáp ứng rất lớn nhu cầu về nhà ở cho sinh viên [H7.07.03.01].

2. Những điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy:

Hệ thống giảng đường của Nhà trường thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85), đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

Các phòng học được trang bị dụng cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại đạt tiêu chuẩn.

Sinh viên ngành Tự động hóa có điều kiện thí nghiệm, thực hành tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo: học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn sản xuất.

3. Những tồn tại:

Công tác Sửa chữa, thay thế thiết bị cũ hỏng vẫn còn chậm

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường khai thác triệt để, sắp xếp thời gian biểu một cách khoa học cho việc sử dụng giảng đường.

Tiếp tục đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ công tác dạy và học, cải thiện việc sửa chữa thay thế thiết bị cũ, hỏng

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 7.2: Có thư viện với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên và cán bộ.

1. Mô tả

Thư viện của Nhà trường được trang bị đầy đủ giáo trình cho tất cả các môn học, trong đó nhiều môn học có cả tài liệu in và tài liệu điện tử.

Tính đến tháng 12 năm 2013, Sách được quản lý bằng phần mềm của Thư viện gồm: 27.192 cuốn sách; luận văn, luận án: 5743; sách tập: 394; Ấn phẩm định kỳ:185; Sách bộ: 126; CD-ROM:01 [H7.07.02.03]. Tỷ lệ số lượng sách trên giảng viên, người học là 107.331 cuốn/6865 độc giả [H7.07.02.05], [H7.07.03.02].

Thống kê hàng năm về lượng sách được sử dụng của thư viện năm 2013 là 65708 cuốn[H7.07.02.09]. Tài liệu của thư viện luôn được cập nhật hàng năm cụ thể: năm 2010: 3240 cuốn; năm 2012 là 1494 cuốn; năm 2013 là 300 cuốn [H7.07.02.10]

Nhà trường đã ứng dụng phần mềm trong quản lý thư viện, bên cạnh đó sinh viên còn được cấp tài khoản sử dụng thư viện điện tử của trung tâm học liệu và nguồn tài nguyên của thư viện điện tử này rất phong phú, trong đó có nhiều tài liệu thuộc lĩnh vực tự động hóa. Để thuận lợi cho việc tra cứu thư viện điện tử, bên cạnh hệ thống mạng không dây, Nhà trường đã trang bị 04 phòng máy tính tại nhà A5, A6 [H7.07.04.06], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03] để phục vụ nhu cầu truy cập thông tin của người học. Ngoài các phần mềm quản lý thư viện các phần mềm phục vụ đào tạo như phần mềm Edusoft cũng được triển khai và đã đem lại hiệu quả trong quản lý cũng như lợi ích cho sinh viên [H7.07.04.04].

Năm học 2013-2014 nhà trường cũng đã triển khai hệ thống Elearning cho toàn thể sinh viên và giảng viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng trong đào tạo theo tín chỉ [H7.07.04.05].

2. Những điểm mạnh

Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ hàng năm khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ của thư viện .

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 7.3 Có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm và phòng làm việc đáp ứng nhu cầu của người học, cán bộ, giảng viên.

Từ khóa: đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm, đáp ứng, ngành đào tạo Tự động hóa

1. Mô tả

Với diện tích xây dựng trường đại học do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt là 50 ha đã đáp ứng đủ diện tích sử dụng đất và xây dựng giảng đường, phòng học theo quy định của bộ tiêu chuẩn TCVN 3981-85 [H7.07.03.01].

Hầu hết các phòng học của Nhà trường hiện có được bố trí ở khu giảng đường A8, A9, A10, A16, Nhà Thí nghiệm được thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85) gồm 68 phòng, trong đó có 5 phòng học có sức chứa 200 người, 7 phòng học có sức chứa 150 người, 11 phòng học có sức chứa 120 người, 12 phòng học có sức chứa 70 người, 29 phòng học có sức chứa 60 người, 4 phòng có sức chứa 50 người [H7.07.03.01] , [H7.07.03.03]. Với số lượng phòng học như trên và theo kế hoạch phân công các lớp học phần với số lượng lớp của một học kỳ, Nhà trường đáp ứng đủ phòng học 2 ca/ngày.

Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt chuyên môn của các giảng viên năm 2013 Ngoài phòng làm việc chung của bộ môn Nhà trường còn bố trí 6 nhà làm việc cho các giảng viên gồm: nhà A1(2.540m²), A2(1.798m²), A3(2.405m²), A4(1.348m²), A5(1.830m²), A6(1.100m²) [H7.07.03.01], [H7.07.03.03]. Trung bình cứ 2 giáo viên có một phòng làm việc, riêng giảng viên có trình độ Giáo sư và Tiến sỹ được bố trí riêng một phòng. Các phòng làm việc cũng được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ chuyên môn [H7.07.01.02], [H7.07.03.11]. Đây là một cố gắng rất lớn của Nhà trường góp phần nâng cao điều kiện làm việc cho các giảng viên.

Nhà trường có trang bị 4 phòng thực hành Tin học có đầy đủ máy vi tính và nhiều các trang thiết bị khác đủ điều kiện phục vụ cho sinh viên học tập và

NCKH, thực hành các môn trong khung chương trình như: Tin học đại cương, tin học ứng dụng, ... đáp ứng yêu cầu của khối ngành kỹ thuật [H7.07.04.06], [H7.07.04.07].

2. Những điểm mạnh

Giảng đường A8, A9, A10, A16, nhà TN và tòa nhà làm việc của Nhà trường được thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85), đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

Giảng viên được nhà trường bố trí 2 người một phòng làm việc đầy đủ trang thiết bị cần thiết (nhà A1 đến A4), kết nối internet qua Wifi.

3. Những tồn tại

Công cụ hỗ trợ cho giảng viên tại phòng làm việc vẫn chưa thực sự đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bổ sung trang thiết bị cho các phòng làm việc của giảng viên.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 7.4: Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sử dụng của người học, cán bộ, giảng viên

Từ khóa: hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ, thông tin, đáp ứng nhu cầu

1. Mô tả

Các ngành học của Nhà trường phần lớn là sử dụng chung các nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin cũng được sử dụng chung.

Nhà trường đã xây dựng mạng Lan kết nối các bộ phận trong trường [H7.07.04.12]. Toàn bộ máy tính của Nhà trường được kết nối Internet tốc độ cao với 10 máy chủ quản lý dữ liệu được cập nhật liên tục đạt trình độ tiên tiến hiện đại và hoạt động liên tục phục vụ cán bộ, giảng viên và SV Nhà trường truy

cập miễn phí 24/24h. Trong khuôn viên Nhà trường được phủ sóng Internet không dây, toàn bộ hệ thống này được quản lý trực tuyến thông qua mạng Internet và có thể kiểm soát được việc truy cập của người sử dụng [H7.07.04.02].

Nhà trường đã xây dựng Website có địa chỉ <http://www.tnut.edu.vn> và được nâng cấp thành cổng thông tin điện tử trong đó các phòng, khoa, trung tâm có website riêng, Khoa Điện có địa chỉ <http://efa.tnut.edu.vn/>. Toàn thể cán bộ, giảng viên và SV được cung cấp miễn phí hòm thư điện tử của Nhà trường [H7.07.04.04].

Năm 2013, hệ thống học trực tuyến (Elearning) của Trường được triển khai tại địa chỉ <http://tnut.edu.vn/moodle/> đã cung cấp một phương tiện học tập có hiệu quả cho SV [H7.07.04.05].

Công tác quản lý được tin học hóa khá tốt. Việc đăng ký môn học, sắp xếp lịch học, phân công giáo viên, quản lý điểm thi được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo Edusoft [H7.07.04.04]. Nhà trường có đội ngũ kỹ thuật viên hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị và thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng sử dụng máy tính và hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý.

Nhà trường hiện có 04 phòng máy tính phục vụ miễn phí 24/24h. Hệ thống máy tính này luôn được đảm bảo hệ số kỹ thuật bởi cán bộ chuyên trách quản lý để hoạt động đạt hiệu quả cao [H7.07.04.06].

Tuy nhiên, còn hạn chế trong vấn đề an ninh mạng.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường ứng dụng những phần mềm, thiết bị mới trong đào tạo và quản lý.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng, Nhà trường đã xây dựng quy định việc sử dụng cho hệ thống mạng và hệ thống phòng máy tính phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

3. Những tồn tại

Công tác đảm bảo an ninh cho mạng máy tính thực hiện chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2013-2014, xây dựng cơ chế và giải pháp đảm bảo an ninh cho hệ thống mạng máy tính.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 7.5. Có các biện pháp sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, cơ sở vật chất của chương trình đào tạo.

Từ khóa: biện pháp, đảm bảo, hiệu quả sử dụng, trang thiết bị, cơ sở vật chất.

1. Mô tả

Các trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường trực tiếp phục vụ giảng dạy như giảng đường, phòng thực hành máy tính, phòng thực hành ngoại ngữ, hệ thống bàn ghế, máy tính, âm ly loa đài... được dùng chung trong toàn Trường. Khi sử dụng các trang thiết bị này được điều phối qua thời khoá biểu hoặc lịch theo đơn xin đề nghị của các đơn vị, do đó tần suất sử dụng đạt mức cao: 3 ca trong ngày cả ngày thứ 7 và chủ nhật [H7.07.04.09].

Phòng Quản trị-Phục vụ chịu trách nhiệm quản lý tổng thể các trang thiết bị của Trường. Đối với các thiết bị giao cho khoa sử dụng, khi hỏng hóc các đơn vị này làm đơn đề nghị lên phòng Quản trị-Phục vụ và Nhà trường xem xét đáp ứng. Từ đó, các kế hoạch thay thế và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động riêng của các đơn vị cũng do các đơn vị chức năng đề nghị, các trang thiết bị phục vụ chung cho toàn trường do phòng Quản trị-Phục vụ đề nghị [H7.07.04.09].

Việc trích khấu hao tài sản được Nhà trường thực hiện theo quy định của Bộ tài chính, đối với việc sửa chữa hoặc hỗ trợ kỹ thuật cho các trang thiết bị thì Nhà trường có quy định riêng [Điều 12 minh chứng H7.07.04.09]

Để đánh giá mức độ đáp ứng của các trang thiết bị đối với người sử dụng, Nhà trường có lấy ý kiến đánh giá khoa học của sinh viên và giảng viên trong đó có tiêu chí về cơ sở vật chất. Tuy nhiên, khảo sát này chưa được tiến hành thường xuyên, định kỳ

Trong quá trình sử dụng, Nhà trường có kiểm kê, đánh giá chất lượng, đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, giảng đường lớn, thực hành, phòng làm việc cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường

2. Điểm mạnh

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị có khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng, có tiếp thu ý kiến phản hồi thường xuyên của cán bộ, giảng viên và sinh viên để sửa chữa trang thiết bị.

3. Tồn tại

Việc hướng dẫn sử dụng trang thiết bị còn tiến hành chưa đầy đủ ở các trang thiết bị và các phòng học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ngay trong năm học 2013-2014, Nhà trường cần bổ sung hướng dẫn sử dụng lên các thiết bị ở giảng đường như máy chiếu, âm ly loa đài...

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận

Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ chương trình đào tạo đảm bảo đáp ứng nhu cầu và yêu cầu, đáp ứng tốt yêu cầu trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập. Hệ thống thư viện đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của sinh viên cũng như cán bộ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo. Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu phục vụ chương trình đào tạo.

TIÊU CHUẨN 8

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY/HỌC TẬP

Mở đầu

Đảm bảo chất lượng được Nhà trường xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình đào tạo, đặc biệt là hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động đào tạo và chương trình đào tạo. Trong năm 2013, Nhà trường cũng đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục, cựu sinh viên... về hiệu quả hoạt động đào tạo để có căn cứ rà soát, điều chỉnh và bổ sung học phần, thay đổi khối kiến thức trong chương trình đào tạo nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trước khi tốt nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và xã hội.

Tiêu chí 8.1. Chương trình đào tạo được trình định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả của hoạt động đào tạo bao gồm sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên.

Từ khóa: chương trình đào tạo, định kỳ, ý kiến phản hồi, hiệu quả, hoạt động đào tạo.

1. Mô tả

Khoa Điện phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về hiệu quả hoạt động đào tạo của chương trình Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa theo chương trình hoạt động chung của Nhà trường về công tác đánh giá, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo. Tuy nhiên, hoạt động này chưa được tiến hành định kỳ mà mới chỉ được tổ chức ở những thời điểm cần thiết.

Từ học kỳ I năm học 2011-2012, nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến đánh giá của người học về các môn học của chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (kết hợp với hoạt động đánh giá giảng viên) và được đưa định kỳ vào kế hoạch hoạt động trọng tâm của trường [H8.08.01.01]. Trong đó, hoạt động sinh viên đánh giá chương trình giảng dạy và khóa học cũng đã được triển khai định kỳ từ năm học 2011-2012 áp dụng cho sinh viên hệ chính quy. Trường

tổ chức cho sinh viên đánh giá chương trình đào tạo qua việc thực hiện khảo sát bởi Trung tâm tư vấn hỗ trợ sinh viên, trung tâm này được thành lập để giúp giải đáp các thắc mắc của sinh viên cũng như ghi nhận các phản hồi từ sinh viên [H8.08.01.02]. Sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu khảo sát [H8.08.10.01] và kết quả được tổng hợp đánh giá làm cơ sở cho việc điều chỉnh chương trình đào tạo trong từng năm học [H8.08.04.01], [H8.08.06.01], [H8.08.08.01] [H8.08.09.01].

Năm 2013, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến người học và lãnh đạo các đơn vị sử dụng lao động nhằm xây dựng chương trình đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu của xã hội về các chương trình đào tạo trong đó có chương trình Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa [H8.08.03.01]. Các đơn vị tham gia gồm có Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn, Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại [H8.08.05.01] và kết quả lấy ý kiến được tổng hợp đánh giá [H8.08.09.01]

Kết quả lấy ý kiến đánh giá của sinh viên, tổ chức tuyển dụng và cựu sinh viên đã được sử dụng để điều chỉnh chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa vào năm 2013 (thay đổi cơ bản phân kiến thức chuyên ngành theo hướng nâng cao khả năng sáng tạo và tự học của người học, nâng cao hoạt động của sinh viên bằng cách tăng cường khối lượng thực hành, bài tập, thí nghiệm và thảo luận) [H8.08.06.01]. Chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa được rà soát có sự tham gia của giảng viên cấp bộ môn, cấp Khoa, Phòng, cấp trường thông qua các cuộc họp về chuyên đề, tổng kết học kỳ, năm học, hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy... [H8.08.04.01][H8.08.12.01].

Để nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, từ năm 2012 nhà trường cũng ban hành quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ sinh viên hiểu về chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa [H8.08.02.01]. Từ công tác tư vấn, hỗ trợ này các cố vấn học tập có cơ sở để trao đổi với Khoa và Nhà trường để điều chỉnh đề cương môn học và phương pháp giảng dạy trong từng học phần.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã định kỳ khảo sát ý kiến người học về các môn học và giảng viên của chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa sau khi kết thúc mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát được áp dụng điều chỉnh đề cương, phương pháp giảng dạy.

Ý kiến nhà tuyển dụng, cựu người học về hiệu quả của hoạt động đào tạo của chương trình Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa đã được hội đồng khoa học và đào tạo khoa nghiên cứu điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội vào năm 2013 và được hội đồng khoa học trường thông qua để đưa vào đào tạo.

3. Những tồn tại

Chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện.

Quy định về công tác lấy ý kiến người học, cán bộ, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng cũng như quy trình thực hiện chưa được ban hành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ điều tra, thu thập ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên với quy mô mẫu đủ lớn, áp dụng lấy ý kiến riêng cho chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa từ năm học 2015 định kỳ 1 năm 1 lần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 8.2. Chương trình đào tạo được điều chỉnh trên cơ sở các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội

Từ khóa: chương trình đào tạo, điều chỉnh, ý kiến phản hồi

1. Mô tả

Để đảm bảo việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo đạt được kết quả cao và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến nhà tuyển dụng, người học về hoạt động đào tạo. Theo đó, hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, hội nghề nghiệp đã được nhà trường tổ

chức năm 2013 [H8.08.03.01][H8.08.05.01][H8.08.08.01]. Đối với sinh viên chính qui, hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo cũng như hoạt động đào tạo được thực định kỳ 1 năm 1 lần [H8.08.01.01]. Từ đó, chương trình đào tạo được điều chỉnh thường xuyên dựa trên mục tiêu, sứ mạng của trường cũng như ý kiến phản hồi của người học.

Bắt đầu từ năm 2006, đào tạo theo học chế tín chỉ được áp dụng thay thế cho đào tạo theo niên chế cũng phản ánh sự thay đổi tích cực của nhà trường về cơ chế đào tạo theo xu hướng đã thực hiện ở các nước tiên tiến trên thế giới.

Ngoài ra, để hoàn thiện các chương trình đào tạo, nhà trường còn tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế như chương trình Kỹ thuật điện của Đại học bang Oklahoma - Hoa Kỳ (chương trình tiên tiến), Đại học Sơn Đông - Trung Quốc) từ đó làm cơ sở để xây dựng và ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ một cách mềm dẻo hơn [H8.08.06.01].

Tuy nhiên, việc điều chỉnh chương trình đào tạo mới chủ yếu dựa trên tham khảo ý kiến của người sử dụng lao động, các chương trình đào tạo tiên tiến. Việc lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên đánh giá về chương trình đào tạo để điều chỉnh còn nhiều hạn chế.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các nhà đào tạo và các tổ chức xã hội khác.

3. Những tồn tại

Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm và thường xuyên thực hiện. Do đó, các góp ý còn hạn chế và trong phạm vi hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ 1 năm một lần, Khoa Điện cùng với Nhà trường tổ chức hội nghị lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội, dự kiến tổ chức lần tiếp theo vào năm 2015. Các ý kiến từ phía sinh viên, cựu sinh viên sẽ được mở rộng, tăng số lượng điều tra và thực hiện định kỳ 1 năm 1 lần.

5. Tự đánh giá kết quả: Đạt mức 3

Kết luận

Hoạt động đảm bảo chất lượng trong quá trình giảng dạy và học tập được Nhà trường quan tâm đúng mức nhằm đánh giá hiệu quả và kết quả hoạt động đào tạo với sự tham gia của các bên liên quan. Trên cơ sở đóng góp ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường có căn cứ điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội, nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

IV. KẾT LUẬN

Tập thể lãnh đạo, cán bộ viên chức, cán bộ giảng viên và sinh viên Khoa Điện và toàn trường đã nỗ lực không ngừng trong hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo. Báo cáo tự đánh giá là minh chứng để công bố với cơ quan quản lý nhà nước, xã hội và người học chất lượng hoạt động giáo dục đào tạo, đồng thời là căn cứ để Nhà trường, Khoa Điện điều chỉnh và khắc phục những tồn tại trong chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo. Thông qua báo cáo tự đánh giá, Nhà trường và Khoa Điện xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo nhằm không ngừng nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên tự đánh giá: Chương trình đào tạo Tự động hoá đạt chất lượng giáo dục.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2015

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

PGS.TS. Trần Minh Đức

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H1.01.01.01	Sứ mạng và tầm nhìn	2008-2014	Website: Tnut.edu.vn	
H1.01.01.02	Quyết định về thành lập hội đồng thẩm định nghiệm thutài liệu hướng dẫn thí nghiệm	Số 430/QĐ ngày 31/3/2012	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.03	Kế hoạch đào tạo của trường; chương trình đào tạo của trường: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định về việc ban hành quy định học cùng lúc 2 chương trình		Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.04	Kế hoạch giảng dạy, học tập: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.05	Kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.06	Kế hoạch giảng dạy và học tập của từng khoá học	2008-2014	Website: Tnut.edu.vn	
H1.01.01.07	Đề cương cho tiết, tài liệu tham khảo: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	

H1.01.01.09	Chương trình đào tạo từng ngành: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học hình thức vừa làm vừa học	Số 291/QĐ-ĐHKTCN, 2014		
H1.01.01.12	Quyết định phân công phổ biến tuần sinh hoạt của sinh viên K49	Website, 2013	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.18	Biên bản họp rà soát lại chương trình đào tạo	28/02/2012	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.19	Quyết định về việc thành lập hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo 150 tín chỉ	Số 445/QĐ ngày 12/07/2013	Trường Đại học KTCN	
H1.01.02.01	Mục tiêu đào tạo: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.02.02	- Mô tả mục tiêu đào tạo: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
	- Mục tiêu chương trình đào tạo		Website: Tnut.edu.vn	
H1.01.03.01	Quyết định về việc thành lập hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo 150 tín	Số 445/QĐ ngày 12/07/2013	Trường Đại học KTCN	

H1.01.03.02	Báo cáo tổng kết công tác 06 tháng đầu năm 2012	17/8/2012	Phòng TTKT&ĐBCL - Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.06	Khối lượng kiến thức chuyên ngành TĐHXNCN	13/8/2013	Khoa Điện - Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.10	Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.11	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo quản lý sử dụng lao động và cựu sinh viên	20/2/2014	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.12	Công văn về việc biên soạn đề cương chi tiết	Số 114/ĐHKTCN-ĐT, 2014	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo Hệ thống tín chỉ	Số 515/QĐ-ĐHKTCN, 2014	Trường Đại học KTCN	
H1.01.04.01	Chuẩn đầu ra: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.04.02	Chương trình và đề cương môn học: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	

H1.01.04.03	Mô tả chương trình: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.04.05	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo quản lý sử dụng lao động và cựu sinh viên	20/2/2014	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H1.01.04.08	Sổ hợp Khoa Điện	2008-2013	Khoa Điện - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.01	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Các văn bản quy định về việc xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra; văn bản chuẩn đầu ra đã ban hành;	2008	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	

H2.02.01.02	Các văn bản về xây dựng chương trình: QĐ số 257/QĐ-ĐT v/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình, Ban xây dựng chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ và tổ thư ký; QĐ số 645/QĐ-ĐTĐH v/v ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ hệ đại học nhóm ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử và Sư phạm kỹ thuật Điện - Tin	2008	Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.03	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Chương trình đào tạo; các bản mô tả chương trình đào tạo của đơn vị.	2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.04	QĐ số 137/DHKTCN-ĐT v/v kiểm tra, rà soát khung chương trình và kế hoạch đào tạo của các ngành và chuyên ngành đào tạo	30/8/2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.05	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Các đề cương môn học trong chương trình.	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.06	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học	QĐ 38/2004/QĐ-BGD&ĐT 2/12/2004	Bộ giáo dục & ĐT	

H2.02.01.07	Ý kiến của người học đánh giá về môn học trong chương trình: Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa	41061	P. TTKT - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.09	Biên bản họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo 150 tín chỉ điều chỉnh ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	41579	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.10	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.11	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.12	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên: Nhận xét của nhà tuyển dụng lao động về người học tốt nghiệp chương trình đào tạo.	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H2.02.02.01	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Khung chương trình đào tạo của đơn vị và các đề cương môn học.	2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	

H2.02.02.02	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Số liệu thống kê về cấu trúc chương trình;	2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.02.03	Biên bản họp các hội đồng, các hội nghị rà soát chương trình: số 114/DHKTCN-DT 8/7/2013 v/v kế hoạch triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT; số 140/ĐHKTCN-ĐT ngày 5/9/2013 v/v tiếp tục hoàn thiện CTĐT; số 159/ĐHKTCN-ĐT ngày 27/9/2013 v/v hoàn chỉnh CTĐT 150TC.	2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.02.05	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên.	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H2.02.02.07	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H2.02.02.08	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	

H2.02.03.01	Các văn bản về xây dựng chương trình: QĐ số 257/QĐ-ĐT v/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình, Ban xây dựng chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ và tổ chức; QĐ số 645/QĐ-ĐTĐH v/v ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ hệ đại học nhóm ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử và Sư phạm kỹ thuật Điện - Tin	2008	Trường Đại học KTCN	
H2.02.03.02	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Chương trình đào tạo của đơn vị; bản mô tả môn học trong chương trình đào tạo của đơn vị;	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.03.03	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Các bản đề cương môn học;	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.03.06	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên.	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	

H2.02.03.07	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Kế hoạch đào tạo, lịch học của các môn học trong chương trình.	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.03.09	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H2.02.04.01	Chương trình đào tạo của đơn vị và các đề cương môn học: Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.04.02	Mục tiêu đào tạo của ngành: Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.04.03	Các biên bản về việc định kỳ rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với mục tiêu đào tạo và nhu cầu xã hội: QĐ số 137/DHKTCN-ĐT v/v kiểm tra, rà soát khung chương trình và kế hoạch đào tạo của các ngành và chuyên ngành đào tạo	41516	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	

H2.02.04.04	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Các bản mô tả chương trình đào tạo của đơn vị.	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.04.07	Kết quả khảo sát cựu người học về chương trình đào tạo của đơn vị (Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên).	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H2.02.04.08	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.06	Thông báo v/v học cùng lúc hai chương trình và đạo tạo văn bằng hai tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.	Web, 2009	P. CNTT- Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.07	Thông báo mở lớp đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Web 2009	P. CNTT- Trường Đại học KTCN	

H2.02.05.08	<p>Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông dọc và liên thông ngang, liên thông trong và liên thông ngoài: QĐ 631/QĐ-ĐT ngày 27/10/2008 v/v thành lập Hội đồng xây dựng, các ban xây dựng chương trình đào tạo hệ cao đẳng và liên thông từ cao đẳng lên đại học theo hệ thống tín chỉ và tổ thư ký; QĐ số 89/QĐ-ĐT ngày 03/02/2009 v/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đồng thời hai văn bằng theo hệ thống tín chỉ cho các ngành học trong toàn trường và tổ thư ký.</p>	2008, 2009	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.09	<p>Biên bản các cuộc họp về thiết kế chương trình liên thông: QĐ số 89/QĐ-ĐT ngày 03/02/2009 v/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đồng thời hai văn bằng theo hệ thống tín chỉ cho các ngành học trong toàn trường và tổ thư ký.</p>	2009	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	

H2.02.05.13	<p>Các minh chứng khác liên quan đến tính liên thông trong chương trình giáo dục của trường: QĐ số 246/QĐ-ĐT ngày 7/4/2009 v/v ban hành chương trình đào tạo đại học cùng lúc hai chương trình và đào tạo văn bằng hai theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp; QĐ số 541/QĐ-ĐT ngày 31/8/2009 v/v ban hành chương trình các học phần học liên thông từ cao đẳng lên đại học theo hệ thống tín chỉ.</p>	2009	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội -Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.15	<p>Ý kiến của người học đánh giá chương trình đào tạo, về tính liên thông chương trình đào tạo của đơn vị trước khi tốt nghiệp: Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa.</p>	41061	P. CTHSSV- Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.16	<p>Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên: Nhận xét của nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo của đơn vị, về tính liên thông của chương trình đào tạo;</p>	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội -Trường Đại học KTCN	

H2.02.05.17	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2013	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.18	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Tự động hóa năm 2010: Chương trình đào tạo của đơn vị; bản mô tả chương trình đào tạo và bản mô tả các môn học trong chương trình đào tạo của đơn vị.	2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.06.01	Thông báo số 178/ TB-ĐHKTCN v/v kiểm tra bài giảng, vở ra bài tập hoặc nhiệm vụ về nhà từ sách tiếng Anh của giảng viên ngày 18 tháng 9 năm 2014.	2014		
H2.02.06.07	Kế hoạch đào tạo, lịch học của các môn học trong chương trình;	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.01.01	Chương trình đào tạo của đơn vị và các đề cương chi tiết môn học;	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.01.03	Khoa chi đạo bộ môn xây dựng phương pháp giảng dạy và học tập;	Sổ hợp khoa 2008 -2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	

H3.03.01.06	TBvv. Đánh giá sử dụng hệ thống E - Learning trong giảng dạy và học tập	Tháng 9/2014	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN
H3.03.01.11	TBvv. Triển khai đánh giá xếp loại giảng viên	Tháng 7/2014	
H3.03.01.12	Cv vv. Điều chỉnh chương trình đào tạo 150TC	Tháng 7/2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN
H3.03.01.14	CV vv. Quy định 05 tài liệu phục vụ giảng dạy của GV	Tháng 6/2013	
H3.03.01.08	Tuyển tập hội thảo khoa học kỹ năng dạy học đại học	Tháng 10/2012	Khoa SPKT_Điện - Trường Đại học KTCN
H3.03.01.10	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2013 (H8)	Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội - Trường Đại học KTCN
H3.03.02.01	Quy định về chuẩn đầu ra	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN
H3.03.02.02	Quyết định về việc ban hành Quy định về phân cấp trong công tác quản lý sinh viên tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Số 120/QĐ-ĐHKTCN, ngày 10/09/2013	Trường Đại học KTCN
H3.03.02.05	Sổ tay hướng dẫn người học;	Sổ tay SV 2009 - 2013	P. Đào tạo - Trường

			Đại học KTCN	
H3.03.02.07	Thời khóa biểu của sinh viên	Website nhà trường	TNUT	
H3.03.02.09	Quyết định về ban hành quy định về phân cấp quản lý sinh viên; Quyết định cử sinh viên lớp TQ 2+2 đi học lớp hán ngữ ngắn hạn tại Quế Lâm - Trung Quốc	Số 120/QĐ-ĐHKTCN_2013; Số 159/QĐ-HSSV	P. CTHSSV - Trường Đại học KTCN	
H3.03.02.10	Cv vv. Triển khai chương trình "mỗi giảng viên một sản phẩm công nghệ"	Tháng 9/2013	P. QLKH&ĐTQT	
H3.03.02.12	TBvv. Đổi mới trong tổ chức đào tạo học kỳ 2 năm học 2013-2014	Tháng 1/2014	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	
H3.03.02.13	Tb vv. Quy định đưa bài giảng, chữa mẫu bài tập, sửa bài tập, nhiệm vụ về nhà của sv trên E-learning	Tháng 9/2014	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	
H3.03.03.01	Chương trình đào tạo của đơn vị và các đề cương chi tiết môn học	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.02	Mô tả chương trình đào tạo của đơn vị	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.05	Công văn về tổ chức ngày hội việc làm SAMSUNG	Số 130301/ HR - SEV - 2013	SAM SUNG	

	Tổ chức ngày hội tuyển dụng	Số 37-2011/CV-SODV	Công ty TNHH LKĐT SANYO	
	Tuyển dụng lao động	Số 551CT/TCNS - 2012	Công ty cổ phần LILAMA	
	Tuyển dụng của công ty TNHH SAMSUNG Electronics Việt Nam	Số 20/TB-ĐHKTCN	Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.06	Kế hoạch thực tập, đi xưởng của ngành nghề đào tạo;	Website nhà trường	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.07	Sổ hợp Khoa Điện	2008-2013	Khoa Điện - Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.09	TB vv. Sử dụng hệ thống E - learning trong giảng dạy và học tập	Tháng 9/2014	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	
H3.03.03.10	TB vv. Kiểm tra vở ra bài tập, nhiệm vụ về nhà của giảng viên	Tháng 4/2014& 9/2014	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	
H3.03.03.14	TB vv. Lập kế hoạch làm việc của giảng viên tại phòng làm việc.	Tháng 9/2013	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	
H3.03.03.15	TB vv. Mỏ phòng máy tính cho sv sử dụng miễn phí	Tháng 8/2013	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	

H4.04.01.01	Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ ngành tự động hoá; CV về việc nộp ngân hàng đề thi kết thúc học phần học kỳ II năm học 2013-2014	Chương trình đào tạo 2010; CV số 77 ngày 14/4/2014	Trường Đại học KTCN	
H4.04.01.02	Báo cáo kế hoạch đảm bảo chất lượng năm 2013	157/BC, 23/07/2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.01.03	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy QĐ về việc thành lập hội đồng thi khoa Điện	50/QĐ, 05/07/2013 740/QĐ, 09/12/2008	Trường Đại học KTCN	
H4.04.01.04	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy	50/QĐ, 05/07/2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.01.05	Bảng tổng hợp điểm thi TB về việc kiểm tra vở ra bài tập và nhiệm vụ về nhà cho SV; TB về việc kiểm tra vở bài tập của Giáo viên.	2012-2013 37/TB- ĐHKTCN, 04/3/2014; TB số 62/TB-ĐHKTCN ngày 02/4/2014	Trường Đại học KTCN	
H4.04.02.01	Sổ tay sinh viên	2011 - 2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.02.02	Sổ tay sinh viên	2011 - 2013	Trường Đại học KTCN	

H4.04.02.03	Các đề cương chi tiết môn học: Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ ngành tự động hoá	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H4.04.02.05	Sổ tay sinh viên Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ ngành tự động hoá	2011 -2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.02.07	Báo cáo kết quả thực hiện tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	157/BC, 23/10/2009	Trường Đại học KTCN	
H4.04.02.08	website của trường và khoa Điện thông báo v/v đăng ký phân ngành và thực tập tốt nghiệp	2008-2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.03.01	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy	50/QĐ, 05/07/2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.03.02	Sổ tay sinh viên	2011 - 2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.03.03	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy Sổ tay sinh viên	50/QĐ, 05/07/2013 2011	Trường Đại học KTCN	
H4.04.03.04	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy	50/QĐ, 05/07/2013	Trường ĐHKTCN	
H4.04.03.06	Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng năm 2012	54/BC, 08/04/2013	Trường Đại học KTCN	

H4.04.04.06	QĐ về việc ban hành tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	474/QĐ, 22/05/2012	ĐH Thái Nguyên	
H4.04.04.07	Báo cáo kế hoạch đảm bảo chất lượng năm 2013 Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng năm 2012	157/BC, 23/07/2013 54/BC, 08/04/2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.04.08	QĐ về việc thành lập hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo	445/QĐ, 12/07/2013	Trường Đại học KTCN	
	TB về việc tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo	140/ĐT, 05/05/2013		
	CV về việc điều chỉnh lịch trình giảng dạy	565/CV, 03/08/2011		
	QĐ về việc ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống TC	645/QĐ, 03/11/2008		
H4.04.04.11	CV về việc điều chỉnh lịch trình giảng dạy	565/CV, 03/08/2011	Trường Đại học KTCN	
H4.04.04.13	Quy hoạch phát triển trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2005-2015	04/2005	Trường Đại học KTCN	
H4.04.04.15	CV về việc rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo	471/CV, 11/07/2011	Trường Đại học KTCN	

H4.04.04.18	Phiếu đề xuất cấu trúc thi	2012	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.01	QĐ về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	43/QĐ, 15/08/2007	Trường ĐHKTCN	
H4.04.05.02	Bảng tổng hợp điểm thi	2012-2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.03	Website của trường - Phần mềm Edusoft	2008-2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.04	Website của trường - Phần mềm Edusoft	2008-2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.06	Webside của trường	2008-2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.07	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy	50/QĐ, 05/07/2013	Trường Đại học KTCN	
	QĐ về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	43/QĐ, 15/08/2007		
H4.04.05.14	Bảng tổng hợp điểm thi	2012-2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.16	Website của trường - Phần mềm Edusoft	2008-2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.17	Website của trường - Phần mềm Edusoft	2008-2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.18	Website của trường - Phần mềm Edusoft	2008-2013	Trường Đại học KTCN	

H4.04.05.19	Website của trường - Phần mềm Edusoft	2008-2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.20	Bảng tổng hợp điểm thi	2012-2013	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.01	Báo cáo danh sách cán bộ trong biên chế nhà nước bao gồm cả cán bộ cơ hữu và kiêm nhiệm	39733	Trường Đại học KTCN	
	Danh sách, trích ngang giảng viên tham gia giảng dạy chương trình, cán bộ nhân, viên thực hiện chương trình; cơ cấu giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng;	tháng 3/2013	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với CBVC	508/QĐ 29/11/2013	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.02.	Quyết định chi tiền thưởng hoàn thành luận án tiến sĩ đúng hạn	19/03/2013	Trường Đại học KTCN	
	Bảng kê về khối lượng giờ giảng dạy	2008, 2011	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.03	Báo cáo thống kê về công tác tổ chức cán bộ	24/10/2008; 23/3/2009	Trường Đại học KTCN	
	Thống kê thực trạng đội ngũ viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập	tháng 11/2013	Trường Đại học KTCN	
	Báo cáo thống kê chất lượng đội ngũ viên chức	23/03/2009	Trường Đại học KTCN	

	Quyết định chi hỗ trợ học phí cao học, học phí nghiên cứu sinh, hỗ trợ làm luận án nghiên cứu sinh	333, 334/QĐ 06/06/2012; 936,937, 938/QĐ 20/12/2012; 65/QĐ 27/01/2014	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.04	Báo cáo tổng kết năm học tại Hội nghị cán bộ viên chức Khoa Điện	2012	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.05	Sổ tay sinh viên	2009-2013	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.06	Báo cáo kết quả thực hiện tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	157/BC-TTKT&ĐBCL 23/10/2009	Trường Đại học KTCN	
	Bảng tổng hợp ý kiến sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên học kỳ 2 năm 2012-2012	2012	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.07	CV vv kiểm tra đánh giá xếp thứ tự giảng viên trong bộ môn kỳ II năm học 2013-2014	07/ 7/2014	Trường Đại học KTCN	
	Thông báo về việc tính giảm trừ định mức giảng dạy	654/TB 2/11/2012	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ đi dự thi nghiên cứu sinh năm 2008	91, 95/QĐTCCB 18/2/2008; 157, 158/QĐ TCCB 03/04/ 2008;	Trường Đại học KTCN	

H5.05.02.01	Quyết định cử cán bộ tham dự lớp tập huấn cán bộ chủ chốt công đoàn giáo dục	748/QĐ TCCB 11/12/2009	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ nữ đi bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý	464/QĐ TCCB 4/11/2010	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ tham gia khóa học đào tạo kiến thức về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng	634/QĐ TCCB 27/10/1008	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ đi bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh	532/QĐ TCCB 28/05/2009; 367/QĐ TCCB 03/06/2009; 386/QĐ 06/07/2012	Trường Đại học KTCN	
	Thông báo về việc tham dự lớp bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên trẻ	898/TB TCCB 4/12/2012	Trường Đại học KTCN	
	Thông báo về việc tham dự lớp bồi dưỡng thiết kế bài giảng trong đào tạo theo tín chỉ ..	18/ CV-TCCB 18/01/2011	Trường Đại học KTCN	
H5.05.02.02	Quyết định điều chỉnh hệ số lương	510, 511/QĐ 29/11/2013; 126/QĐ 19/03/2013	Trường Đại học KTCN	

H5.05.02.03	Quyết định cử cán bộ đi công tác	286/QĐ 18/05/2012; 404/QĐ 13/07/2012; 386/QĐ 06/07/2012; 576/QĐ 10/09/2012; 465/QĐ 03/08/2012;	Trường Đại học KTCN	
	Danh sách cán bộ giảng viên đi học tiếng Anh tại Philippines	63/CV TCCB 9/3/2011	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ tham gia lớp học TOEFL - ITP	618,619/QĐ 17/10/2012; 16/QĐ 29/01/2013	Trường Đại học KTCN	
	Danh sách cán bộ giảng viên đi công tác tại Hoaky, CHLB Đức, Bulgari	327/CV TCCB 29/06/2011; 175/CV TCCB 30/03/2011; 522/QĐ 27/08/2012; 194/QĐ 29/05/2013	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng phương pháp dạy học	345/QĐ TCCB 31/05/2010	Trường Đại học KTCN	
	Danh sách CBVC tham gia tập huấn công tác văn thư lưu trữ	24/11/2011	Trường ĐH KTCN	
	Quyết định cử cán bộ giáo viên tham gia hội thảo khoa học, học tập tại Thái lan,	620/QĐ 17/10/2012; 644/QĐ 26/10/2012; 286/QĐ 18/05/2012	Trường Đại học KTCN	

	Danh sách CBVC tham gia lớp nghiệp vụ sư phạm	20/04/2011	Trường Đại học KTCN	
H5.05.02.04	TOEFL - ITP test result	tháng 2, 12/2013	Công ty cổ phần IIG VIỆT NAM	
	Bằng tiến sĩ kỹ thuật	29/08/2013	Đại học quốc gia Seoul, Hàn Quốc	
	Bằng tiến sĩ	15/11/2013	Đại học Thái Nguyên	
	Bằng thạc sĩ	40788	Trường Đại học KTCN	
	Bằng thạc sĩ	15/06/2012	ĐH BK Hà Nội	
H5.05.02.05	Các báo cáo tổng kết hàng năm của đơn vị thực hiện chương trình;	Khoa	Trường Đại học KTCN	
H5.05.02.06	Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến người học kỳ 1 năm học 2010 - 2011 về các hoạt động của các trung tâm và khối văn phòng về hiện tượng tiêu cực trong đào tạo	2010	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.01	Quy định về tuyển dụng đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ	2012	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định về việc ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng và đào tạo bồi dưỡng CBVC của trường ĐH KTCN	Số 582/QĐ – ngày 24/12/2013	Trường Đại học KTCN	

	Thông báo về việc xét nâng lương	435/TB TCCB 03/09/2008; 343/ TB TCCB 10/07/2011; 469/CV/TCCB 19/09/2008	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.02	Thông báo về việc xét tuyển hợp đồng	524/TB TCCB 12/10/2011; 271/TB TCCB 13/04/2009; 218/TB TCCB 28/02/2009; 23/TB 21/01/2011; 173/CV TCCB 27/03/2011; 471CV TCCB 12/09/2011; 125/TB 13/05/2013; 30/TB 21/02/2014	Trường Đại học KTCN	
	Thông báo về việc đánh giá hết tập sự	470/TB 08/08/2012; 576/CV TCCB 10/11/2011; 153/TB 09/03/2012	Trường Đại học KTCN	
H5.05. 03.03	Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với CBVC	29/11/2013	Trường Đại học KTCN	

H5.05.03.04	Báo cáo tổng kết năm học của nhà trường;	416/BC TKNH 4/8/2008; 484/BC TKNH 4/8/2009; 562/BC 06/08/2012	Trường Đại học KTCN	
	Báo cáo tổng kết thi đua năm học của nhà trường;	779/BC TĐ 12/12/2011	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.04	Báo cáo thành tích năm học của nhà trường;	643/BC 26/10/2012;	Trường Đại học KTCN	
	Hồ sơ của giảng viên, các kết quả giảng dạy, nghiên cứu và các thành tích khác của giảng viên	P. HCTC	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.06	Quyết định nâng bậc lương	27/09/2008; 619/QĐ 26/10/2009; 673/QĐ 09/11/2009; 468, 469/QĐ 12/09/2011; 729 QĐ 22/11/2011; 666/QĐ 02/11/2012	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.07	Các đơn từ khiếu nại về việc tuyển chọn và nâng bậc cho giảng viên;	P. TTKT	Trường Đại học KTCN	
H5.05.04.01	Bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp khoa, phòng Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	179/ĐHTN-TCCB, 11/3/2011	Đại học Thái Nguyên	
	Về việc thành lập tổ công tác lấy phiếu tín nhiệm trưởng các đơn vị	751/QĐ-TCCB, 8/11/2011	Trường Đại học KTCN	

QĐ Thành lập tổ công tác thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm Trưởng, phó các đơn vị trong trường	136/QĐ-TCCB,15/3/2011	Trường Đại học KTCN	
Thành lập tổ công tác thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm Trưởng, phó bộ môn các đơn vị trong trường.	68/QĐ-TCCB, 08/3/2011	Trường Đại học KTCN	
Bổ nhiệm Trưởng, Phó bộ môn thuộc khoa Điện	Từ 493 đến 498/QĐ-TCCB, 22/9/2008	Trường Đại học KTCN	
Bổ nhiệm trưởng phó bộ môn	66/QĐ-TCCB, 8/3/2011	Trường Đại học KTCN	
Về việc Bổ nhiệm cán bộ	625, 626, 677, 654/QĐ-TCCB, 10/11/2011	Trường Đại học KTCN	
	292, 294/QĐ-TCCB, 27/5/2011	Trường Đại học KTCN	
Đề nghị bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng lần đầu nhiệm kỳ 2011-2016	554/CV-TCCB, 21/10/2011	Trường Đại học KTCN	
Về việc đề xuất số lượng nhân sự Phó Hiệu trưởng và quy trình kéo dài chức danh phó Hiệu trưởng	507/CV-TCCB, 04/10/2011	Trường Đại học KTCN	
Thông báo kế hoạch bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng	530/TC-TCCB, 19/10/2011	Trường Đại học KTCN	
Thông báo lễ công bố Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng	567/TB-TCCB, 04/11/2011	Trường Đại học KTCN	
Về việc giao nhiệm vụ Cán bộ	741,743, 744,745/QĐ-TCCB, 6/12/2011	Trường Đại học KTCN	

H5.05.04.02	Về việc Bổ nhiệm cán bộ nhiệm kỳ 2011-2016	114,113,115,116,118,119, 122,123,120/QĐ-TCCB, 15/03/2011	Trường Đại học KTCN
H5.05.04.03	Thông báo về việc tuyển dụng giảng viên	Số 34/TB-ĐHKTCN	Trường Đại học KTCN
	Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm trưởng, phó bộ môn các đơn vị trong trường	/QĐ-TCCB, 08/3/2011	Trường Đại học KTCN
H5.05.05.01	Trích biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng	406/TĐ-KT, 19/8/2011 436/BB-ĐHKTCN, 7/2012	Trường Đại học KTCN
	Trích biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng	477/TĐ-KT, 01/8/2009	Trường Đại học KTCN
	Thi đua khen thưởng năm học 2007-2008	694/QĐ-TĐKT, 20/11/2008	Trường Đại học KTCN
	Công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2008-2009	482/QĐ-TĐKT, 20/8/2009	Trường Đại học KTCN
	Công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2009-2010	426/QĐ-TĐKT, 12/10/2010	Trường Đại học KTCN
	Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2010-2011	481/QĐ-TĐKT, 10/9/2011	Trường Đại học KTCN
H5.05.05.02	Các biên bản dự giờ và đánh giá bài giảng	2010, 2011	Trường Đại học KTCN
H5.05.05.03	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường	172/QĐ-ĐHKTCN, 09/5/2013	Trường Đại học KTCN

	TB về việc tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức các cấp	248/TB-LT, 14/5/2008	Trường Đại học KTCN	
H5.05.05.04	Nghị quyết Hội nghị đại biểu cán bộ viên chức năm 2009	Năm 2009	Trường Đại học KTCN	
	Báo cáo trình hội nghị cán bộ viên chức năm 2009	Năm 2009	Trường Đại học KTCN	
H5.05.05.09	Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến người học kỳ I năm học 2010-2011 về các hoạt động của các trung tâm và khối văn phòng về hiện tượng tiêu cực trong đào tạo	2010-2011	Trường Đại học KTCN	
H6.06.01.01	Phiếu khảo sát tình trạng làm việc của sinh viên tốt nghiệp	40946	Trường Đại học KTCN	
H6.06.01.02	Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các quyết định mức học phí hệ Đại học chính quy và hệ vừa học vừa làm	Số 157/2007QĐ-TTg-ngày 27/09/2007	Thủ tướng chính phủ	
		Số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010		
		Số 307/QĐHP-HSSV ngày 01/09/2009		
		Số 157/ TB- HSSV ngày 25/5/2010		
		Số 33/ HP-HSSV ngày 22/02/2010	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các quyết định mức học phí hệ Đại học chính quy và hệ vừa học vừa làm	Số 962/ QĐ – ĐHKTCN ngày 15/10/2012		

		Số 874/QĐ- ĐHKTCN ngày 16/08/2012.		
H6.06.01.03	Sổ tay sinh viên	Năm 2011	Trường Đại học KTCN	
H6.06.01.08	Phiếu khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp	Ngày 02/07/2012	Trường Đại học KTCN	
H6.06.02.01	Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 907/QĐ-ĐHKTCN - Ngày 14/09/2012	Trường Đại học KTCN	
H6.06.02.03	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên các khóa K43, K42, K41, K40, LT06, LT07	Website nhà trường	Trường Đại học KTCN	
H6.06.02.04	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên khóa 43 năm học 2007-2008 Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên khóa 44 năm học 2008-2009	Website nhà trường	Trường Đại học KTCN	
H6.06.03.02	Sổ tay sinh viên	2009-2011	Trường Đại học KTCN	

H6.06.03.04	Quyết định thành lập Trung tâm tư vấn sinh viên trực thuộc Phòng Công tác - Học sinh sinh viên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Số 532/QĐ-TCCB - Ngày 19/10/2011	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.02	Thông báo về việc nộp hồ sơ hưởng trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung dài hạn	Số:81/TB-DHKTCN-27/8/2013	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.03	Quyết định về việc cấp trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ đại học chính quy dài hạn.	Số:626/QĐ-DHKTCN-05/2/2012	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.06	Thông báo về việc khám sức khỏe cho sinh viên tốt nghiệp	Số 42/TB-ĐHKTCN – 24/4/2013	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.07	Công văn về việc tăng cường đảm bảo ANTT và ATGT dịp Tết nguyên đán và lễ hội 2013	Số 649/ĐHKTCN-CTHSSV- 18/12/2012	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.11	Quyết định về việc khen thưởng sinh viên có thành tích cao trong học tập, rèn luyện.	Số: 155/QĐ-KT - 30/6/2011	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.12	Quyết định về việc ban hành uy định công tác quản lý sinh viên nội trú trường ĐH KTCN	Số 160/QĐ-ĐHKTCN – 30/10/2013	Trường Đại học KTCN	

H6.06.05.01	Quyết định về việc thành lập Câu lạc bộ Tennis Trường ĐHKTCN	Số: 9/QĐ-HSV; Ngày 16/10/2012	BCH Hội sinh viên trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
	Quyết định về việc thành lập Câu lạc bộ Sáo trúc Trường ĐHKTCN	Số: 5/QĐ-HSV; Ngày 16/10/2012	BCH Hội sinh viên trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
	Quyết định về việc kiện toàn English Club Trường ĐHKTCN	Số: 6/QĐ-HSV; Ngày 16/10/2012	BCH Hội sinh viên trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
H6.06.05.03	Báo cáo về việc thực hiện chương trình Nhân ái mùa thi năm 2013	Số: 10/BC-ĐTN; Ngày 20/7/2013	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
H6.06.05.05	Kế hoạch tổ chức chương trình tiếp sức mùa thi năm 2013	Số: 10/KH-ĐTN; Ngày 14/06/2013	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
H6.06.05.06	Báo cáo công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi 6 tháng cuối năm 2012	Số: 18/BC-ĐTN; Ngày 10/12/2012	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
	Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh niên năm 2012 - 2013	Số: 9/BC-ĐTN; Ngày 02/06/2013	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
H6.06.05.07	Kế hoạch v/v tổ chức Liên hoan tiếng hát sinh viên Cơ - Điện năm 2012 Chào mừng Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Khoa Cơ khí và khoa Điện	Ngày 11/10/2012	BCH Liên chi đoàn khoa Cơ khí và khoa Điện - trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	

Kế hoạch tổ chức giải bóng đá truyền thống sinh viên khoa Cơ - Điện năm 2012	Ngày 15/9/2012	BCH Liên chi đoàn khoa Cơ khí và khoa Điện - trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
Kế hoạch tham gia Festival sinh viên Đại học Thái Nguyên năm 2012	Số: 28KH/ĐTN; ngày 25/11/2012	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
Kế hoạch v/v tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Khoa Cơ khí và khoa Điện	Số: 24 KH-ĐTN; Ngày 1/10/2012	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
Thông báo v/v tổ chức " Hội khoẻ Thể dục thể thao sinh viên lần thứ IV" chào mừng 82 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Số: 01/TB-ĐTN; ngày 28/02/2013	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập kho Cơ khí - kho Điện	Ngày 11/9/2012	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	

H6.06.05.07	Kế hoạch tổ chức liên hoan tiếng hát sinh viên khoa Cơ khí và khoa Điện chào mừng 41 năm ngày thành lập hai khoa	Ngày 10/10/2013	BCH Liên chi đoàn khoa Cơ khí và khoa Điện - trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
	Kế hoạch v/v tổ chức các hoạt động trong quý II năm 2013	Số: 04/KH-ĐTN; Ngày 8/3/2013	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
H6.06.05.08	Các thông báo và các kế hoạch về các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và Chương trình University's Open Day	Năm 2008,2009,2012,2013	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	
H6.06.05.10	Quyết định về việc trao giải Hội khỏe TDTT Cơ - Điện mở rộng Chào mừng 40 năm ngày thành lập khoa Cơ khí và khoa Điện	Số 661/QĐ-ĐHKTCN - Ngày 26/10/2012	Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp	
H6.06.05.11	Quyết định về việc phối hợp tổ chức chiến dịch tình nguyện hè 2013	Số 7/CV-ĐTN - Ngày 05/06/2013	Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp	

	Kế hoạch tham gia chương trình Festival Chào tân sinh viên năm 2013	Số 10KH/ĐTN - Ngày 28/09/2013		
	Thông báo về việc tổ chức hoạt động hè cho các cháu TNND 2013	Số 13/TB-ĐHKTCN - Ngày 10/06/2013		
	Kế hoạch tham gia giải bóng đá sinh viên tỉnh Thái Nguyên năm 2012	Số 12/KH-ĐTN - Ngày 26/09/2012		
	Quyết định về việc cử đội tuyển bóng đá tham gia giải bóng đá sinh viên tỉnh Thái Nguyên 2012 Chương trình tình nguyện hè 2011	Số 601/QĐ-ĐHKTCN - Ngày 06/10/2012		
H6.06.05.13	Phiếu hỏi ý kiến sinh viên tốt nghiệp năm 2012 đánh giá về CTĐT ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp Phiếu lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	2012	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Phiếu điều tra	Số 31/QĐ-TT-KT&ĐBCLGD - Ngày 07/04/2008		

	Thông báo về việc Tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Số 38/TB-TT-KT&ĐBCLGD - Ngày 25/04/2008		
H6.06.06.03	Các chương trình sinh viên nói không với tệ nạn xã hội và Lễ phát động Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục. Kế hoạch phòng chống ma túy	Ngày 22/11/2012 Ngày 11/05/2012	BCH Đoàn trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
H7.07.01.02	Biên bản kiểm kê năm 2012	2012	Phòng QT-PV	
H7.07.01.03	Tình trạng khai thác TB TN năm học 2011-2012	2012	Trung tâm thí nghiệm	
H7.07.02.03	Số liệu thống kê tài liệu thư viện	2013	Phòng CNTT-TV	
H7.07.02.05				
H7.07.02.09				
H7.07.02.10				
H7.07.03.01	Cơ sở vật chất của trường	2013	Phòng QT-PV	
H7.07.03.02	Công khai cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng 2013-2014	01/01/2014	Phòng QT-PV	
H7.07.03.03	Bảng tổng hợp diện tích sàn	01/01/2014	Phòng QT-PV	
H7.07.03.04	Bảng tổng hợp thiết bị	01/01/2014	Phòng QT-PV	

H7.07.03.11	Sổ theo dõi tài sản cố định tại nơi sử dụng	2012	Phòng QT-PV	
H7.07.04.02	Hệ thống máy chủ quản		Phòng CNTT-TV	
H7.07.04.04	Ứng dụng phần mềm trong đào tạo, quản lý		Phòng CNTT-TV	
H7.07.04.05	TB về việc sử dụng email và hệ thống E-learning cho sinh viên	02/12/2014	Phòng CNTT-TV	
H7.07.04.06	TB v/v mở phòng máy tính cho sinh viên sử dụng miễn phí	08/12/2013	Trung tâm thí nghiệm	
H7.07.04.07				
H7.07.04.09	Quy định về quản lý, khai thác sử dụng tài sản trường ĐHKTCN	2013	Phòng QT-PV	
H7.07.04.12	Bảng thống kê hệ thống máy tính được kết nối internet và intranet		Phòng CNTT-TV	
H7.07.04.14	QĐ v/v ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ các Phòng, Khoa chức năng	QĐ 891/QĐ-TCCB 30/12/2011	Phòng HC-TC	
H8.08.01.01	Kế hoạch công tác trọng tâm năm học 2012-2013	31/08/2012	Trường Đại học KTCN	
H8.08.02.01	Quyết định số 379/QĐ-HSSV. V/v Ban hành qui định về công tác tư vấn và hỗ trợ sinh viên trường ĐH KTCN	379/QĐ-HSSV, 25/11/2011	Trường Đại học KTCN	
H8.08.03.01	Giấy đề nghị V/v khảo sát cựu sinh viên và lãnh đạo nhà máy xí nghiệp	01/11/2013	Trường Đại học KTCN	
H8.08.04.01	Thông báo về việc tiếp tục hoàn thiện CTĐT	Số 140/ĐHKTCN-ĐT, 5/9/2013	Trường Đại học KTCN	
H8.08.05.01	Danh sách các bên liên quan cung cấp thông tin phản hồi về chất lượng chương trình đào tạo	01/11/2013	Trường Đại học KTCN	

H8.08.06.01	Quyết định V/v ban hành chương trình đào tạo theo HTTC hệ đại học nhóm ngành Kỹ thuật điện - điện tử và Sư phạm kỹ thuật Điện - Tin	Số 645/QĐ-ĐTĐH, 3/11/2008	Trường Đại học KTCN	
H8.08.08.01	Phiếu khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp	2012	Trường Đại học KTCN	
H8.08.09.01	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2013	Trường Đại học KTCN	
H8.08.12.01	Báo cáo tổng kết năm học	2012, 2013	Khoa Điện - Trường ĐH KTCN	